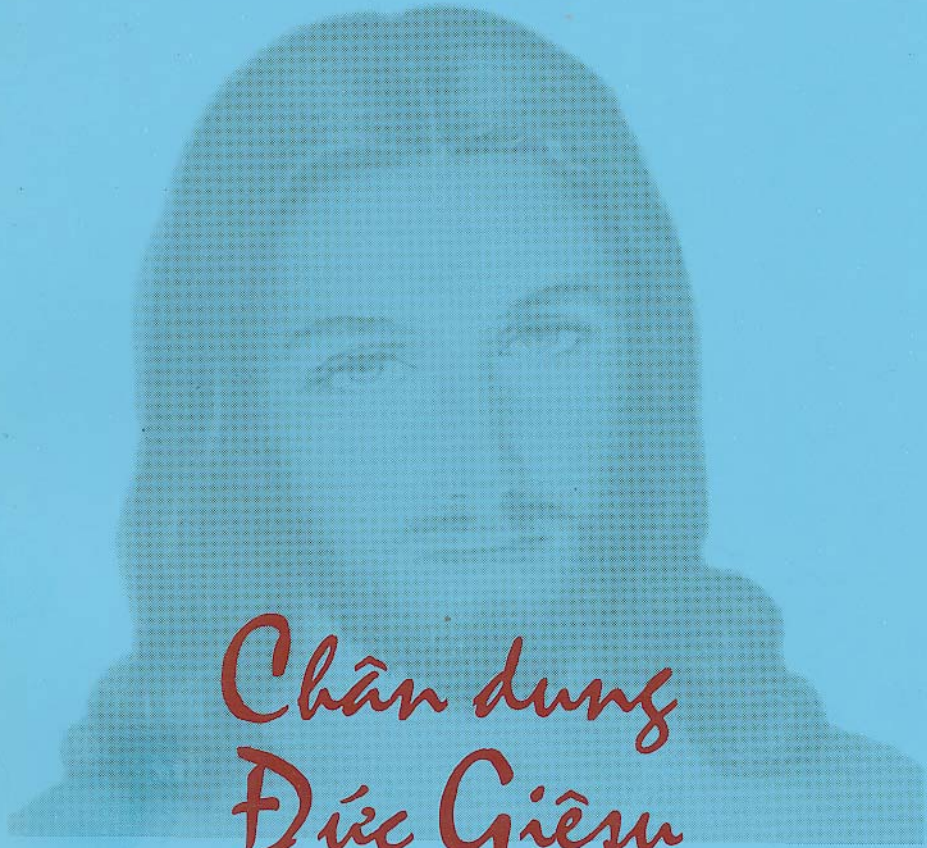


*Tác giả: Lm. Joseph F. Girzone*  
*Việt Ngữ: Diên Sơn & Đan Hồ*



*Chân dung  
Đức Giêsu*

A PORTRAIT OF JESUS

Sydney, Mùa Đông 2004

**CHÂN DUNG  
ĐỨC GIÊSU**  
*A PORTRAIT OF JESUS*

Tác giả: LM. JOSEPH F. GIRZONE  
Dịch thuật: Diên Sơn & Đan Hồ

Sydney 2004

Copyright (c) 1998 by Joseph F. Girzone,  
Diên Sơn & Đan Hồ

In và Phát hành: Sydney 2004

*Địa chỉ liên lạc:*

Nguyễn Đăng Khoa

Điện thoại: +61 2 9730 0078

Mobile: +61 419 223 691

Email: [dkn492000@yahoo.com.au](mailto:dkn492000@yahoo.com.au)

## Lời mở đầu

Tôi yêu thích công việc linh mục của tôi. Tôi thích cộng tác với người cùng tín ngưỡng, với dân chúng và giáo sĩ các tôn giáo khác. Chúng tôi hợp tác với nhau cách tốt đẹp. Điều đáng buồn là vẫn còn có giáo sĩ giữ thái độ lạnh lùng và không hòa đồng với người của các tôn giáo khác, họ nghĩ rằng tôn giáo của mình là chính, và theo họ nếu có lộ vẻ ủng hộ các tôn giáo khác là mang tội. Tôi nghĩ rằng đó là thái độ cách đây không lâu lắm của những người Công giáo chúng ta, và bây giờ vẫn còn có những người như thế. Nhưng đối với những ai trong chúng ta đã bỏ được thái độ ấy thì sẽ quý trọng lẫn nhau và thấy rằng mọi người đều được Thiên Chúa yêu thương, và mỗi người diễn tả một phương diện nào đó của đức Giêsu mà người khác không lưu ý đến. Chúng ta ai nấy đều quan tâm đến công việc của mình, đến dân chúng của mình, đến công việc tốt xấu trong cộng đồng.

Tuy nhiên, phải một thời gian lâu lắm tôi mới ý thức rằng còn có cái gì thiếu sót trong lối hành đạo của chúng ta, và điều này làm cho tôi rất áy náy. Chúng ta ai cũng nhạy cảm đối với phong tục tập quán của giáo hội mình. Chúng ta ý thức và quan tâm đến những vấn đề cộng đồng. Các giáo sĩ thì lại lo lắng bảo vệ đức tin của tín đồ và lo sao cho họ trung thành với nhà thờ hay hội đường của mình. Điều này không có gì sai. Nhưng một ngày nọ tôi cảm thấy rằng chúng ta chỉ quan tâm đến nhà thờ và hội đường của mình mà ít quan tâm đến điều Thiên Chúa muốn. Dẫu sao thì Thiên Chúa là tôn giáo của chúng ta. Các nhà thờ hay hội đường cũng chỉ là phương tiện để mang lại sứ điệp của Thiên Chúa. Mỗi tôn giáo dạy nhiều điều khác nhau, dường như Thiên Chúa không phải là một, dường như ngài không phải là một Thượng đế thông minh và quan tâm đến một thế giới đang tìm kiếm ủi an. Tôi bắt đầu ý thức rằng chúng ta đang theo nhiều hướng quá trong khi Thiên Chúa chỉ là một. Người Công giáo thì yêu mến Giáo hội của mình và bo bo ôm giữ lề luật và phong tục của Giáo hội. Người Tin Lành thì chỉ biết có Kinh Thánh và lối giải thích Kinh Thánh của họ, cũng như chỉ biết có giáo sĩ và những điều đố kỵ của tôn giáo mình mà hờ hững đối với người tội lỗi. Người Do thái thì muốn giữ riêng dòng máu của họ và làm mọi cách để dân chúng dừng lại gần những người Kitô, dường như tin ở Thiên Chúa không quan trọng lắm và cũng chẳng quan tâm đến

điều Thiên Chúa muốn. Một người Do thái có thể là vô thần hay bất khả tri cũng chẳng sao, nhưng nếu họ theo đạo Kitô là điều không thể tưởng tượng được và sẽ bị tuyệt thông. Cách đây không lâu lắm người ta còn dán yết thị trước nhà người đó. Những điều nói trên làm chia cách chúng ta, tạo nên một bức tường vô hình ngăn cách trong khi bên ngoài thì ca ngợi hiệp nhất qua những nghi lễ có vẻ thân thiện. Tôi có cảm tưởng rằng người ta không quan tâm lắm đến điều Thiên Chúa muốn. Thỉnh thoảng cũng có những điều tốt đẹp xảy ra như trường hợp giữa họ đạo Lutêran và họ đạo của tôi. Vị mục sư và tôi thân thiện với nhau. Chúng tôi đi dự lễ của hai bên. Chúng tôi cầu nguyện chung với nhau. Hai họ đạo cử hành các nghi thức phụng vụ chung nhau. Chúng tôi cũng xin hai giám mục của đôi bên ban phép thêm sức cho trẻ con của đôi bên. Chúng tôi hiệp nhất với nhau. Điều này cũng xảy ra với các họ đạo địa phương như Do thái và Chính thống giáo. Chúng tôi bàn thảo về việc tín đồ của tôn giáo này có thể làm tín đồ của tôn giáo bạn. Riêng tại họ đạo Mêthôđít và họ đạo của tôi, vị mục sư và tôi thường luân phiên giảng trong nhà thờ của nhau, và khi mục sư đi vắng thì tôi đến cử hành nghi lễ thay ông.

Nhưng đây chỉ là những trường hợp ngoại lệ. Thường thì chúng ta chẳng bao giờ công khai đi đến hiệp nhất. Điều này làm tôi thất vọng vì tôi cảm thấy chúng ta cần phải xích lại gần nhau. Tôi nghĩ rằng đây là điều Thiên Chúa muốn. Chúng ta nói duy nhất và hiệp thông, nhưng lại không đủ can đảm để trở nên một. Hiệp nhất là một kinh nghiệm hãi hùng khi mà lối sống của giáo sĩ và các cơ cấu bảo trì tôn giáo lại quá lệ thuộc vào tổ chức. Hàng giáo phẩm thì nghĩ rằng muốn đi đến hiệp nhất thật sự, trước tiên các nhà thần học phải đồng ý về một công thức, rồi sau đó dân chúng mới được phép hiệp nhất. Điều này không hẳn đúng, bởi vì không phải chỉ cần các nhà thần học đồng ý về một công thức là dân chúng như một đàn cừu không biết suy nghĩ sẽ tự động thay đổi niềm tin lâu nay của mình mà theo công thức của các ông. Nếu có được hiệp nhất thì tiên vàn dân chúng phải hiệp nhau trong đức ái, và khi đức ái xoá bỏ được bức tường chia cách thì dân chúng sẽ hiểu được đức Giêsu nhiều hơn mà chấp nhận những gì ngài muốn. Đây là nền tảng thần học của hiệp nhất.

Ngày nọ tôi cảm nghiệm rằng mặc dù chúng ta hằng say hoạt động cho giáo hội, nhưng điều đức Giêsu muốn thì lại không phải là động lực của công việc chúng ta. Đối với những người lãnh đạo Kitô thì

điều Giêsu muốn phải đứng hàng đầu, nhưng Giáo hội, thần học và giáo luật lại là động lực căn bản! Vì thế nhiều vị trong khi hành sự không quan tâm đến điều đức Giêsu muốn. Trong khi đó thì Kinh Thánh là tôn giáo đối với người Tin Lành vì họ không tin quyền bính giáo huấn của giáo hội, trong khi chính giáo hội xác định thẩm quyền của Kinh Thánh. Còn đối với những người lãnh đạo Do thái thì văn hoá và sắc tộc của họ là tôn giáo. Như vậy thì điều Thiên Chúa muốn xem ra không quan trọng lắm, có khi lại là chướng ngại. Do đó chúng ta cũng hiểu được tại sao có chiến tranh tôn giáo ở Hung Gia Lợi và Bắc Ái Nhĩ Lan, cũng như ở Nam Phi và Đất Thánh. Khi đi giảng về đời sống và điều đức Giêsu dạy, tôi phải ngạc nhiên khi nghe dân chúng nói rằng họ chưa bao giờ nghe nói về đời sống của đức Giêsu. Một linh mục rất thánh thiện mà tôi kính yêu từ lâu nói rằng ông rất đỗi ngạc nhiên vì làm sao tôi có thể nói về đức Giêsu suốt một tiếng rưỡi đồng hồ. Khi tôi hỏi tại sao ông ngạc nhiên thì ông bảo rằng trong đại chủng viện không có dạy về đức Giêsu. Người ta chỉ dạy thần học, Kinh Thánh, Giáo luật và một số môn học khác, nhưng không ai dạy môn học về con người Giêsu, về điều Giêsu nghĩ và về viễn tượng của Ngài.

Tôi cũng gặp phản ứng tương tự của người Tin Lành. Một sinh viên nói rằng chị ghi danh ở năm chủng viện danh tiếng trong đạo để có sự lựa chọn. Khi chị hỏi ở các văn phòng ghi danh có môn học nào về đức Giêsu không, thì chị rất ngạc nhiên vì nơi nào cũng trả lời giống nhau: “Không, nhưng có những môn về Kitô học được tùy ý lựa chọn.” Một sinh viên khác muốn mời tôi đến chủng viện của anh để nói về đức Giêsu. Tôi bảo anh nên giàn xếp với phân khoa gửi giấy mời tôi. Trong khi chờ đợi, tôi đề nghị với anh là nên yêu cầu một giáo sư thần học trong ban giáo sư để dạy về đức Giêsu. Anh ta trả lời rằng anh và các sinh viên khác đã đề nghị với một giáo sư thần học nổi tiếng, nhưng ông ta trả lời rằng người ta thuê ông dạy thần học chứ không phải dạy về Giêsu.

Vài năm về trước tiến sĩ Gioan Killinger là một nhà thần học đạo đức Báp-tít mời tôi đến diễn thuyết tại đại học của ông. Sau buổi diễn thuyết, một số giáo sư thần học và mục sư đến cám ơn tôi đã diễn thuyết về đức Giêsu. Các ông nói rằng rất cảm động khi nghe tôi nói về đức Giêsu, xem ra rất mới lạ đối với các ông. Các ông nói rằng đọc Kinh Thánh chưa chắc hiểu được Giêsu cách chu đáo. Các ông cũng

nói bây giờ các ông mới biết rằng biết Kinh Thánh không có nghĩa là biết Giêsu. Tôi rất cảm động về lòng khiêm nhường của các ông.

Điều này cho biết tại sao sách Giô-sê và những buổi nói chuyện về Giêsu được hưởng ứng cách nồng nhiệt. Dân chúng khao khát Giêsu và muốn biết đích thực Tin Mừng của ngài, dẫu họ là Kitô, Do thái, Ấn giáo, Phật giáo và cả những người không thuộc tôn giáo nào. Tin Mừng của đức Giêsu đáp ứng sâu xa những khát vọng của tâm hồn nhân loại, dù họ có đức tin hay không. Tin Mừng của ngài phải được thể hiện trong cách thức chúng ta hiểu biết Giêsu là ai, ngài cảm nghĩ thế nào. Chúng ta không thể nào hiểu được Tin Mừng của đức Giêsu khi chưa biết con người của ngài, khi chưa hiểu được phản ứng tâm lý của dân chúng nghe ngài nói chuyện trong các làng mạc hay trên các sườn đồi ở Palêtina. Khi thấy đức Giêsu đi lại cách bình thường với dân chúng nhất là với những người bị xem là tội lỗi, cũng như thấy họ rất thoải mái với Ngài, bạn sẽ thấy rằng ngài không làm vẻ thánh thiện hay xét đoán. Vì thế người tội lỗi cảm thấy mình được ngài chấp nhận và rất nhẫn nại với họ, để từ từ họ đạt đến những lý tưởng cao hơn với một đời sống tốt đẹp hơn. Cái nét đơn sơ nhỏ mọn ấy là một phần quý giá của Tin Mừng vì nó nói lên thái độ của đức Giêsu đối với những người bị xem là tội lỗi và sống bên lề xã hội. Đức Giêsu không phải dung túng họ nhưng chấp nhận con người của họ, để họ cảm thấy thoải mái khi đến với ngài. Mặc dù họ không thấy được thiên tính của ngài, nhưng thái độ của ngài đối với họ khác xa với thái độ của các giáo sĩ xem họ là tội lỗi và phạm luật. Đức Giêsu không đánh giá họ theo tiêu chuẩn luật pháp. Cha của ngài dựng nên họ thế nào thì ngài chấp nhận họ thế ấy, nghĩa là bất toàn, thiếu sót, ít hiểu biết và hay sợ hãi. Ngài hiểu được cảm nghĩ của họ do chính kinh nghiệm của mình, và thông cảm với những lo âu sợ hãi của con người mỏng dòn. Tình nồng ấm và thân thiện của ngài làm họ xúc động đi theo ngài. Cử chỉ khiêm tốn của ngài rất có ý nghĩa đối với những người đơn thuần này. Họ thường bị khinh rẻ do những người tự xem là công chính và đứng đắn. Họ thấy ngài là một nhân vật thánh thiện, và vì ngài yêu mến họ nên họ theo ngài. Ngài đúng là thánh thiện và không giống những kinh sư hay nhóm người Phariseu chỉ tuân giữ lề luật, nhưng dân chúng lại thấy họ không thánh thiện như ngài. Dân chúng thấy ngài yêu mến Thiên Chúa và lấy làm hãnh diện được ngài yêu mến nữa.

Hiện tượng đó cũng xảy ra trong tôn giáo ngày nay, trong tất cả mọi tôn giáo. Người ta thường hiểu đạo như dân chúng thời đức Giêsu hiểu đạo, nghĩa là chỉ chú trọng vào lề luật và hình phạt khi phạm luật. Các vị lãnh đạo tôn giáo thì hành sự như là những kẻ thi hành luật pháp, điều này làm cho dân chúng tránh xa họ và xa tôn giáo nữa. Dân chúng khao khát tiếp xúc với Vị Chủ Chăn nhân hậu, thương yêu họ hơn là xem họ có tuân giữ luật đạo không, tìm đến họ khi họ yếu đuối và tội lỗi. “Tôi là Chủ Chăn nhân hậu. Tôi đi tìm những con chiên bị thất lạc, bị thương tích, bị tai nạn và đau thương. Khi tìm được chúng, tôi sẽ vác chúng lên vai đem về nhà, bởi vì tôi yêu thương chúng.” Ngày nay dân chúng cũng cần có một Thiên Chúa hiền lành, nhưng họ đã phí công tìm ra một Thiên Chúa theo sự mô phỏng của loài người! Các vị lãnh đạo tôn giáo ngày nay cũng giống như thời đức Giêsu, họ thường quan tâm đến hành chánh đạo giáo, thi hành luật pháp, lý lẽ thần học hơn là làm nhân chứng cho vị Chủ Chăn hiền lành. Mặc dù dạy những lý tưởng cao siêu, nhưng đức Giêsu lại rất nhân hậu đối với con người khi họ chưa đạt được những lý tưởng ấy. Thiên Chúa quan tâm đến các con cái của ngài chứ không phải đến tôn giáo. Thường thấy các giáo sĩ chỉ quan tâm đến đạo mà không nghĩ rằng tâm trạng luật pháp của các ông đã gây nên đau khổ cho dân chúng. Đấy cũng là điều làm cho Giêsu phải đau lòng. Khi thấy những vị có tư cách bệnh hoạn đổ đạt từ chủng viện, mang đầu óc bị ám ảnh với cái tôi to lớn và nhiệm nhặt luật đạo, dân chúng không khỏi có cảm tưởng rằng họ là những kinh sư và Phariseu tái sinh. Tội nghiệp cho những vị giáo sĩ ngay lành phải phí tổn bao công sức mục vụ để hàn gắn những vết thương do những vị kia gây nên.

Tuy nhiên chúng ta đang sống một trong thời kỳ rất hấp dẫn của lịch sử. Chúng ta đang tái định giá những giá trị có từ lâu nay, những giá trị đã làm cột trụ cho nền văn minh của chúng ta. Tôn giáo là một trong những cột trụ đó cũng sẽ phải được mổ xẻ. Nếu muốn định giá Kitô giáo cách đúng đắn, không phải chỉ phân tích giáo lý và luân lý của đạo mà còn phải đi thẳng vào cái tâm của đạo là đức Giêsu. Phải khiêm tốn cố tâm tìm hiểu ngài, vì ngài chính là tôn giáo của chúng ta. Phải tìm hiểu ngài suy nghĩ thế nào, vì tư tưởng của ngài chính là nền thần học của chúng ta. Phải tìm hiểu ngài sống thế nào, vì đời sống của ngài là nền luân lý của chúng ta. Kitô giáo, kể cả Kinh Thánh, chỉ là phương tiện đưa sứ điệp của Giêsu, là chiếc xe đưa ngài vào lịch sử.



Những trang sau đây chỉ là bức tranh vẽ chân dung đức Giêsu của tôi. Nó rất bất toàn, nhưng là một cố gắng đáp lại khát vọng của dân chúng muốn tìm hiểu tư tưởng và tâm hồn của đức Giêsu để tiến lại gần ngài hơn. Và trong niềm thân cận đó, họ có thể biết ngài nhiều hơn: điều mà họ không bao giờ nghĩ là có thể làm được. Rồi trong niềm thân cận đậm ấm sâu xa đó và chìm lặng trong kinh nguyện, họ có thể truyền đạt sự hiểu biết của họ về đức Giêsu cho một thế giới đang tha thiết tìm kiếm ngài và Tin Mừng mà ngài muốn chia sẻ với chúng ta.

## Chương một

### Chân dung Đức Giêsu

Sau ba mươi năm sống ở Nadarét, đức Giêsu xuất gia rao giảng một sứ điệp mà ngài gọi là Tin Mừng. Đó là một cái tên rất bén nhạy làm cho mọi người phải suy tư lại mối liên hệ của mình với Thượng đế. Tin Mừng đó là gì? Trong thời đức Giêsu, dân chúng phải giữ hết luật này đến luật khác xác định từng chi tiết của đời sống thường nhật. Ngoài những luật lệ đàn áp do người Lamã cầm quyền, còn có một bộ luật Do thái cả về mặt dân sự lẫn tôn giáo. Riêng về lễ luật tôn giáo, không phải chỉ có mười điều răn. Còn có 631 giới răn và 365 điều cấm kỵ và hàng trăm lệnh phải tuân giữ. Khi dân chúng không giữ được hết các lễ luật này thì bị các vị lãnh đạo tôn giáo tuyệt thông, không cho phép họ đi lại với những người “ngay lành” khác trong xã hội. Thánh Phaolô nói rằng lễ luật là “gánh nặng mà con người không mang nổi.”

Đức Giêsu thường quan tâm đến những người bị lễ luật đàn áp. Ở hội đường Nadarét ngài cầm cuộn Kinh Thánh người ta trao cho và đọc lớn tiếng. “Thần khí Chúa ngự trên tôi vì Ngài đã xức dầu tấn phong tôi, để tôi loan báo Tin Mừng cho kẻ nghèo hèn. Ngài đã sai tôi đi công bố kẻ bị giam cầm sẽ được giải phóng, người mù sẽ được thấy, người bị áp bức sẽ được tự do, và công bố năm hồng ân của Chúa.” Đây không phải nói đến sự thống trị của Lamã, nhưng là của tôn giáo.

Những người nghe đức Giêsu hôm đó chắc lòng đầy hy vọng. Đó là lời tiên tri của Isaia hứa hẹn một cuộc sống mới khi vị Cứu tinh đến, một cuộc sống không còn bất công và đàn áp, kể cả đàn áp tôn giáo, và hứa hẹn một ngàn năm thịnh vượng.

Ngày ấy đức Giêsu hứa hẹn gì? Ngài bảo dân chúng rằng ngài thực hiện lời tiên tri ấy để đem lại Tin Mừng mà họ mong đợi từ lâu.

Tin Mừng đó là gì? Nó mang ý nghĩa gì đối với dân chúng thời ấy và với chúng ta ngày nay? Chúng ta ca hát Tin Mừng trong thánh đường, chúng ta bàn thảo nó. Chúng ta nghe giảng đi giảng lại về Tin Mừng, nhưng nếu hỏi ai Tin Mừng đó là gì chắc chắn hầu hết người Kitô không có được một câu trả lời chính đáng. Người ta cố gắng định

nghĩa Tin Mừng mà không thông suốt nổi. Tuy nhiên cũng chính vì Tin Mừng mà đức Giêsu đến.

Trong suốt đời tôi, tôi không nhớ ai đã định nghĩa Tin Mừng là gì ngoài việc bảo rằng đức Giêsu đến để chuộc tội và mở cửa thiên đàng cho chúng ta. Phải công nhận rằng đó là một tin rất tốt đẹp. Tuy nhiên không thể trả lời như vậy rồi thôi. “Chuộc tội cho chúng ta nghĩa là gì?” “Thiên đàng nghĩa là gì?” Có câu trả lời nào khác không? Hàng ngàn câu hỏi được đặt ra cần câu trả lời nếu chúng ta muốn hiểu ý nghĩa của Tin Mừng và nó có nghĩa gì cho cuộc sống thường nhật của chúng ta.

Muốn hiểu Tin Mừng, không phải chỉ nghe những lời đức Giêsu nói, nhưng phải xem ngài sống làm sao. Hầu hết những sứ điệp của ngài đều ẩn dưới lối sống của ngài và nhất là cách ngài đối xử với dân chúng. “Thầy là ánh sáng thế gian. Hãy đến theo thầy.” “Tại sao anh em lo lắng quá làm gì? Đừng lo lắng, Cha của anh em sẽ lo cho anh em.” Đó là một tin rất đổi vui cho những ai tín cẩn như trẻ thơ. Nhưng đây chỉ là một phần của Tin Mừng. Đức Giêsu còn hứa hẹn gì nữa không?

Đức Giêsu khởi sự loan báo Tin Mừng ở vùng gần Giêrusalem, bên bờ sông Giođan, nơi mà Gioan rao giảng thống hối và làm phép rửa. Đức Giêsu gặp những môn đệ đầu tiên của ngài là Anrê và Gioan ở đó. Ngài bắt đầu rao giảng và chữa bệnh ở đó. Tin đồn về làng Nadarét làm dân chúng ngỡ ngàng. “Anh ấy học những điều đó ở đâu? Anh ấy không phải là con bác thợ mộc, người cùng sinh trưởng với chúng ta sao?”

Đó là một câu hỏi rất chính đáng. Rất là ngỡ ngàng đối với những người cùng lớn lên với Giêsu và quen biết ngài trong nhiều năm nhưng chưa từng thấy gì thánh thiện nơi ngài. Bạn hãy tự hỏi mình “làm sao đức Giêsu sống nơi làng mạc đó bao năm mà không lộ bản tính của mình?” Rồi một câu hỏi nữa được đặt ra “làm sao Con Thiên Chúa, hiện thân của Thượng đế Giao ước, sống nơi làng mạc đó bao năm mà dân chúng không thắc mắc, đừng nói chi đến thiên tính của ngài?”

Có thể vì ý niệm về thánh thiện của đức Giêsu khác với họ và khác với chúng ta. Thời ấy, thánh thiện có nghĩa là tử mĩ tuân giữ lề luật - trung thành với truyền thống và phong tục được xem là biểu thị của đời sống đạo đức của Dothái. Hình như đức Giêsu không nghĩ như vậy. Vì thế khi ngài bắt đầu rao giảng và chữa bệnh thì những người biết ngài và lớn lên với ngài phải ngỡ ngàng.

Những người quen biết ngài thì chỉ xem ngài là người thường như mọi người. Ngài không làm ra vẻ thánh thiện. Hơi lạ là không nơi nào trong các sách Phúc Âm nói rằng ngài đạo đức, nhưng chỉ nói ngài đi đó đây làm việc thiện. Như vậy chúng ta chỉ có thể kết luận rằng đức Giêsu nghĩ về thánh thiện và đạo đức khác với lề lối của thời ấy. Dường như đối với Giêsu thì thánh thiện thật là sống hoàn toàn như là một con người; sống như cách Thiên Chúa dựng nên: làm người. Đó là câu giải đáp tại sao họ ngạc nhiên khi đức Giêsu bắt đầu rao giảng và chữa bệnh. Đối với lối suy tư của họ ngài xem ra quá trần tục, quá là người nên không làm gì có thể làm được những chuyện đó. Tuy nhiên chính đây là một mạc khải sâu xa, một phần quan trọng của Tin Mừng, đó là sống bình thường, làm chuyện bình thường như mọi người. Nhưng lối sống đơn giản và bình thường ấy lại chứa đựng một sự thánh thiện tuyệt vời. Nó khác với chúng ta lắm. Một lúc nào đó trong đời sống khi chúng ta nghĩ đến chuyện giữ đạo cách nghiêm chỉnh hơn, thì chúng ta lại trở thành lối bịch làm người khác không hiểu được. Chúng ta cảm thấy phải sống thánh thiện, và thúc giục người khác cũng phải như thế. Nhưng đức Giêsu thì không hành động như vậy. Ngài không đi cùng khắp Nadarét hỏi mọi người có muốn được cứu rỗi không, và bắt họ phải giữ đạo. Đức Giêsu không màng đến tôn giáo. Ngài chỉ quan tâm đến cách đối xử với Thiên Chúa và với con người. Dĩ nhiên là ngài quan tâm đến sự cứu rỗi của mọi người, nhưng đi lòng từng người thì lại không phải là đường lối của ngài.

Dân chúng thấy gì nơi đức Giêsu? Đây là điều quan trọng, bởi vì Giêsu sống cách nào thì đó cũng là điều chúng ta phải noi theo. Ngài “là đường, là chân lý, và là sự sống” mà chúng ta phải theo. Xem ra đức Giêsu sống cách bình thường như mọi người trong làng. Ngài yêu mến mọi loài, từ Thiên Chúa đến loài bé nhỏ nhất, như đọc thấy trong các sách Phúc Âm. Ngài “đơn sơ như chim câu và khôn lanh như con chồn”, đó là điều ngài khuyên răn các môn đệ vào một dịp nào đó. Ngài rất thông minh, cẩn mật, thận trọng, nhìn xa, hiền lành và nhân hậu, can đảm và không sợ tự vệ khi bị tấn công, như ngài thường làm khi đương đầu với các kinh sư và nhóm Pharisêu. Ngài rất dễ mến và lịch thiệp, không hay nổi giận, không làm ra vẻ chính trực, nhưng lại thành thực khiêm tốn, hiền hậu và thông hiểu mọi người. Có lắm cái hài hước trong công cuộc sáng tạo của Thiên Chúa, vì thế đức Giêsu

cũng phải rất hài hước. Điều này chỉ thấy được khi chúng ta hiểu những ẩn ý trong các sách Phúc Âm.

Nói vắn tắt, dân chúng thấy nơi Giêsu một con người rất quân bình, sống thật là người và rất vui nếu được sống với.

Đó là điều thánh thiện theo như đức Giêsu nghĩ. Người thánh thiện là người có cá tính phát triển đầy đủ để trở thành một con người tốt đẹp. Mặc dù đơn sơ, bình thường và rất thực tế, nhưng đức Giêsu lại là con người thánh thiện nhất chưa từng thấy. Tuy nhiên dân chúng không nhận ra điều đó. Người ta không thấy ngài gắn bó với đạo, với lối hành đạo, với phong tục và “truyền thống của người xưa”. Ngài gắn bó với Thiên Chúa, chứ không phải với đạo giáo. Ngài tha thiết sống trong tình yêu ấy nên không cần phải biểu lộ ra bên ngoài. Tình thân mật với Cha của ngài ăn sâu vào toàn thể cá tính của ngài nên nó không xuất hiện như một bức tranh mô phỏng. Ngài cũng không mang những dấu hiệu bề ngoài của tôn giáo. Ngài cũng không ăn mặc như các kinh sư và nhóm Pharisêu. Áo quần ngài mặc không liên hệ gì đến việc ngài giao tiếp với Thiên Chúa. Ngài đến để đơn giản hoá đạo giáo. Cái nhìn của ngài về đời sống lại rất là lành mạnh.

Từ lời tuyên bố “Anh ấy học điều đó ở đâu? Anh ấy không phải là con bác thợ mộc sao?” chúng ta cũng tưởng tượng được ra thái độ tự nhiên và bình dân của đức Giêsu.

Tiệc cưới Cana còn biểu lộ nhiều hơn về đức Giêsu và mẹ của ngài. Thời ấy khi sinh con gái, người cha thường cất thêm một mẻ rượu mỗi năm để chuẩn bị tiệc cưới con gái sau này; một mẻ được cất cho ông ta, gia đình và bạn hữu, và mẻ thứ hai dành cho ngày cưới con gái. Tiệc cưới Cana không có gì đặc biệt. Giêsu và Maria được mời dự.

Maria đến đúng ngày giờ, còn Giêsu thì đến trễ ba ngày. Ngài cảm thấy mình phải có mặt, có lẽ vì là họ hàng. Khi ngài đến với một số bạn bè mới, mẹ ngài nói: “Con ơi, người ta hết rượu rồi!” “Thì có sao. Mẹ muốn con làm gì bây giờ? Chưa phải lúc, vì chưa phải giờ Cha của con định.”

Hãy phân tách quang cảnh này. Trong ba ngày mà người ta nhậu hết số rượu cất trong mười sáu năm qua. Làm gì không có người say mèm. Maria cũng nhận thấy điều đó nhưng bà không màng, bởi bà sợ cô dâu chú rể phải mất mặt khi hết rượu vì còn năm ngày nữa mới mãn tiệc cưới. Do đó Maria âm thầm nói cho Giêsu biết tình cảnh để nhắc khéo ngài. Bạn phải thắc mắc “Làm sao Maria lại nhắc khéo con mình

nếu bà không biết ngài có thể giúp được? Và làm sao bà biết con mình làm được nếu bà đã không thấy ngài làm một ít việc lạ lùng ở nhà?”

Maria không nghĩ là ngài trả lời không. Hình như câu chuyện giữa hai người không được ghi lại hết. Bà bảo các người hầu bàn, “Anh ấy bảo gì thì làm. (Anh có mẹo gì đó)”

“Ông muốn chúng tôi làm gì?”, họ hỏi.

“Thấy mấy cái chum đựng nước kia không?”

“Có, làm gì bây giờ?”

“Đổ đầy nước đi “(đầy tới miệng)

Họ làm như Giêsu bảo.

“Bây giờ mức một ít cho ông quản tiệc.”

Khi ông quản tiệc nhấm nước hoá rượu, ông bèn trách những người hầu bàn tại sao giữ rượu ngon đến giờ chót mới đem ra. Thường thì người ta thết rượu ngon trước, và khi khách đã ngà ngà mới đãi rượu xoàng hơn vì không ai biết.” Phải là rượu thật chứ không phải nước trái cây, bởi vì nước trái cây không dùng để nhấm như rượu.

Bạn hãy suy nghĩ về biến cố này một chút. Đức Giêsu thấy một số khách đã say mèm. Ngài cũng chẳng màng. Ngài thấy mấy chum sáu tấn nước dùng cho nghi thức rửa tay, mỗi chum có thể đựng đến hai mươi lăm hay ba mươi galông nước. “Đổ đầy đến miệng”, ngài bảo những người hầu bàn. Có đến 150 hay 180 galông rượu, toàn là rượu ngon, dọn ra khi khách đã nhậu hết rượu mười sáu năm để dành.

Nếu là tôi thì tôi đã phải đắn đo. Tôi biết rằng một số giáo sĩ đã không làm như vậy vì sợ sinh gương xấu. Và đây bạn thấy Con của Thiên Chúa đến trần gian không ngại làm chuyện này. Điều ngài quan tâm là chưa phải lúc Cha ngài định cho ngài làm, nhưng vì mẹ ngài ngờ ý nên ngài chiều bà.

Không nên dựa vào câu chuyện Kinh thánh này để uống quá chén. Đức Giêsu không tán thành những người bợm rượu, nhưng ngài chỉ thương cô dâu chú rể. Giêsu và bà Maria tỏ ra rất bình dân, và xem ra đức Giêsu cảm thấy rất tự nhiên với bạn bè. Khách dự tiệc cưới là họ hàng hoặc là những người cùng sinh trưởng và lớn lên, vì thế chúng ta cũng có thể nghĩ là một ít người vui tính nắm tay Giêsu kéo ra ra sàn nhà mà vũ với họ. Tôi cũng biết rằng nghĩ như thế là bất kính, nhưng có lẽ tại chúng ta không quen nghĩ rằng đức Giêsu cũng vui nhộn chứ. Nếu đọc kỹ các Phúc Âm, chúng ta thấy rằng đức Giêsu thích tiệc tùng.

Có phải ngài chỉ ngồi trong xó góc hay nói toàn những chuyện nghiêm chỉnh chẳng? Tôi không nghĩ vậy.

Đức Giêsu cảm thấy rất thoải mái với bạn bè. Điều này nói lên rất nhiều về con người của ngài. Trước tiên, ngài thoải mái làm người, trong khi chúng ta lại không thích làm người, chúng ta hổ thẹn vì làm người. Chúng ta hổ thẹn vì phải sống với những nhu cầu làm người. Chúng ta nghĩ rằng Thiên Chúa không muốn thấy chúng ta khóc, nhất là phái nam! Tôi cũng có những người bạn không bao giờ cười, họ lắm là chỉ cười khúc khích vì không cầm được chứ không bao giờ cười hả hê, vì sợ không kiểm chế mình được. Trong những năm làm linh hướng ở xứ đạo, tôi rất ngạc nhiên khi nghe một số bà lấy làm hổ thẹn để bảo chồng rằng các bà thích việc chăn gối, cũng như một số ông không bao giờ nói với vợ rằng các ông yêu vợ. Buồn chưa! Chúng ta hổ thẹn vì làm người và sợ tỏ ra mình yếu đuối!

Một lần đi ăn ngoài trời với bạn bè, tôi thấy một ông già hí hửng như trẻ con nên mới hỏi:

“Có việc gì đó, Harry?”

“Cha tôi bảo ông yêu tôi.”

“Có gì lạ đâu?”

“Nhưng thưa cha, ông không bao giờ nói thế cả. Ông không say rượu.”

“Ông nay mấy tuổi rồi, Harry?”

“Bảy mươi lăm”

“Còn cha của ông mấy tuổi?”

“Thưa ông chín mươi sáu.”

Ông ấy phải đợi đến bảy mươi lăm năm mới nghe cha già nói “cha yêu con”,

và khi nghe cha nói, ông hí hửng nhảy nhót như một đứa bé. Thật là đẹp đẽ nhưng cũng thật là buồn.

Nhiều người nằm xuống mộ mà vẫn chưa nghe cha của mình nói như thế, và có khi cũng không nghe mẹ nói nữa. Chúng ta hổ thẹn làm người, hổ thẹn khi bày tỏ tình cảm, hổ thẹn khi tỏ ra mình yếu đuối. Nhưng Con của Thiên Chúa lại vui nhận ở tiệc cưới và tỏ ra rất là người và dễ mến. Đó là một khía cạnh đáng lưu ý và rạng rỡ của Tin Mừng.

## Chương hai

### Vị Cứu Tinh vui vẻ

Đức Giêsu chọn tiệc cưới để khai mào sứ mệnh của mình. Điều này có rất nhiều ý nghĩa. Người ta chuyên miệng mau lẹ những gì ngài làm ở đó, nói cho mọi người biết ngài rất tử tế và tốt với cô dâu chú rể. Hình như đây là sứ điệp ngài muốn gửi đến trước để mọi người khỏi e ngại ngài. Tất cả những gì liên quan đến đức Giêsu xem ra rất đơn sơ, như sinh ra trong máng lừa, sống ẩn dật và bình thường, chỉ tỏ ra quyền năng khi cần thiết như để chữa bệnh hay an ủi người ta chẳng hạn. “Hỡi những ai mỗi một vì gánh nặng hãy đến với tôi, tôi sẽ thêm sức cho, vì tôi hiền lành và khiêm nhượng trong lòng.” Dịu dàng quá! Nhưng đó là điều đức Giêsu muốn người ta biết về ngài. “Đừng e ngại tôi”. Hình như ngài muốn nói: “Tôi đem tin mừng đến cho bạn, để bạn được hạnh phúc.”

Giới lãnh đạo chống đối Giêsu ngay. Điều này lạ thật, vì ngài không có vẻ gì của những vị cứu tinh giả đang mọc lên như nấm. Cũng khó hiểu tại sao những kinh sư và nhóm Pharisêu cảm thấy bị ngài đe dọa. Dầu sao họ cũng là những người có thẩm quyền dạy dỗ đạo lý. (Chính đức Giêsu cũng thừa nhận thẩm quyền này.) Chúng ta nghĩ rằng đáng lẽ họ phải chào đón một con người lạ thường như đức Giêsu, bởi vì lúc ấy mọi người đang mong mỗi một vị cứu tinh. Chính họ là những người phải nhận ra Giêsu và giới thiệu ngài với dân chúng. Hơn nữa đức Giêsu có quyền năng chữa bệnh và làm điều lành cho dân chúng, điều đó cũng đủ thức tỉnh họ. Trái lại, thấy đức Giêsu chữa bệnh vào ngày Sabát thì họ kinh ngạc. Luật đạo cấm làm việc trong ngày ấy. Đức Giêsu không màng nghĩ đến. Những người lãnh đạo tôn giáo Do thái có tinh thần cởi mở sẽ thấy rằng lề luật ấy không phải từ trời nhưng là do cha ông họ đặt ra. Có luật trừ trong những trường hợp giảm nhẹ, như trường hợp chữa bệnh cho người què hoặc bị tà ma ám. Nhưng không hiểu sao những người lãnh đạo tôn giáo lúc ấy lại có ác cảm với đức Giêsu ngay từ lúc đầu và không thể chấp nhận một ngoại lệ nào cả. Có thể vì ngài không xuất thân cùng trường với họ, hay vì ngài không thuộc một gia đình quý phái. Có thể ngài lại giống như các ngôn sứ thời



trước, giảng dạy theo ý mình chứ không có phép của họ. Họ nghĩ rằng Thiên Chúa không thể chọn Giêsu để giảng dạy dân chúng trong khi chính họ nắm quyền giáo huấn? Tuy nhiên Thiên Chúa thường làm thế đó trong lịch sử Do thái. Ngài ban quyền giáo huấn cho các nhà lãnh đạo tôn giáo, nhưng khi họ không trung thành với sứ điệp của ngài, thì ngài lại sai những ngôn sứ không thuộc hàng ngũ lãnh đạo tôn giáo đến để dạy dỗ dân chúng. Các linh mục và các kinh sư tức giận vì họ nghĩ mình được Thiên Chúa ban quyền. Đức Giêsu tố cáo họ xây mồ chôn những ngôn sứ mà cha ông họ đã sát hại. Thái độ của những người lãnh đạo tôn giáo cũng vậy. Họ không thể nào dung túng cho con người này giảng dạy như thế. Họ phải là thầy. Nếu họ cứ im lặng thì còn đâu là quyền bính của họ nữa. Với một thái độ như thế thì vị Cứu tinh nào cũng bị họ gây khó khăn, vì họ cảm thấy quyền bính của họ đối với dân chúng bị đe dọa. Đức Giêsu rất buồn về điều đó. Cha của ngài đã dẫn dắt họ qua bao thế kỷ để họ chuẩn bị dân chúng cho ngày này. Và giờ đây ngài đến thì họ lại trở thành thù địch. Ngài phải tự động giới thiệu mình với dân chúng và phải tự làm lấy mọi việc mà không cần phải nhờ đến họ.

Nếu chỉ có vậy thì cũng được. Nhưng họ lại không để ngài yên. Họ đặt trình thám dò xét từng đường đi nước bước của ngài, tìm cách hạ uy tín của ngài với dân chúng, phao lên rằng những công việc tốt đẹp của ngài không phải từ Thiên Chúa đến. “Hắn làm ra vẻ tốt lành nhưng kỳ thật là một chướng ngại cho bước tiến của ông bà và làm hủy diệt người thơ ngây và không thận trọng. Nếu hắn có làm nhiều điều tốt, thì nên nhớ rằng Satan cũng làm được như vậy. Rõ ràng là quyền năng của hắn do Satan ban cho.”

Thật là một lý luận ghê tởm và hẹp hòi đối với một con người chỉ biết rao giảng những ý tưởng cao đẹp, ngày thì khích lệ và chữa bệnh cho dân chúng, đêm thì chìm đắm trong kinh nguyện. Thật đáng ghê sợ khi thấy lòng dạ hẹp hòi nơi những người Thiên Chúa chọn. Những chương trình đã được Thiên Chúa phác họa kỹ càng xem ra bị tạm thời gián đoạn do lòng dạ nhỏ nhen của con người.

Mặc dù gặp khó khăn gây nản chí, đức Giêsu cũng không quá lo âu vì bị họ quấy rầy. Ngài có nhiều việc phải làm, điều quan tâm nhất của ngài là thực hiện ý muốn của Cha ngài. Lối sống mực thước giúp ngài đương đầu với những lời bình phẩm quấy rầy của các kinh sư và nhóm Pharisêu khi ngài làm công việc hàng ngày.

Khi phải công khai trực diện họ thì đức Giêsu không bao giờ lùi bước. Ngài tỏ ra can đảm không khác gì một đứa trẻ can đảm chống lại những đứa hay bắt nạt. Khi phải đương đầu với các kinh sư và những người Pharisiêu, thì ngài không bao giờ lùi bước. Ngài can đảm phản pháo. “Khốn nạn cho các ông là những kinh sư và Pharisiêu, các ông giống như mồ mả phết vôi trắng xem đẹp mắt, nhưng bên trong thối tha và đầy xương người chết! Các ông chỉ rửa tách bên ngoài còn bên trong thì không. Khốn nạn cho các ông là những kinh sư và Pharisiêu, các ông bắt dân chúng vất nặng mà không ra tay đỡ họ, các ông chỉ là loại giả hình!”

Dẫu vậy, mặc dù có xích mích giữa họ và đức Giêsu, họ cũng cảm thấy rằng ngài quan tâm đến họ, vì thế họ cũng không ngại mời ngài đến nhà dùng bữa. Ngài đến nhà họ đều đặn, như trường hợp ông Simon là thủ lãnh Pharisiêu mời ngài đến nhà.

Ông ta rất hãnh diện mời được đức Giêsu, vì thế ông cũng mời bạn bè Pharisiêu cùng đến dùng bữa. Khi mọi người ngồi vào bàn thì có một người đàn bà chạy xổ vào và phục dưới chân đức Giêsu. Chị khóc lóc, nước mắt chảy đầm đìa ướt chân ngài. Chị lấy tóc mình lau chân ngài và lấy dầu thơm thoa lên. Thật là thân mật! Đức Giêsu cũng chẳng phiền hà gì. Đẹp đẽ làm sao! Nhưng Simon thầm nghĩ: “Làm sao ông ta biết cô này? Nếu ông ta đứng như tiếng đồn, hẳn ông phải biết cô ta là người thế nào.”

Đức Giêsu biết được điều Simon thầm nghĩ. Ngài tế nhị nói với Simon: “Simon ạ, tôi có điều này muốn nói với ông.”

“Vâng, xin thày cứ nói!”.

“Khi khách đến dự tiệc, chủ nhà thường có thói quen hôn chào khách. Ông đã làm như thế đối với mọi người, trừ tôi ra. Cái đó chẳng sao. Chủ nhà cũng thường có thói quen đem nước cho khách rửa chân. Ông đã đem nước cho mọi người, trừ tôi ra. Cái đó cũng chẳng sao. Bởi vì chúng ta không thường rửa ráy, nên chủ nhà cũng đưa dầu thơm cho khách thoa để có mùi thơm ở bàn tiệc. Ông đã làm như thế cho mọi người, trừ tôi ra. Cái đó cũng chẳng sao vì sáng nay tôi đã tắm ở sông Giođan.

“Hãy xem người thiếu phụ này. Từ lúc đến cô ta không ngớt lấy nước mắt cô rửa chân tôi, lấy tóc cô lau chân tôi và thoa dầu thơm trên chân tôi. Vậy tôi có vấn đề này xin hỏi ông. Ngày nọ có một người giàu (rõ ràng là ý muốn nói Chúa Cha) cho hai người đàn ông mượn

một số tiền kếch xù. Ông cho một người mượn một triệu đô la, còn người thứ hai thì chỉ được năm trăm. Thế rồi hai người không trả nổi nên ông nhà giàu tha cho hết nợ. Vậy ai là người yêu mến ông ta nhất?”

“Người được tha món nợ lớn”, Simon đáp.

“Này Simon, tôi xin nói cho ông nghe, người đàn bà này có tội nhiều đến đâu cũng sẽ được tha, vì cô yêu nhiều.” Đọc cả đoạn văn, rõ ràng là đức Giêsu ám chỉ rằng tội lỗi của Simon tuy ít, nhưng không được lòng Thiên Chúa lắm vì ông ấy chưa bao giờ biết yêu. Đó cũng là vấn đề của các kinh sư và người Phariseu. Mặc dù họ tận tụy với đạo giáo và giữ luật đạo cách gương mẫu, nhưng họ không học yêu mến Thiên Chúa và đối xử với đồng loại cách nhân hậu. “Ta muốn lòng nhân hậu chứ không muốn lễ vật.”

Trong giai thoại này có một nền thần học chưa bao giờ được khai thác đầy đủ. Đây đây một thiếu phụ, một người tội lỗi ai cũng biết, phạm đến Thiên Chúa, chúng ta gọi là có tội trọng. Nhưng đức Giêsu dám công khai tuyên bố: “Tội của cô có nhiều bao nhiêu cũng đã được tha, vì cô yêu nhiều.”

Điều này nghịch với những gì các tôn giáo dạy: khi phạm tội trọng thì mất hết ân phúc đã được và không còn hiệp thông với Thiên Chúa, không còn có tình bằng hữu với ngài. Các giáo sĩ dạy rằng “Nếu bạn yêu mến Thiên Chúa thì không phạm tội. Bạn không thể vừa thánh thiện vừa tội lỗi.” Nền thần học này đã tạo nên biết bao tai họa tâm lý và tình cảm cho rất nhiều người.

Tôi không bao giờ quên một thanh niên thường xuyên đi xưng tội với tôi. Trong tuần anh bỏ ra nhiều thì giờ để giúp thanh thiếu niên tránh làm điều sai và đưa họ đến với Giêsu. Người thanh niên này có một liên hệ mật thiết với Giêsu. Cứ mỗi lần sau khi xưng tội, anh bật lên khóc. Tôi hỏi anh tại sao khóc thì anh trả lời: “Thưa cha, con yêu mến Giêsu lắm. Không hiểu tại sao con cứ phạm tội hoài? Hầu như suốt đời con sống không có Chúa.”

Thật tình tôi không biết nói gì với anh ta, bởi vì đó là điều đạo dạy chúng ta. Anh này biết đạo nhiều lắm. Nếu lúc ấy tôi hiểu được giai thoại ở nhà ông Simon thì tôi đã trả lời cho anh ta, “Con ơi, đừng lo, con không bị Thiên Chúa loại đâu. Tội của con có nhiều bao nhiêu đi nữa thì cũng được tha, vì Thiên Chúa thấy con yêu mến ngài nhiều lắm và con tận tình giúp đỡ những người láng giềng bị đau khổ. Vì thế

con vẫn là bạn hữu của Thiên Chúa.” Thế đó mới là nền thần học chân chính, vì đây cũng là lời đức Giêsu nói trong những trường hợp tương tự.

Rồi tôi lại nhớ đến Phêrô. Tôi nghĩ rằng không ai trong chúng ta yêu mến Giêsu nhiều như Phêrô. Nhưng tôi hy vọng rằng cho đến chết chúng ta cũng sẽ không phạm tội như Phêrô, đó là chối không biết Giêsu chỉ trong vài phút sau khi chịu Mình Thánh ở bữa tiệc ly.

Tôi tự hỏi, “Phêrô có còn là bạn hữu của đức Giêsu không?” Dĩ nhiên là có. Bạn có nghĩ rằng đức Giêsu là người thiếu cặn và hay thay đổi không? Tình bằng hữu không thể chấm dứt chỉ vì chúng ta làm điều gì sai, nhất là vì yếu đuối. Đức Giêsu biết rõ rằng ngài có một người bạn nhát gan. Nhưng không sao, vì các bạn hữu của ngài đều yếu đuối hoặc có rất nhiều khuyết điểm. Hình như ngài không màng chuyện đó. Tình yêu của Thiên Chúa cũng lạ lùng như thế. Chúng ta nghĩ rằng Thiên Chúa hành động như chúng ta, chính vì thế mà đã gây bao thiệt hại cho nhiều người. Và các nhà thần học cũng không hơn gì chúng ta, vì đã tạo nên hình ảnh một Thiên Chúa thế đó cho dân chúng.

Thật ra, nền thần học mà đức Giêsu muốn dạy qua giai thoại ở nhà ông Simon là “Cha của tôi không dựng nên anh chị em như những vị chúa nhỏ. Ngài dựng nên mỗi người anh chị em để làm một công việc nhỏ và ban cho anh chị em ân sủng và tài năng cần thiết để làm công việc nhỏ đó. Tư cách của anh chị em có thể là bất toàn, nghĩa là sẽ làm những điều lầm lỗi và không đạt đến lý tưởng tốt đẹp. Nói cách vắn tắt, anh chị em có thể phạm tội.” Đức Giêsu nói cho những người Phariseu biết Thiên Chúa đối xử với con người như thế nào. “Người đàn bà này có phạm tội nhiều đến đâu cũng được tha, vì chị yêu mến nhiều.” Xem ra ngài cũng nói với Simon: “Tội của ông tuy ít, nhưng ông không đẹp lòng Thiên Chúa lắm vì ông chưa học yêu.” Đức Giêsu thấy người đàn bà âm thầm cố gắng đến với Thiên Chúa và giúp đỡ người láng giềng. Tình yêu chân thật đối với Thiên Chúa cũng như hành động giúp đỡ láng giềng của chị đã khoả lấp tội lỗi của chị. Đức Giêsu bảo đảm với khách dự bữa và người thiếu phụ rằng chị vẫn còn là bạn hữu của Thiên Chúa. Đó là một tin sét đánh đối với những người Phariseu tự mãn xem mình là đỉnh cao của thánh thiện và là lý tưởng của công chính. Câu chuyện đó cũng giống như câu chuyện người Phariseu và người thu thuế làm đề tài cho cuộc đối thoại giữa đức Giêsu và các phần tử ưu tú tôn giáo.

Ngày kia một nhóm người Pharisêu hỏi ai là người làm đẹp lòng Thiên Chúa. Đức Giêsu trả lời rằng, “Có hai người lên Đền thờ cầu nguyện. Một người Pharisêu và một người thu thuế. Người Pharisêu đi thẳng đến cung thánh, trước ngay hòm bia, giang tay ra nói: “Tạ ơn Chúa, con không giống như mọi người, những người ngoại tình, cướp bóc, ăn trộm, hoặc như người thu thuế đứng dưới kia. Con ăn chay hai tuần một lần, con nạp thuế đầy đủ cho tài sản của con.”

Rồi đức Giêsu nói tiếp: “Người thu thuế đứng ở cuối Đền thờ không dám ngẩng đầu lên, nhưng đấm ngực nói “Lạy Chúa, xin thương xót con. Con là người tội lỗi .”

Rồi đức Giêsu thêm: “Người thu thuế về nhà được tha tội, còn người Pharisêu bước ra khỏi đền thờ như người bị Thiên Chúa ruồng bỏ.”

Đó là một lời tuyên bố sét đánh, vì một người giữ đạo đầy đủ thì bị loại. Lúc lớn lên chúng ta được dạy rằng nếu giữ luật thì sẽ làm đẹp lòng Thiên Chúa. Nếu giữ luật mà không làm đẹp lòng Thiên Chúa, thì làm gì bây giờ? Đức Giêsu trả lời câu hỏi đó khi đối đầu với một luật gia trong một dịp khác nữa.

Ngày kia một luật gia đến hỏi đức Giêsu để thử ngài. “Thưa thầy, điều luật nào quan trọng nhất?” Câu hỏi xem ra có vẻ tầm thường. Nhưng khi bạn biết không phải chỉ có mười giới răn mà có đến 613 thì mới thấy câu hỏi ấy là một đề tài được thảo luận rất nhiều.

Câu trả lời của đức Giêsu làm mọi người sửng sốt. “Giới răn thứ nhất là yêu mến Thiên Chúa hết lòng, hết tâm hồn, hết trí khôn và hết sức mình. Giới răn thứ hai là yêu mến người láng giềng như chính bản thân. Toàn bộ luật và các sách ngôn sứ đều dựa trên hai giới răn ấy.”

“Thưa thầy, thầy trả lời rất đúng. Nhưng ai là người láng giềng?”

Đức Giêsu mới kể một câu chuyện. “Có một người đi từ Giêrusalem đến Giêricô bị quân cướp bắt. Chúng đánh đập, cướp bóc, và bỏ anh ta nằm đấy dở sống dở chết.

“Có một giáo sĩ đi ngang đấy thấy anh nằm bên đường, nhưng ngơ đi. Rồi có một thầy Lêvi (người canh giữ Đền thờ) cũng đi ngang qua đấy và thấy anh ta, nhưng cũng ngơ đi.

“Rồi có một người ngoại quốc đi ngang qua đấy thấy anh ta thì cảm thấy thương. Ông ta xuống ngựa, lấy dầu và rượu rửa các vết thương cho anh ta. Ông ta lấy áo choàng của mình phủ lên người anh và đặt anh lên lưng ngựa của mình rồi đưa anh đến một quán trọ. Ông

ta trả tiền quán và yêu cầu chủ quán chăm sóc anh ta và hứa sẽ trả mọi phí tổn khi ông trở lại”.

Rồi đức Giêsu nói tiếp: “Người ngoại quốc ấy là người Samaritanô. Như vậy, ông nghĩ ai là người láng giềng của nạn nhân kia?”

Luật gia ngượng ngập trả lời vì người Dothái ganh ghét người Samaritanô:

“Thưa đó là người có lòng nhân hậu.”

“Hãy làm như vậy”

Trong dụ ngôn này đức Giêsu trả lời một câu hỏi rất khó, đó là ai làm đẹp lòng Thiên Chúa nhất? Không nhất thiết phải là người tận tụy với đạo giáo, tuân giữ truyền thống và phong tục hoặc hiểu nhiều đạo lý, nhưng là người có tình yêu và nhân hậu đối với tha nhân và yêu mến Thiên Chúa. Một cách hết sức bén nhạy đức Giêsu đã đánh đổ những điều phi lý chồng chất từ bao thế kỷ và đi vào chính cái tâm của đạo, đó là mối liên hệ của chúng ta với Thiên Chúa. Dẫu bạn có yếu đuối, nhưng bạn có quan tâm đến Thiên Chúa không, bạn có quan tâm đến những đau khổ chung quanh bạn không? Đó là thực chất của con người làm đẹp lòng Thiên Chúa. Không phải tin đạo cách đúng đắn và kiểm chế yếu đuối là không quan trọng, nhưng yêu mến Thiên Chúa và quan tâm đến tha nhân là tuyệt đối cốt yếu. Đó là giới răn then chốt đối với đức Giêsu. Ngài biết rằng ít người hiểu được bản tính của Thiên Chúa và Con Thiên Chúa, nhưng ngài biết rằng con người tự thâm tâm biết lo lắng đến tha nhân. Chúng ta cũng không biết các tông đồ có hiểu được Mình Thánh mà đức Giêsu ban cho trong bữa Tiệc Ly không? Hình như mãi lâu sau Phục Sinh các ông mới hiểu rõ thiên tính của ngài. Chúng ta cũng thắc mắc tại sao đức Giêsu không giảng giải một cách rành mạch hơn!

Vấn đề của các kinh sư và người Pharisêu là họ thần thánh hoá tín điều và luật lệ mà không chú tâm đến sự thiện chính yếu và lòng nhân hậu. Sự toàn mỹ nơi đức Giêsu như là một bản cáo trạng đối với sự giả hình và nền tu đức trống rỗng của họ, thành thử họ ganh ghét ngài. Họ làm bất cứ điều gì để tẩy chay ngài.

Mặc dù họ tìm đủ cách để làm ngài bực bội, nhưng đức Giêsu không để mình mất quân bình và cáu tiết vì họ. Xem ngài đi lại hàng ngày, bạn sẽ thấy ngài là con người bình tĩnh không rối rắm. Ngài rất thanh thản và sống bình thường. Khi người ta thấy ngài vào làng, lập

tức họ chuyển miệng nhau và dân chúng đổ ra đường tìm ngài. Người mù, người què, người bị quỷ ám và những người tọc mạch vây lấy ngài không còn chỗ đứng. Ngài dẫn họ ra khỏi làng đến một nơi rộng rãi, bảo họ ngồi trên ngọn đồi cỏ mà nghỉ ngơi. Rồi trong một tiếng đồng sau đó ngài nói với họ về Tin Mừng của Nước Trời. Họ ngồi giải ra. Các người Pharisêu và bọn do thám ngồi bên cạnh dân chúng, lòng họ đầy ganh tị khi thấy ngài đánh động lòng dân chúng và thu hút họ. Sự diệp của ngài rất đơn sơ, nhưng đưa con người đến với Thiên Chúa.

Đức Giêsu rất khéo léo khi gặp gỡ dân chúng. Ngài tỏ ra rất tự nhiên đối với người bình dân. Người ta gọi đám người này là tội lỗi và cảm thấy không thoải mái với họ. Nhưng đức Giêsu biết họ là thế nào. Ngài biết ưu điểm cũng như khuyết điểm của con người họ, tuy nhiên ngài vẫn thích hoà đồng với họ. Ngài đi trong những con đường hẻm của thành phố Giêrusalem, nặc mùi người chưa tắm rửa. Những con đường hẻm ngày nay cũng không khác thời đức Giêsu lắm, đây người bán với các gian hàng đủ loại gọi tính hiếu kỳ của khách. Người ta dùng móc treo thịt lên, ruồi bu đặc đen. Cá bắt được buổi sáng ở Biển Galilêa chất thành đống hoặc bỏ trong rổ cạnh những thùng cá muối khô. Cạnh đó một gian hàng khác bán rau trái. Đức Giêsu lội trong các dãy hàng, đụng vào dân chúng, dừng lại nói chuyện với người này đến người nọ, dỗ dành trẻ con khóc vì lạc mất mẹ trong đám đông. Người ta không thấy ngài giống như một nhà cải cách tôn giáo lên án dân chúng phạm tội hay phạm các tín điều. Nhưng người ta thấy ngài giống như mình, đơn sơ, trần tục, dễ bật cười khi thấy cái gì hài hước chứ không chực vạch lá tìm sâu, moi móc những nhược điểm hay những cái bất thường của họ. Ngài xem ra cục mịch và có lối hài hước đôi khi không thanh nhã lắm.

Đó là đặc điểm của đức Giêsu. Người ta thế nào thì ngài chấp nhận họ thế đó. Ngài tạo nên họ. Ngài yêu thích họ. Nếu đọc kỹ các Phúc âm, bạn sẽ không thấy đức Giêsu công kích ai bao giờ. Ngài gay gắt công kích các kinh sư và những người Pharisêu không phải vì họ yếu đuối. Ngài giận vì những gì họ làm đối với đạo giáo, vì họ làm mất đi cái phấn khởi và bộc phát trong mối liên hệ giữa con người với Thiên Chúa và khiến đạo giáo trở thành một cơn ác mộng với không biết bao luật lệ không ai giữ nổi như thánh Phaolô đã than phiền.

Những nhà cải cách tôn giáo thường hay nhạy cảm, dễ tức giận làm cho dân chúng cảm thấy không tự nhiên đối với họ. Họ có tài vạch

lá tìm sâu, chỉ điểm tội lỗi của dân chúng và ly khai dân chúng ra khỏi những người “ngay lành”. Họ dễ tức giận khi người ta không chia sẻ lý tưởng của họ. Bạn không thấy điều đó nơi đức Giêsu. Khi Ngài đi ngoài đường, thường có trẻ con hoặc thường dân theo ngài, nhiều người trong bọn lại có tai tiếng. Họ hãnh diện vì biết đức Giêsu thích đi với họ. Ngài không làm ra vẻ đạo đức hay giảng đạo cho họ, nếu có chắc họ đã bỏ đi nơi khác. Ngài thu hút họ vì họ thấy ngài vui tính và an bình hiếm có, cũng như cảm thấy ngài thật sự yêu mến họ. Chắc chắn họ không bị thu hút vì ngài lộ vẻ đạo đức hay đàn hoàng. Cái đẹp của ngài là làm cho con người thay đổi nếp sống, không nhất thiết phải thay đổi trong một ngày. Ngài rất kiên nhẫn để họ từ từ hiểu biết ngài và chấp nhận lối suy tư của ngài.

Điều này thấy rõ trong lối đối xử của ngài với các môn đệ. Nhóm nhỏ này dường như luôn luôn vô tư lự, các câu chuyện của họ thật là xa vời với ý nghĩ của ngài. Ngày nọ, đức Giêsu và các môn đệ cùng đi đường, họ bàn cãi nhau xem ai là kẻ nhất trong bọn. Đức Giêsu đi xa phía trước một ít, ngài nửa khúc khích cười nửa thất vọng. Nếu ngài đi gần hơn, chắc họ không tự do đàm luận. Đức Giêsu chờ họ nói hết câu chuyện rồi đi chậm lại để họ bắt kịp. Rồi ngài bình thản hỏi họ như không hay biết gì: "Lúc nãy ở phía sau các anh nói gì? "

Các môn đệ hổ thẹn không biết trả lời thế nào. Ngài không thúc bách vấn đề, nhưng chỉ bình luận: “ Những kẻ lớn ở thế gian thì thích người ta nghĩ rằng họ quan trọng và thích cai trị kẻ dưới. Nhưng anh em không nên sống như thế. Ai muốn làm kẻ lớn thì phải phục vụ mọi người.” Câu nói thật là hiền lành, không chỉ trích, rất tế nhị không làm nhục để họ phải xấu hổ. Các môn đệ là những thường dân, ít học và thô kệch. Đức Giêsu biết khả năng của họ. Ngài chọn họ để ngày kia họ sẽ làm thủ lãnh các môn đệ khác của ngài. Điều quan trọng là họ phải thi hành quyền bính một cách hiền hậu và khiêm tốn giống như ngài. Một điều khác không kém quan trọng, đó là ngài tránh làm nhục và hạ thấp họ khi ngài dạy dỗ họ. Đó là lối tế nhị mà đức Giêsu dùng khi tiếp đãi dân chúng. Do đó dân chúng cảm thấy thoải mái với ngài.

Ngài cũng đối xử như thế khi dân chúng đến với ngài. Họ bao quanh ngài như trẻ con, thích nghe lời an ủi và khích lệ từ môi miệng ngài. Ngài nói với đám đông dân chúng về Nước Trời, hoặc ngài bảo họ phải tin tưởng nơi Cha của ngài khi ngài chữa bệnh cho người nghèo,



người què hay người mù từ lúc sơ sinh. Rồi ngài tiếp tục đi. Ngài dừng lại khi thấy một nhóm người khác trên đường đi làm.

Một đặc điểm hấp dẫn khác của đức Giêsu trong lối đối xử với dân chúng là thái độ tự nhiên. Những người sùng đạo thì thường lo lắng cứu rỗi kẻ khác và đòi mọi người phải hết tâm với Giêsu vì ngài là Đấng Cứu chuộc. Bạn không thấy đức Giêsu nóng lòng truyền đạo như những người mới vào đạo. Điều này thấy rõ trong câu chuyện giữa đức Giêsu và một viên chức triều đình tại thành Caphanaum. Ông ta nghe nói đức Giêsu có mặt ở Cana nên đến xin ngài chữa bệnh cho con trai của ông đang hấp hối. Một nhà truyền giáo chắc trước tiên buộc người ta phải tin vào đức Giêsu là Đấng Cứu thế. Nhưng đức Giêsu không làm như vậy. Ngài chỉ đưa ra một nhận xét, “Nếu ông không thấy dấu lạ thì ông không tin”. Nhưng đấy chỉ là một nhận xét thoáng qua nhắm vào đám đông tò mò có mặt ở đấy hơn là muốn chinh phục viên chức.

Ông ta cũng không cảm thấy bị xúc phạm. Ông ta chỉ nài nỉ, “Xin ngài đến trước khi con tôi chết.”

“ Ông về đi, con ông sống”, đức Giêsu bảo ông.

Trên đường về, ông gặp một người đưa tin rằng con ông khá hơn đúng lúc đức Giêsu nói với ông “con ông sống.”

Sau đó ông và gia đình ông tin ở đức Giêsu. Tuy nhiên điều đó xảy ra cách bộc phát chứ không phải đức Giêsu buộc họ phải tin.

Ngài rất tự nhiên khi đối xử với dân chúng. Điều này cho thấy rằng ngài tôn trọng sự tự do mà Thiên Chúa ban cho con người. Ngài chỉ đường cho dân chúng và cho họ thấy cái đẹp của cuộc sống, nếu họ sẵn lòng theo bước chân của ngài. Để trả lời cho chàng thanh niên giàu có hỏi phải làm gì để được cứu rỗi, ngài đáp “Giữ các giới răn”. Và khi anh ta cho biết đã giữ từ bé thì ngài nói: “Nếu muốn hoàn hảo, thì hãy bán hết của cải mà phân phát cho người nghèo, rồi đến theo tôi!” Đó chỉ là một lời đề nghị, bởi vì xem ra chàng thanh niên có vẻ thất vọng với câu trả lời của đức Giêsu.

Chúng ta phải ngạc nhiên khi thấy đức Giêsu rất bình thản trước sự đáp ứng của dân chúng đối với Ngài. Đó cũng là vì ngài tôn trọng sự tự do của họ. Ngài biết rằng có người sẵn sàng cải huấn, có người chưa sẵn sàng, và có lẽ có người sẽ không bao giờ sẵn sàng cả.

## Chương ba

### Dấu hiệu mâu thuẫn

Một trong những hiện tượng nổi bật nhất của các sách Phúc âm là những mâu thuẫn không ngừng giữa đức Giêsu và giáo quyền. Cũng như tất cả mọi người, tôi đã đọc những giai thoại này trong bao năm nhưng chúng không để lại ấn tượng gì trên tôi. Cách đây vài năm tôi mới khám phá ra rằng chúng chiếm một phần lớn trong các sách Phúc âm. Một số tân học giả Kitô và Do Thái nghĩ rằng những mâu thuẫn này đã không xảy ra. Nhưng tôi thấy khó mà nói rằng chúng đã không xảy ra, vì chúng liên quan đến nhiều sứ điệp của đức Giêsu trong những cuộc trao đổi nảy lửa... Thực vậy, một phần tất yếu của Tin Mừng nằm trong những cuộc trao đổi này và chúng xảy ra rất sớm khi đức Giêsu thi hành sứ mệnh.

Đức Giêsu trình bày sứ mệnh của mình trong dịp ngài cho biết thái độ của ngài đối với lề luật thế nào. “Tôi đến không phải để hủy bỏ lề luật, nhưng là để hoàn thành nó. Tôi nói cho anh chị biết, cho đến khi trời đất qua đi, một dấu phẩy trong lề luật cũng không bỏ đi cho đến khi nó được thực hiện ... Nếu anh chị không sống công chính hơn các kinh sư và những người Phariseu thì anh chị không vào được nước trời.”

Rồi đức Giêsu tiếp tục tuyên bố rằng sống tốt lành không phải ở chỗ thi hành luật lệ bên ngoài, nhưng là sống theo tinh thần lề luật. Một người có thể giữ hết mọi lề luật nhưng có thể không làm một việc gì tốt đẹp. Luật pháp là tiêu cực. Chúng chỉ cấm bạn không được làm thứ gì. Còn đức Giêsu thì tích cực. Ngài công bố lề luật mới, một lề luật xây dựng trên tình yêu. “Nếu khi dâng lễ vật ở đền thờ mà bạn nhớ rằng có xích mích với anh em, thì hãy để lễ vật ở bàn thờ mà đi làm hoà với anh em trước đã, rồi hãy trở lại mà dâng lễ vật” (Mt 6).

Thời đức Giêsu luật lệ báo thù rất thịnh hành, “mắt đền mắt và răng đền răng.” Nếu ai làm tổn thương bạn, bạn có quyền trả thù lại. Nhưng đức Giêsu dạy ngược lại: “Nhưng tôi nói cho anh chị nghe, đừng chống lại người gian ác. Trái lại, nếu ai tát tai anh chị thì hãy đưa má bên kia cho họ tát luôn ... Anh chị nghe dạy rằng “Hãy yêu bạn hữu và ganh ghét kẻ thù. Nhưng tôi nói với anh chị đây, hãy yêu kẻ thù, và

làm ơn cho người ganh ghét anh chị. Hãy cầu nguyện cho những ai bách hại và cáo gian anh chị, vì như thế anh chị mới được làm con cái của Cha trên trời. Ngài dựng nên mặt trời soi sáng kẻ lành người dữ, và ban mưa xuống cho người công chính cùng kẻ bất công ... Hãy nên toàn thiện như Cha của anh chị trên trời là đấng toàn thiện.”

Trong một ít lời đó đức Giêsu cho biết ngài nghĩ thế nào về sự thiện. Toàn thiện như Thiên Chúa toàn thiện không phải là do tuân giữ luật pháp và giới răn. Thiên Chúa không tuân giữ luật pháp và giới răn. Sự toàn thiện của Thiên Chúa là ở tình yêu của ngài. Đó là yếu tính của ngài. Thiên Chúa là tình yêu, và ai thuộc về Thiên Chúa là có tình yêu. Chúng ta trở nên toàn thiện khi yêu mến Thiên Chúa và lo lắng cho nhau. Chính vì thế mà trong dụ ngôn về ngày phán xét, đức Giêsu không dùng các giới răn để phán xét, nhưng là “Hãy vào đây, những kẻ được Cha tôi chúc phúc, vì khi tôi đói, anh chị cho tôi ăn; khi tôi khát, anh chị cho tôi uống, v.v...”

Không phải chỉ có dân chúng thời đức Giêsu, nhưng dân chúng trong mọi thời, thường chỉ lo giữ giới răn và giáo luật cũng như các nghi thức của giáo hội. Nếu sống đạo chỉ là thế thì chúng ta chưa hiểu được việc thờ phượng Thiên Chúa. Thờ phượng Thiên Chúa là yêu mến Thiên Chúa mỗi ngày một đậm đà hơn, là biểu lộ tình yêu ấy bằng cách nghĩ đến những đau thương chung quanh chúng ta và dần dần giúp đỡ tha nhân và cả đến những người không quen thuộc. Đối với một người yêu mến Thiên Chúa thì không có ai là xa lạ cả. Đó là yêu mến trọn hảo, là tình yêu Thiên Chúa, là tình yêu không ranh giới.

Rõ ràng là một phần lớn của câu chuyện Phúc âm nói về sứ mệnh của đức Kitô. Những kinh sư cùng người Pharisêu và đức Giêsu xung đột nhau vì một bên thì cố chấp thi hành lề luật từng ly từng tí mà không nghĩ đến những thiệt hại gây nên cho dân chúng, trong khi Giêsu thì đi tìm những chiên bị thương tích đang lạc đàn vì tự mãn. “Các kinh sư và người Pharisêu ngồi trên toà Maisen. Hãy làm những gì họ dạy. Nhưng đừng noi gương họ, bởi vì họ chỉ nói mà không làm. Họ áp đặt gánh nặng lên đầu lên cổ dân chúng mà không đưa tay đỡ giùm họ” (Mt 23).

Trái lại, Đấng Chấn Chien Lành thì đi tìm các con chiên lạc đàn, gặp rắc rối, bị thương tích đau đớn, và khi tìm được thì vác chúng lên vai mà đem về nhà bởi vì ngài yêu thương chúng.

Sự khác biệt quá là rõ rệt, bởi vì đức Giêsu nhìn nhận thẩm quyền của các kinh sư và người Pharisêu. Họ có quyền giáo huấn do Thiên Chúa ban. Đức Giêsu bảo các môn đệ hãy vâng lời họ. Rồi ngài gọi các kinh sư và người Pharisêu là “những người hưởng đạo mù lòa từng con muỗi, nhưng lại nuốt con lạc đà,” và là “những người hưởng đạo mù dẫn đường cho người mù, cả hai sẽ lăn ù xuống ao”

Khi đức Giêsu ám chỉ mình là Người Chăn Chiên Lành, tức là ngài tự đặt mình vào vai trò đối nghịch với những nhà lãnh đạo tôn giáo và cách thức họ đối xử với dân chúng. Họ đuổi chiên đi khi khai trừ chúng và đối xử chúng tàn tệ khi chúng không giữ lề luật. Điều đó cũng đang xảy ra ngay trong thời nay. Người Chăn Chiên Lành thì đi tìm những con chiên bị khai trừ. Khi ngài tìm thấy chúng đang lang thang lạc lõng, bị xúc phạm và mang thương tích, ngài đỡ chúng dậy, băng bó và vác chúng về nhà.

Chủ đề này triển miên suốt các Phúc âm. Nó được phát triển, cải tiến và làm cho sáng tỏ cho đến lúc nó trong sáng như phalê. Đó là điều đức Giêsu cố gắng dạy dỗ và đó cũng là yếu tính của Tin Mừng. “Tôi đến để cứu chứ không để xa lánh hay loại bỏ.”

Sự kiện các môn đệ đi qua cánh đồng lúa nói lên một khía cạnh khác của cùng một sứ điệp. Đó là ngày Sabát. Các môn đệ đói bụng. Họ bứt hạt lúa mà ăn như ăn đậu phộng. Những người Pharisêu xem như núp trong đồng lúa nhảy ra mà tố cáo. “Xem các môn đệ của ông kìa! Họ phạm ngày Sabát.”

Câu trả lời của đức Giêsu làm họ chết điếng. “Các ông không đọc thấy Đavít làm gì khi ông và binh sĩ đói - ông ấy vào nhà của Chúa lấy bánh thánh đưa cho lính ăn, mặc dù chỉ có các linh mục mới được phép ăn bánh thánh? Ngày Sabát được lập cho con người chứ không phải con người cho ngày Sabát. Con Người làm chủ ngày Sabát.”

Cuộc chạm trán ngắn ngủi này cho thấy ý nghĩa đích thật của lề luật. Bánh thánh biểu hiệu sự hiện diện của Thiên Chúa giữa cộng đồng. Bánh thánh của người Do thái cũng mâu nhiệm như bánh thánh của người Kitô. Nó biểu hiệu phép Thánh thể. Không người Do thái nào dám sờ đến bánh thánh, cũng như không một người Công giáo nào dám mở nhà châu lấy bánh thánh để ăn trưa. Thật là trái tai khi nghe đức Giêsu biện hộ cho hành vi của Đavít. Tuy nhiên nó diễn tả tư tưởng của ngài đối với lề luật. Lề luật chỉ để hướng dẫn và hỗ trợ cho con cái của Thiên Chúa. Không nên biến nó thành một gánh nặng. Nó phải

đáp lại nhu cầu của con người. “Lề luật được lập ra cho con người chứ không phải con người cho lề luật, ngày Sabát được lập ra cho con người chứ không phải con người cho ngày Sabát” (Mc 3 ; Mt 6). Khi có nhu cầu của con người thì lề luật cũng phải gia giảm. Con cái của Thiên Chúa là thánh chứ không phải lề luật. Lề luật là để bảo vệ và hỗ trợ con cái của Thiên Chúa. Nếu một luật pháp không làm như thế, thì cần phải tu chỉnh nó hay có lẽ phải hủy bỏ đi.

Chúng ta không thể không nghĩ đến những luật đạo và thói quen ngày nay. Có thể chúng đã có ý nghĩa trong một thời lúc nào đó, nhưng lại là một cản trở cho việc tu đức trong thời đại chúng ta. Điều này không có nghĩa là phải thay đổi nền luân lý, nhưng có nhiều luật đạo không liên hệ gì đến luân lý. Chúng chỉ là những luật lệ tạm thời có thể thay đổi. Dân chúng thường hay bám lấy phong tục và thói quen mà không muốn thay đổi chúng, dù chúng có thể gây tai hại cho nhiều người lương thiện. Khi các nhà lãnh đạo tôn giáo thấy sự tai hại, thì với tư cách là chủ chiên lành, họ nên thấy cần phải thay đổi. Thật là khó hiểu khi thấy các ông cố chấp bám lấy những tập quán, mặc dù chúng tạo nên nhiều gương xấu hơn là xây dựng. Có lẽ các nhà lãnh đạo các tôn giáo nên xét lại các tập quán không thích hợp với tâm trí và tinh thần của đức Giêsu. Dân chúng cũng không còn giữ những tập quán đó nữa, bởi vì họ biết chúng không đúng với điều Giêsu muốn. Đó là nguồn gốc của sự xung đột giữa đức Giêsu và các nhà lãnh đạo tôn giáo thời ngài. Họ tuân giữ những luật lệ đã mất ý nghĩa. Họ chế ra nhiều luật cấm mới và dọa Chúa phạt nếu dân chúng không tuân giữ. Các vị lãnh đạo tôn giáo ngày nay cũng làm y hệt những điều đức Giêsu lên án đối với các kinh sư và những người Pharisêu. Các vị chỉ cảnh sát đời sống của dân chúng hơn là hướng dẫn, chỉ bảo, cố vấn, chữa lành và gọi lên lề lối của Giêsu. Đầu óc nhỏ nhen của các nhà lãnh đạo tôn giáo làm hại cho đức tin của dân chúng nhiều hơn là những ý kiến không đáng kể của những nhà thần học khả nghi, bởi vì có mấy người đọc sách vở của các ông? Tôi biết một số ít người bị lung lạc về đức tin do các nhà thần học, nhưng tôi biết có hàng ngàn người bị lung lạc về đức tin vì đầu óc nhỏ hẹp bản tiện của những giáo sĩ cố chấp thi hành luật pháp. Họ không muốn thảo luận để hiểu biết hơn, họ chỉ muốn ra lệnh và trừng phạt. Đấng Chăn Chiên Lành yêu mến con chiên của mình và tìm chúng mà vác về. Còn những người làm thuê thì cai quản chiên một cách bủn xỉn và làm cho chúng bỏ chạy. Đức Giêsu dạy những lý tưởng

cao đẹp, nhưng khi con người không đạt đến được thì ngài đối xử với họ cách nhân hậu. Còn những người chần chừ khác thì trừng phạt khi không được vâng lời và họ cũng không mấy quan tâm đến những tai hại gây cho đời sống và đức tin của dân chúng. Đó là một trọng tội của mọi tôn giáo.

## Chương bốn

### Vị cứu tinh khiêm tốn và bình dân

Nếu những viên chức tôn giáo thời ấy câu nệ và làm cao thì đức Giêsu không giống như họ. Ngài thông hiểu bản tính nhân loại. Nếu đọc được những ẩn ý trong các Phúc âm, bạn sẽ thấy đức Giêsu sống thật là người. Ngài không sống đóng khung, dồn ép những lo âu, mặc dù hàng ngày ngài phải đương đầu với bao khó khăn như chúng ta. Ngài có vẻ thơ thối như không phải lo gì. Tuy lo lắng loan báo Tin Mừng, nhưng ngài không đam mê như những người nghĩ mình có một sứ mạng. Ngài sống vui vẻ, kết thêm bạn mới và giữ tình bằng hữu với những bạn cũ. Đó cũng là Tin Mừng. Bằng chính gương sống của mình, ngài dạy dân chúng sống vui vẻ và điềm đạm, sống quân bình đừng để mất bình an trong tâm trí. Và như thế họ sẽ vui vẻ sống kết hợp mật thiết với Thiên Chúa trong khi sống làm người.

Điều đó thấy rõ trong sự liên hệ giữa đức Giêsu và các môn đệ. Nhóm này được kết nạp một cách thật kỳ lạ. Hai môn đệ đầu tiên không phải do chính đức Giêsu mời gọi. Dĩ nhiên là ngài thu nạp họ, nhưng xem ra chính họ tìm đến theo ngài. Ngày ấy Gioan Tẩy Giả chỉ đức Giêsu cho hai môn đệ của mình rằng ngài là Chiên Thiên Chúa. Họ lập tức đi theo ngài. Khi thấy hai ông đi theo sau, ngài quay lại hỏi họ muốn gì và theo ngài làm gì. Đó là một câu hỏi rất tự nhiên khi thấy người lạ đi theo mình. Hai ông hỏi ngài sống ở đâu. Ngài bảo: “Đến xem”. Không biết ngài chỉ cho hai ông xem thứ gì, vì lúc ấy ngài đang ở hơn một trăm dặm xa nhà. Nhưng họ ở lại với ngài ngày hôm ấy. Hai ông rất thán phục ngài và đi mách với hai người anh em của mình ngay. Từ hôm ấy bốn anh em không bao giờ lìa xa Giêsu. Xem ra rất đơn sơ dễ dãi quá!

Ngày hôm sau mọi người cùng đi Galilêa và gặp một người nữa tên là Philip. “Đi theo tôi”, đức Giêsu bảo ông. Chỉ có thế. Bạn không khỏi thắc mắc họ có quen biết nhau trước không? Nếu có, thì được đi. Nếu không, thì không hiểu tại sao đức Giêsu có ảnh hưởng lớn trên một người hoàn toàn xa lạ như thế. Đàng nào cũng đúng. Philip rất thán phục Giêsu nên ông lập tức đi bảo bạn ông là Nataniên là họ tìm được

Vị Cứu Tinh. Nataniên cười khỉnh khi nghe Philip nói rằng đức Giêsu xuất thân từ Nadarét. Ông mỉa mai nói, “Có gì hay phát xuất từ Nazarét đâu?”

“Cứ đến mà xem”, Philip nài nỉ ông.

Khi họ đến, đức Giêsu nói, “Đây là một người Israel đích thực và ngay chính!”

“Làm sao thầy biết tôi? Thầy chưa bao giờ gặp tôi!”, Nataniên hỏi cách cộc lốc.

“Trước khi Philip gọi anh, tôi đã thấy anh đứng dưới cây vả.” Loài vả có nhiều cành dài và dẻo với nhiều lá to. Không biết Nataniên làm gì dưới gốc cây đó. Philip ngạc nhiên vì đức Giêsu biết, còn các ông kia thì cười, làm cho Nataniên mắc cỡ quá. Có lẽ giai thoại này cho thấy đức Giêsu rất tếu, nhất là đối với các môn đệ. Giờ đây họ bắt đầu gắn bó nhau.

Đức Giêsu rất tếu một cách thân mật với các môn đệ. Đó là một khía cạnh tôi không để ý lắm cho tới ngày gần đây qua một câu chuyện bất ngờ sau đây.

Tôi được mời đến diễn thuyết ở Kalamozoo do nữ tu Dorothy Ederer dòng Đaminh và Cha Gioan Grathwohl, cả hai là tuyên úy đại học Western Michigan. Giáo xứ ấy rất sống động, có gần ba ngàn thanh niên đi lễ gần như đều đặn. Đó là một trong những nơi hiếm có luôn luôn đón mừng sinh viên và làm cho họ cảm thấy gần gũi với Thiên Chúa. Chị Dorothy dùng sách Giô-sê để hướng dẫn sinh viên đến với Giêsu. Quyển sách này làm họ xúc động lắm, và họ giới thiệu sách đó với bạn bè và gia đình. Các sinh viên này không phải chỉ đi lễ. Họ là một cộng đoàn trẻ gắn bó nhau và làm nhiều việc tốt đẹp giúp nhau và giúp những ai cần đến họ. Tôi chưa từng thấy một nhóm sinh viên trẻ hoạt động như thế mặc dù tôi đã đến nhiều đại học.

Tuy nhiên khi tôi thấy chị Dorothy dành nhiều thì giờ chơi golf, chơi giày pa tanh, xem chiếu bóng, đi ăn cưới và tiệc tùng, tôi lấy làm sửng sốt. Tôi hỏi khi nào thì chị làm việc. Tôi chỉ hỏi đùa, vì biết chị hăng say làm việc. Tôi nghĩ là chạm tự ái chị vì thấy chị ưa nước mắt. Chị đáp, “Con làm việc nhiều lắm khi chơi thể này. Có lẽ vì thế mà thanh niên đến tâm sự với con.”

Khi về nhà, tôi suy nghĩ về câu chuyện đó và tự hỏi không biết đức Giêsu có ham vui không. Tôi đọc lại các Phúc âm và không khỏi ngạc nhiên thì thấy đức Giêsu nhiều lần đi dự tiệc tùng. Điều này càng



lạ nữa vì các sách Phúc âm chỉ nói những điều căn bản về cuộc đời của đức Giêsu, nhưng lại nhiều lần nhắc đến các bữa tiệc. Thì ra các Phúc âm gia cũng ngạc nhiên lắm nên mới nhắc đến chúng hoài. Hình như nếu ai muốn gặp đức Giêsu thì việc đầu tiên phải làm là rủ bạn bè tổ chức tiệc mà mời ngài đến dự. Hình như ngài không bao giờ từ chối, vì đó là dịp để ngài nói về Nước Trời hay chỉ để vui chơi. Có thể vì cả hai.

Ngày kia đức Giêsu đến thành Giêricô. Một người lùn tên là Giakêu, anh là nhân viên thuế vụ của thành phố, anh không bao giờ thấy được đức Giêsu vì anh lùn quá. Anh bèn trèo lên một cây cao để nhìn thấy đức Giêsu khi ngài đi ngang qua.

Khi đến đấy, đức Giêsu dừng lại, nhìn lên cây và nói, “Này Giakêu, trèo xuống đi. Tôi đến nhà anh hôm nay.” Anh run quá! Ngài tự động đến nhà một người lạ mà dùng bữa!

Giakêu mừng rỡ. Dân chúng lấy làm kinh ngạc. Anh ta lật đật trèo xuống cây, rất hãnh diện và vui sướng vì con người danh tiếng này đến thăm anh. Anh nói đủ chuyện và hứa hẹn lung tung, cả những việc không làm nổi. Anh không tưởng tượng được con người thánh này lại hạ mình đến nhà anh mà dùng bữa. Anh nghe danh tiếng của ngài và biết dân chúng nghĩ về anh ra sao. Khi thấy dân chúng thì thầm với nhau về chuyện đức Giêsu đến nhà những người như anh, anh bèn công khai tuyên bố sẽ bố thí cho người nghèo một nửa tài sản của anh và trả lại gấp bốn lần những gì anh đã lấy của người ta cách bất công.

Có phải đức Giêsu tự động đến dùng bữa để nói chuyện quan trọng với anh ta chăng? Tôi không nghĩ thế. Nếu ngài muốn nói chuyện quan trọng, thì ngài chỉ cần gọi anh ra một nơi mà nói riêng, hoặc hẹn anh ta vào một dịp khác. Đức Giêsu không bao giờ tránh nói với ai những chuyện quan trọng khi có dân chúng vây quanh. Nếu ngài không nói trước mặt mọi người thì ngài gọi người ấy ra riêng mà nói.

Ngài tự động đến dùng bữa ở đây không với ý gì khác hơn là dự tiệc, và để có dịp gặp gỡ bạn bè của Giakêu. Họ là những người bị loại như anh vì đi tống tiền người ta. Đức Giêsu biết rằng cử chỉ nhã nhặn của ngài sẽ đánh động lòng họ và khuyến khích họ thay đổi nếp sống. Họ bị dân chúng ghét vì moi tiền cách quá đáng. Họ lấy tiền thuế của dân và bỏ túi một số lớn, bởi vì chính quyền Lamã chỉ lấy một phần nhỏ số họ thu của dân chúng. Nếu đức Giêsu muốn gặp gỡ người tội lỗi, thì đây là nơi để gặp họ. Chính họ là những người ngài đến để cứu.

Không biết trong bữa tiệc này hay một bữa tiệc khác mà đức Giêsu phải chạm trán với một nhóm người Pharisêu. Họ công kích lối sống của ngài và cách ngài hoà đồng với những người sống bên lề xã hội. “Tôi không hiểu được các ông”, ngài gay gắt bảo họ. “Gioan đến không ăn không uống thì các ông bảo là người cuồng tín và bị quỷ ám. Còn tôi sống bình thường thì các ông bảo rằng tôi nhạt nhẽo, ưa đình đám và la cà với hạng người tội lỗi.”

Một lời bình phẩm thật chua cay! Đây Con của Thiên Chúa đến trần gian và biết mình bị mang tiếng xấu. Nhìn ở một khía cạnh khác có lẽ kinh khủng hơn : Đây là Thượng đế của Sách Thánh Do thái, là đức Giavê đến trong thế gian, là một vị Chúa toàn năng, thế mà giáo quyền do ngài lập nên lại tố cáo rằng ngài say sưa, bợm nhậu, mê tiệc tùng và la cà với hạng người tội lỗi!

Mĩa mai thay vì không phải người thường dân phao tiếng xấu cho đức Giêsu, nhưng là những người lãnh đạo tôn giáo, những người hâm mộ đạo giáo và cố bảo vệ luật phép cho tinh tuyền và giữ luật cho đúng đắn. Tôn giáo là nghề nghiệp của họ. Có lẽ đó là vấn đề của họ. Suốt đời họ chỉ lo sao cho tôn giáo được tôn giữ (có lợi cho họ). Họ chính là những người phao tiếng xấu cho đức Giêsu. Ngài tố cáo họ bị ám ảnh với tôn giáo nhưng không yêu mến Thiên Chúa và không có lòng nhân hậu đối với dân chúng. Phong tục và lễ nghĩa là những vị chúa mà họ tôn thờ.

Thật là ngạc nhiên khi nhìn đến khía cạnh ham vui trong tư cách của đức Giêsu. Dấu nó nằm trong chiến lược để thu hút dân chúng, nhưng lối hoà đồng của ngài không vì thế mà bị mai một hay trở nên giả tạo. Chắc chắn ngài phải thích tình bằng hữu với dân chúng. Rõ ràng ngài là con người rất thân thiện. Khi nhìn đến khía cạnh này, bạn mới thấy đầy đủ ý nghĩa. Thân thiện là biểu lộ của tình yêu và ưa thích tình bằng hữu. Vì đức Giêsu rất mực thương mến dân chúng, dĩ nhiên ngài phải thích các cuộc họp mặt gia đình hay tiệc tùng với bạn bè. Điều này cũng giải thích tại sao ngài rất tự nhiên khi chung đụng với dân chúng. Ngài không có thái độ dè dặt, ỏ đứng đắn và nghiêm nghị của những người lãnh đạo tôn giáo!

Thái độ tự nhiên này là một đặc điểm của đời sống đức Giêsu và là dấu ấn của sứ mệnh của ngài. Trong khi các kinh sư và người Pharisêu cũng như các vị lãnh đạo tôn giáo sau này đặt ra tín điều,

phong tục và lễ nghi cho dân chúng và bắt ép họ, nhưng đức Giêsu thì không mấy quan tâm đến những điều đó. Ngài chia xẻ và thông hiệp với Chúa Cha và Chúa Thánh Linh, nhưng sự chia xẻ này là biểu hiệu của tình yêu. Ngài không đặt ra công thức tín điều để học thuộc lòng. Tín điều của ngài nằm trong sự hiệp thông mà ngài chia xẻ. Ngài liên lạc mật thiết với Chúa Cha và Chúa Thánh Linh và cho các môn đệ thân thiết nhất chia xẻ đời sống nội tâm của ngài. Chúng ta đã biến việc chia xẻ tình yêu tốt lành này thành những tín điều được gọt đẽo cách khéo léo. Ngài không dạy các tín điều để học thuộc lòng, nhưng chỉ chia xẻ chính con người của ngài. Ngài lo lắng chia xẻ sự hiểu biết về đời sống với dân chúng, cho họ biết về Thiên Chúa và con cái Thiên Chúa phải đối xử với nhau thế nào. Ngài dạy cho họ biết họ được dựng nên cần có lẫn nhau để chia xẻ tài nguyên và khả năng mà Thiên Chúa ban cho mỗi người một cách khác nhau. Sống thân mật với Thiên Chúa và lo lắng cho nhau, đó là tôn giáo đích thật của đức Giêsu. “Quan tâm đến các goá phụ và cô nhi”, đó là lối nói điển hình mà đức Giêsu dùng để diễn tả đạo. Không phải đức Giêsu xa lánh Đền thờ hay bài bác việc học hỏi đạo lý, bởi vì đó là điều cần thiết để hiểu biết Thiên Chúa và hoạt động của ngài trong đời sống của dân chúng qua suốt lịch sử. Tuy nhiên đối với đức Giêsu đó không phải là tôn giáo. Đó chỉ là việc cộng đồng chia xẻ kinh nghiệm được Thiên Chúa yêu thương và quan tâm trong quá khứ. Đó chỉ là phương tiện cho cộng đồng như là một gia đình ghi ân và thờ phượng Thiên Chúa, và cũng là phương tiện để chia xẻ những điều Thiên Chúa dạy.

Đó là lý do của sự xung đột giữa đức Giêsu và các người lãnh đạo tôn giáo. Đối với họ, giữ các ngày lễ và nghi thức cũng như giữ đúng lề luật là tôn giáo. Nhưng đối với đức Giêsu thì tôn giáo là yêu mến Thiên Chúa, quan tâm đến dân chúng và cảm phục công cuộc sáng tạo kỳ diệu mà Thiên Chúa ban cho. Trong cuộc tranh luận với các kinh sư và người Pharisêu, đức Giêsu phân tách tỉ mỉ những luật lệ và nghi thức họ áp đặt lên dân chúng. Chẳng hạn ngày nghỉ Sabát là một ân huệ Thiên Chúa ban cho dân chúng cũng như để bảo vệ người nô lệ khỏi bị bóc lột sức lao động quá đáng. Rồi thời gian trôi qua, những người lãnh đạo tôn giáo biến ngày ấy thành một cơn ác mộng, khiến nó không còn là một ngày thờ phượng vui vẻ và gia đình sum họp : Cấm nấu nướng, cấm may vá, cấm giúp người trong cơn hoạn nạn, cấm đánh răng rửa mặt, cấm thể thao, cấm đi bộ xa. Những gì được làm và không được

làm được kê ra chi tiết cho ngày nghỉ gia đình này. Đức Giêsu công khai bác bỏ qua những luật lệ này. Đối với người Pharisêu thì đấy là khinh mạn lề luật. Đức Giêsu cứ đi bộ từ vùng này sang vùng khác làm họ cáu tiết. Ngài chữa bệnh trong ngày Sabát là lằng mọ quyền bính của họ. Không những hành động ấy làm cho họ thành trò hề đối với dân chúng, nhưng sự can đảm của ngài lại làm cho dân chúng yêu mến ngài.

Khi các viên chức chất vấn, đức Giêsu tấn công họ là quân giả hình và quỷ quái, biến lề luật của Cha ngài thành cơn ác mộng. Tuy công nhận quyền giáo huấn của họ do Thiên Chúa ban, nhưng ngài lại công khai cảnh cáo dân chúng xem chừng họ. “Các kinh sư và người Pharisêu ngồi trên toà Maisen. Những gì họ dạy, hãy làm theo. Nhưng đừng theo gương họ. Họ nói nhưng không làm. Họ đặt những gánh nặng trên đầu trên cổ dân chúng nhưng không nâng tay đỡ họ.”

Ngài cũng không ngần ngại phơi bày sự giả hình của họ. “Khốn nạn cho các ông là những kinh sư và Pharisêu. Các ông đóng thuế thập phân về bạc hà, hồi, húng nhưng bỏ những điều quan trọng trong lề luật như công bình, nhân hậu và thành tín. Đấy là những điều các ông phải giữ nhưng cũng không nên lơ là các điều kia. Các ông là những kẻ hưởng đạo mù! Các ông lọc ruồi, nhưng nuốt trứng lạc đà.”(Mt23:23-24)

Chúng ta cần phải hiểu rõ thái độ của đức Giêsu đối với lề luật và cách thức áp dụng luật, vì nó vạch lên một hướng đi căn bản khác với cách thức tôn giáo được truyền ngay từ thuở đầu. Tôn giáo được dạy như là một hệ thống các điều luật phải thận trọng tuân giữ nếu muốn làm đẹp lòng Thiên Chúa và lĩnh phần thưởng Thiên Chúa dành cho trong tương lai. Làm đẹp lòng bề trên trong đạo cũng không kém phần quan trọng, vì họ là những người gìn giữ lề luật. Bất tuân họ tức là bất tuân Thiên Chúa.

Rất tiếc là ngày nay vẫn còn thế. Tôi không bao giờ quên sự bất đồng giữa tôi với một vị giám mục mấy năm về trước. Ông ra lệnh cho tôi phải làm một việc mà tôi hết sức e dè. Tôi thưa với ông rằng tôi gặp khó khăn và theo lương tâm tôi không thể làm được. Ông giận dữ mà nói với tôi: “Làm theo lương tâm là làm theo ý tôi”.

Bị chạm nên tôi trả lời với một giọng không lễ phép lắm: “Xin lỗi đức cha, ngài không phải là Chúa.”

Đó thường là thái độ của các viên chức tôn giáo thuộc bất kỳ tôn giáo nào. Họ là lương tâm của dân chúng, và dân chúng chỉ có việc

vâng lời họ. Tâm trạng đó không chỉ có trong Giáo hội Công giáo, nhưng cũng có ở Hồi giáo và các giáo hội Kitô khác, trong khi họ nói chỉ phải nghe theo Thánh Kinh. Thực ra dân chúng không phải nghe theo Thánh Kinh, nhưng là nghe theo những lối giải thích Thánh Kinh của các giáo sĩ hoặc luật lệ của ban quản giáo. Họ không có giáo hoàng, nhưng những người lãnh đạo của họ còn kiểm soát chặt chẽ hơn là giáo hoàng, trong từng chi tiết của đời sống hàng ngày. Khốn cho ai chất vấn thẩm quyền của họ. Đã nhiều lần bạn bè thuộc Trào Lưu Chính thống và Phái Phúc Âm nói với tôi: “Nhưng các giáo sĩ của chúng tôi bảo đây là ý nghĩa của Kinh Thánh, hay bảo chúng tôi phải làm thế này thế khác.” Họ không dám cãi lại. Đó không phải là nghe theo Kinh Thánh. Đó chỉ là kiểm soát, đàn áp tự do của con cái Thiên Chúa mà đức Giêsu ban cho chúng ta.

Trong thời đức Giêsu các linh mục thượng phẩm và các kinh sư thi hành quyền bính trên dân chúng. Đạo Do Thái có 613 giới răn, 365 luật cấm, và 365 điều về tu chính và áp dụng luật. Cũng như trong thời đại của chúng ta, khi dân chúng không thi hành nổi các lý tưởng luật thì họ bị trừng phạt trăm nghìn cách, thường cũng bị ly khai khỏi cộng đồng. Những người ngay lành thì bị cấm liên lạc với họ.

365 giới răn và những luật nhỏ hơn cộng với những điều cấm kỵ xem ra nhiều, nhưng nếu so với bộ dân luật và luật đạo tổng hợp mà chúng ta có ngày nay thì cũng không nhiều lắm. Tuy nhiên thánh Phaolô cũng đã lưu ý rằng đức Giêsu đến để giải thoát chúng ta khỏi “gánh nặng của lề luật mà không một ai vác nổi.” Thánh Phaolô hiểu được thái độ của đức Giêsu đối với lề luật. Công đồng thứ nhất ở Giêrusalem cũng đã được nhóm họp để giải quyết những vấn đề liên quan đến việc kiêng giữ lề luật.

Ba trăm năm sau đó, thánh Âu Cơ tinh cấm các giáo lý viên trong địa phận của ông tại Bắc Phi không được dạy Mười Điều Răn. Tôi đọc được điều này trong tập sách nhỏ của các Hiệp Sĩ Columbus nói về đức Giêsu và Lề luật. Lý do mà thánh Âu Cơ tinh cấm các giáo lý viên là Mười Điều răn không thuộc Kitô giáo. Bản chất của Mười Điều Răn là luật tự nhiên mà người Kitô phải giữ, vì lẽ luật tự nhiên là qui tắc bất thành văn được ghi vào lòng mỗi người. Lại nữa, hầu hết các Điều răn có tính cách tiêu cực; “Người chớ...” Đức Giêsu dạy cho những ai theo ngài một điều luật mới: “Hãy yêu nhau như tôi yêu anh em”. Nơi khác ngài dạy, “Hãy yêu Thiên Chúa hết lòng, hết tâm hồn, và yêu người

láng giềng như chính bản thân. Đó là nền tảng của lề luật và các sách ngôn sứ.” Đức Giêsu đưa ra lối tiếp cận tích cực đối với tôn giáo, luôn luôn nhấn mạnh tình yêu, yêu Thiên Chúa và yêu người láng giềng.

Những ai nghĩ rằng Mười Điều Răn là hướng đạo luân lý căn bản sẽ phản đối, “Nếu không dùng Mười Điều Răn làm căn bản luân lý, thì lấy gì làm căn bản cho một nền luân lý lành mạnh? Lệnh yêu Thiên Chúa và yêu nhau của đức Giêsu dạy làm sao đủ được?”

Nên nhớ rằng sau đó thánh Âu cơ tinh đã nhượng bộ, bởi vì các giáo lý viên than phiền rằng họ không dạy được các tân tòng về luân lý nếu không dùng Mười Điều Răn làm hướng đạo. Ngài nhượng bộ và cho phép dùng Mười Điều Răn để dạy, nhưng dưới hình thức tích cực chứ không nên dùng hình thức tiêu cực.

Mặc dù đức Giêsu bãi bỏ luật cũ, nhưng ngài cũng có một số nguyên tắc vững chắc cho những vấn đề luân lý. Khi tuyên bố rằng ngày Sabát được lập ra cho con người chứ không phải con người cho ngày Sabát, lề luật được đặt ra cho con người chứ không phải con người cho lề luật, đức Giêsu muốn nhấn mạnh rằng không nên giữ lề luật vì là lề luật, nhưng phải xét đoán lề luật theo tương quan tốt hay xấu với đời sống con người. Đó là một cách mạng lớn. Cách tiếp cận thứ nhất đối với lề luật bắt buộc con người phải tuân giữ lề luật bất luận hậu quả tốt xấu. Chưa đầy một thế hệ trước đây, có luật cấm ly dị. Không có luật trừ nào cả. Đó là lề luật. Dân chúng chấp nhận nó và cố gắng sống, dù phải sống với một người đối xử tàn tệ làm tan vỡ đời sống của mình. Dĩ nhiên là ly dị có thể gây ra nhiều thảm kịch. Giải quyết vấn đề này đòi hỏi nhiều cố gắng, nhưng không làm gì hết và không nghĩ đến những tai họa do luật này gây nên là vô trách nhiệm.

Điều đó cũng có thể áp dụng cho luật độc thân trong Giáo hội. Luật độc thân là điều kiện để được thụ phong linh mục. Nhiều thanh niên biết rằng mình có ơn gọi làm linh mục mặc dù biết rằng mình không thể giữ được luật độc thân. Họ đè nén đòi hỏi của tình yêu và lấn át sự sợ hãi của mình bằng hy vọng và kinh nguyện vì tiếng gọi làm linh mục mạnh mẽ quá. Họ giữ luật độc thân trong những năm học tập và nhiều năm sau đó. Rồi một ngày kia họ bị vấp ngã. Tôi không thể sống như thế này. Một khi lý do để đè nén đòi hỏi tình yêu không còn mạnh nữa, họ cảm thấy mình không có ơn gọi để sống độc thân. Đây là một thảm họa. Từ đấy họ thấy mình không thể sống độc thân. Họ cố gắng, tranh đấu và cầu nguyện, nhưng không thấy được gì. Thất vọng

và cô đơn làm xao lãng công việc linh mục và họ đâm ra cực kỳ chán nản. Một số người đâm ra rượu chè. Một số người tìm lối thoát khác. Một số người mà tôi linh hướng đã nghĩ đến việc tự tử. Trong lúc chán nản và thất vọng họ đối xử với giáo dân một cách tàn tệ và làm hại cho biết bao linh hồn. Thật là đáng buồn. Đức Giêsu có muốn điều đó không? “Ai giữ được thì hãy giữ”, đức Giêsu nói rất thông cảm. Đó phải là quyết định của một người trưởng thành chứ không nên áp đặt lên những thanh niên, để rồi về sau họ mới hiểu được hậu quả khi họ trưởng thành. Lúc bấy giờ họ mới ý thức rằng dầu cố gắng cách mấy họ cũng không thể sống như thế mà không hủy hoại đời họ. Khi nghĩ đến có hơn một trăm ngàn linh mục trên toàn thế giới đã bỏ chức linh mục mà lập gia đình, thì một người có chút hiểu biết cũng thấy rằng có cái gì sai. Họ không phải là những linh mục xấu. Một số là những linh mục ưu tú. Họ cảm thấy ơn gọi mạnh mẽ để làm linh mục. Tám đến mười hai năm học tập là bằng chứng cụ thể. Một giáo quyền biết lo lắng và thông cảm, là những vị chủ chăn tốt biết yêu mến con chiên và coi trọng chức linh mục, thì họ phải là những người đầu tiên nhận thấy có cái gì sai. Đa số các linh mục cởi áo là những linh mục ưu tú, chu đáo, học thức, thông cảm với những khổ đau và nhu cầu của dân chúng, và là những người chuyên năng cầu nguyện. Rõ ràng rằng chức linh mục và đời sống độc thân là hai ơn gọi khác nhau. Đòi phải có ơn gọi này như là điều kiện tiên quyết cho ơn gọi kia như thể Chúa Thánh Linh sẽ hợp tác và ban ơn sủng cho cả hai! Tai hại do thái độ này gây nên đã quá rõ ràng đối với những ai có tâm hồn cởi mở. Trong tình trạng đau thương này đối với mọi Kitô hữu, lời của đức Giêsu càng rõ rệt hơn nữa, “Ngày Sabát được lập cho con người chứ không phải con người cho ngày Sabát. Lễ luật được lập cho con người chứ không phải con người cho lễ luật.” Lễ luật phải nhượng bộ cho nhu cầu của con người. Không nên vịn vào lễ luật khi nó huỷ hoại con người, khi nó gây nên gương mù lớn cho nhiều người và xé tan thành Giáo hội, khi nó lôi cuốn nhiều người bệnh hoạn lĩnh chức linh mục. Đức Giêsu nói cách vắn tắt và rõ ràng rằng: “Ai giữ được thì giữ.” Ngài để cho con người tự do lựa chọn. Đòi hỏi phải giữ luật khi nó gây nên bao tai họa và gương mù thì lời của Đức Giêsu thật là khôn ngoan. Khi nói đến nhu cầu của con người, thì cũng nói đến lợi ích của xã hội trong tương lai xa. Những tử dụ trên về cách áp dụng luân lý dựa trên tình yêu không phải là viễn vông. Chúng nằm ngay trong nhiều vấn đề của Kitô giáo ngày nay.

Có người cho rằng không thể bàn về vấn đề luân lý mà chỉ dựa vào tình yêu, vì như thế sẽ quá chủ quan. Điều đó đúng nếu chỉ muốn đưa ra những câu trả lời nhanh chóng và đơn sơ trong vấn đề luân lý. Nhưng hoàn toàn khách quan trong các vấn đề luân lý là điều không thể làm được. Ngày nay điều đó càng rõ hơn lúc nào hết khi xã hội gặp những vấn đề chưa từng xảy ra và không có trong Kinh Thánh cũng như không được các nhà thần học đồng ý. Cả đến những trường hợp rất rõ ràng để giải quyết thì vẫn có vấn đề chủ quan trong đó. Các nhà luân lý chọn làm tiền đề những nguyên tắc và trích dẫn mà họ thích để đi đến kết luận. Vì thế các nhà thần học đi đến những kết luận khác nhau tùy theo những tiền đề khác nhau. Đời sống thế giới ngày nay quá phức tạp, nên không thể tự mãn đưa ra những câu giải đáp đơn thuần trắng đen. Đời phải có những câu giải đáp như thế là đi ngược lại với thực tế và mất tín nhiệm đối với người trí thức và biết suy nghĩ.

Tôi nghĩ mãi về vấn đề thánh Âucơtinh đuổi người yêu lâu năm về Phi Châu với đứa con của ông khi ông trở lại đạo. Sau đó ông dạy rằng tình yêu chân chính phải làm chỉ đạo khi giải quyết những vấn đề luân lý. Tôi nhiều lần tự hỏi có phải quyết định đuổi một người đàn bà xa khỏi đời mình là một quyết định dựa trên căn bản tình yêu hay không, hay chỉ để thoả mãn việc nhiệm nhậm giữ lề luật? Đức Giêsu có khuyên ông làm như thế không? Rõ ràng là trái với câu chuyện người đàn bà bị bắt quả tang đang sống ngoại tình. Đức Giêsu không bảo chị bỏ người đàn ông chị đang sống với. Chị đi đâu bây giờ, không tiền trợ cấp và sau khi đã có năm đời chồng? Nhưng đức tin dạy cho thánh Âucơtinh rằng sống với người yêu là có tội vì không cưới nhau. Tại sao ông không cưới chị? Có phải vì nó làm cản trở cho mức tiến của ông không? Dĩ nhiên là nó không hợp với cuộc sống mới của ông. Tôi nghĩ mãi không biết rồi chị ấy sống làm sao? Chị có phải tự nuôi lấy thân không? Ông có giúp chị không? Chị có được gia đình lo lắng và thông cảm hoặc bạn bè giúp đỡ không? Ông bảo chị có huỷ hoại đời chị không? Và ảnh hưởng đến con cái? Tình yêu, nếu được hiểu cách đúng đắn, phải là yếu tố quyết định khi giải quyết các vấn đề luân lý. Quyết định của ông có dựa trên căn bản tình yêu không? Nếu khi tuân giữ một lề luật mà bạn huỷ hoại đời sống của một người hoặc gây ra tai hại không lường được, thì đó có phải là điều đức Giêsu muốn không? Có phải là điều Thiên Chúa muốn không?



Đức Giêsu luôn luôn dạy những lý tưởng cao đẹp, nhất là về hôn nhân. Nhưng khi gặp người đàn bà bên giếng, chị đã lấy năm ông chồng và đang sống với một người không phải là chồng, thì lời nói của ngài phải rất có ý nghĩa. Khi gọi năm người đàn ông trước là chồng của chị, ngài đương nhiên công nhận các hôn nhân đó mặc dù không tán thành. Ngài cũng rõ ràng lưu ý rằng chị không kết hôn với người đàn ông chị đang sống với. Trong một dịp khác, ngài bảo đừng phạm tội nữa. Nhưng điều ngạc nhiên là với người đàn bà này thì ngài không bảo chị phải bỏ người chị đang sống với. Có thể ngài có bảo, nhưng không thấy Phúc âm ghi lại. Hình như nếu ngài bảo chị bỏ, chắc chắn các môn đệ phải ghi lại, nhất là khi các ông lấy làm kinh ngạc khi thấy ngài nói chuyện với một thiếu phụ, mặc dù các ông không dám hỏi ngài.

Nếu đức Giêsu không quan trọng hoá vấn đề chị sống với người đàn ông, có lẽ phải hiểu đó là vì ngài thông cảm hoàn cảnh sống. Trong thời ấy, không có trợ cấp xã hội, không có ngân quỹ dành cho người nghèo. Nếu một người đàn bà bỏ chồng thì sẽ đi đâu, nhất là khi chị không có gia đình. Đây, một người đàn bà đã có năm đời chồng. Ai còn muốn chị? Cũng không thể nghĩ rằng gia đình chị muốn chị. Không tiền, không trợ cấp, chị sẽ đi lang thang ngoài đường chăng? Đức Giêsu thấy trước những cảnh hãi hùng đó đối với một người đàn bà như chị. Ai có thể nghĩ rằng một con người nhân hậu như Giêsu sẽ bảo chị bỏ nhà ra đi? Phải chăng Thiên Chúa chấp nhận sự kiện, chứ không phải lý tưởng, ngài chấp nhận cảnh sống thực tế đó là chị đang sống với người đàn ông không cưới sau khi chị đã có năm đời chồng. Tại sao ngài gặp người đàn bà này, một người có nhiều vấn đề, trừ khi ngài có dụng ý dạy một bài học qua cách ngài đối xử với chị?

Có thể đấy không phải là câu trả lời xác đáng, nhưng nó cũng làm cho chúng ta suy nghĩ. Cố thẩm phán Warren Burger nêu lên một vấn đề trong một buổi kinh nguyện kèm theo ăn sáng. Chúng tôi bàn về tội ác, về công lý và về ảnh hưởng của quan tòa khi kê án. Ông nói rằng một thẩm phán liêm chính sẽ rất thận trọng khi kê án một người, vì bản án sẽ ảnh hưởng không chỉ tội nhân nhưng cả gia đình họ nữa. Khi vị thẩm phán kê án, ông cũng kê án cả gia đình mặc dù họ vô tội. Họ phải trả giá và đời sống của họ có thể bị tổn hại không đền bù được. Những quyết định luân lý cũng giống như quyết định của quan tòa. Chúng không những ảnh hưởng đến phạm nhân mà còn đến nhiều người

khác nữa. Phải nghĩ đến những người này khi đưa ra một quyết định về luân lý. Yêu mến Thiên Chúa và yêu mến người láng giềng. Toàn lề luật và sách các ngôn sứ dựa lên hai giới răn này.

Đây là một lối giải quyết các vấn đề luân lý còn đang được tranh luận, nhưng đó là cách thức đức Giêsu đặt ra cho chúng ta và nó rất có lý. Luật pháp không có gì là linh thiêng cả, trừ khi nó làm lợi hay làm hại cho con người và mối liên hệ của con người với Thiên Chúa.

Tuy nhiên tình yêu nào là đúng để dựa vào đó mà phán đoán trong những trường hợp khó khăn?

Điều này không phải dễ dàng. Khi còn nhỏ, chúng ta cần có người hướng dẫn. Đây là gánh nặng của phụ huynh và những người lãnh đạo tôn giáo có trách nhiệm dạy những nguyên tắc luân lý và cách sống đức tin. Các nhà thần học có thể phát triển những nguyên tắc luân lý dựa trên tình yêu Thiên Chúa và láng giềng hơn là dựa vào lề luật. Các giáo sĩ có thể hướng dẫn giáo dân để họ có thể thi hành những quyết định dựa trên tình yêu cách xác đáng. Và rồi giáo dân có thể hướng dẫn lại con cái của mình. Phải nhẫn nại và tốn kém thời gian để đào tạo và sống gương mẫu mới có thể giúp con cái trưởng thành trong việc phán đoán, không phải vì sợ hãi hay mù quáng nhưng là dựa trên tình yêu và quan tâm chân thực. Điều này rất khó lúc khởi sự. Nhưng khi con cái lớn lên, chúng có thể hiểu được thế nào là tình yêu chân chính và dựa vào đó mà đưa ra mọi quyết định. Công việc này rất có ý nghĩa. Cả trong vấn đề sắc dục cũng thế. Chúng có thể lầm lỗi, nhưng chúng ta cũng lầm lỗi khi giải thích luật pháp. Các nhà luân lý áp dụng các nguyên tắc mỗi người mỗi khác. Hãy để phán đoán cho Thiên Chúa.

Trong dĩ vãng dạy luân lý là dạy Mười Điều Răn. Thực ra đó là dạy trẻ con lánh tội. Nền luân lý của Thế giới Kitô giáo thật là rối rắm. Các Điều răn phần lớn là tiêu cực, chỉ đòi hỏi tôn trọng lề luật cách tối thiểu. Xét về mặt lý thuyết, một cá nhân có thể giữ trọn các Điều răn trong suốt đời nhưng không bao giờ làm một việc phúc đức cho một cá nhân khác. Người ta có thể thấy một người nằm đờ chết trên đường và lờ đi mà vẫn không phạm một điều răn nào. Như thế thì học hỏi được gì ở luật pháp, ở điều răn?

Lề lối của đức Giêsu thì khác. Ngài không chú trọng vào tội lỗi, nhưng là dạy về tình yêu, yêu Thiên Chúa và yêu người láng giềng, và đối với ngài mọi người đều là láng giềng. Đối với con của Thiên Chúa

thì không ai là xa lạ cả. Nói cách vắn tắt, đó là nghĩ đến Thiên Chúa và tha nhân, và mọi thụ tạo. Đó là một động lực tích cực, không dạy trẻ con quá chú trọng vào tội lỗi mặc dù đó cũng là điều quan trọng, nhưng đưa chúng đến với Thiên Chúa, và nhất là đến với Giêsu lúc chúng còn nhỏ. Sự liên lạc mật thiết và ấm cúng này sẽ giúp chúng chống lại mọi cám dỗ khi cuộc sống của chúng trở nên phức tạp hơn. Đó là một đường lối lành mạnh, làm cho chúng ta ý thức rằng phải quan tâm đến tha nhân. Nó khuyến khích chúng ta tuân giữ các điều răn, trở thành tốt, bởi vì đức Giêsu mà chúng ta yêu mến là người bạn tốt.

Chính vì thế mà thí dụ độc nhất đức Giêsu dạy về ngày phán xét không phải là việc tuân giữ Mười Điều Răn nhưng “Hỏi những ai được Cha của tôi chúc phúc, hãy vào vương quốc được chuẩn bị sẵn cho các người từ nguyên thủy. Khi tôi đói, anh chị cho tôi ăn. Khi tôi khát, anh chị cho tôi uống. Khi tôi không áo quần, anh chị mặc cho tôi. Khi tôi ốm đau, anh chị chăm sóc cho.”

Đức Giêsu lấy nhu cầu của nhân loại làm căn bản đánh giá luật pháp. Luật pháp thường được tôn trọng vì đó là luật, xem như luật pháp tự nó có giá trị cần phải được tuân giữ, dẫu nó có lỗi thời. Luật pháp đã trở thành tôn giáo, như trong trường hợp các kinh sư thời đức Giêsu. Tuân giữ lề luật được xem là thánh thiện, và càng giữ đúng luật thì càng thánh thiện. Nhiều tôn giáo ngày nay cũng làm thế. Đó là điều rất đáng buồn.

Đức Giêsu chế giễu những người lãnh đạo tôn giáo thời ấy vì họ làm nô lệ cho luật pháp, vì họ hành động một cách máy móc không thật sự kết hiệp với Thiên Chúa. Chính vì thế mà ngài coi trọng một người bị ly khai biết sám hối, dẫu họ là một người tội lỗi công khai, hơn là một người Pharisêu chín chắn tuân giữ luật pháp. Ít ra người thu thuế cũng thật lòng, và tuy bên ngoài có vẻ đê tiện nhưng ao ước được hoà giải và sống thân mật với Thiên Chúa. Người Pharisêu thì quá tự mãn rằng mình công chính nhưng lại không thật lòng với Thiên Chúa. Điều này giúp chúng ta thấy rõ ý muốn của Thiên Chúa. Từ lâu chúng ta được dạy rằng Thiên Chúa là Chúa của lề luật, ngài xem chúng ta có giữ đúng lề luật không. Và đây đức Giêsu là hình ảnh của Thiên Chúa, ngài lại để tâm đến nội tâm hơn là cách thức tuân giữ lề luật bên ngoài. Không phải tuân giữ lề luật là không quan trọng, nhưng điều quan trọng là lối sống. Nội tâm là điều làm cho con người có giá trị với Thiên Chúa. Nếu một người không có gì cao thượng bên trong thì tuân giữ lề

luật bên ngoài cũng không làm cho họ cao thượng được. Yêu mến Thiên Chúa và nhân hậu với tha nhân là điều quan trọng đối với Thiên Chúa...

Đức Giêsu đơn giản hoá cách thức chúng ta liên hệ với Thiên Chúa. Ngài tạo dựng chúng ta làm con cái của ngài. Ngài đặt chúng ta giữa mọi tạo vật và chỉ muốn chúng ta yêu mến ngài và yêu-mến-kính-trọng tha nhân, cũng như đối xử với mọi loài thụ tạo của ngài với niềm kính cẩn và biết ơn. Ngài ban cho chúng ta một Giáo hội để lưu truyền sứ điệp của ngài và giải thích nó trong mọi hoàn cảnh của cuộc sống cho đến ngày tận thế. Ngài muốn cho Giáo hội của ngài là một hướng đạo hiền lành và trao ban đời sống bí tích cho con cái của ngài. Giáo hội không nên khe khắt hay hống hách. Giáo hội phải là một chủ chăn hiền lành và là một hướng đạo giống như đức Giêsu đối xử với dân chúng, không độc đoán hay đàn áp. Xét đoán và trừng phạt là việc của Thiên Chúa.

Đấy là mâu thuẫn của cuộc đời đức Giêsu. Ngài là hiện thân của Thiên Chúa. Ngài là thiện mỹ và công chính. Ngài không ngừng rao giảng những lý tưởng cao đẹp... Ngài luôn luôn có một viễn tượng về mọi vật phải thế nào và con người phải sống làm sao. Ngài không bao giờ nao núng hay nhượng bộ khi rao giảng những lý tưởng của thiện mỹ.

Suy nghĩ về điều đó, chúng ta không khỏi kinh ngạc khi thấy đức Giêsu không trang trọng nhưng chấp nhận mọi người bình dân, đám người thô lỗ cộc cằn, những người có cuộc sống xa vời với những lý tưởng cao đẹp mà ngài ôm ấp và rao truyền. Cách thế ngài đối xử với họ cho thấy rằng không phải ngài chấp nhận lối sống của họ, nhưng là thông cảm cái mỏng dòn của bản tính nhân loại. Nhiều người lãnh đạo tôn giáo rất ý thức vài trò bảo vệ luân lý của mình, đã không bao giờ bỏ lỡ cơ hội để tỏ ra mình khinh miệt những ai không cưới nhau cách hợp pháp, trừng phạt và cắt đứt họ với Giêsu. Điều này cũng rất lạ, vì chúng ta đã chứng kiến cảnh những người Kitô ở Phi Châu, Bắc Ái Nhĩ Lan và cổ Hung Gia Lợi chém giết nhau mà vẫn không bị tuyệt thông với Giêsu và Giáo Hội. Thật là thắc mắc tại sao chúng ta lại quá nghiêm khắc với những người chỉ phạm một sai lầm là sống với nhau không có phép của Giáo hội. Điều này rất khác với đức Giêsu, ngài luôn luôn mở tay tiếp đón người tội lỗi để đem họ về. Và khi đem họ về, chúng ta có nghĩ rằng ngài sẽ bảo họ không được ngồi ăn cùng bàn với những người tốt lành không?

Điều đó giúp chúng ta hiểu được thái độ của ngài đối với lòng đạo của con người. Xem như ngài có một ý tưởng rất nhân loại về vấn đề đó. Các sách tu đức thời trước đã đánh mất tính cách nhân loại của việc tu đức, và như thế đặt nó ra ngoài tầm tay của người bình dân. Giáo hội rất họa hiếm phong thánh những giáo dân bình thường hay những người có gia đình. Điều này nói lên cách rõ ràng rằng chúng ta không xem đời sống tu đức của họ ra gì cả. Trong khi dân chúng thế nào thì đức Giêsu chấp nhận họ thế đó, cũng như ngài chấp nhận cái đẹp tàng ẩn trong người phụ nữ ở giếng nước, hoặc cái đẹp tiềm tàng trong người thiếu phụ ở nhà ông Simon: tất cả nói lên một cách hùng hồn rằng đức Giêsu rất thoải mái với sự đạo đức bình dân mà ngài thấy nơi dân chúng đi lại ngoài đường. Ngài ca ngợi sự khiêm tốn, hối lỗi và cái đẹp tàng ẩn nơi những người như người Samaritanô nhân hậu hay người thu thuế trong đền thờ, hoặc viên chức Lamã kêu xin ngài cứu sống tội tử của ông. Ngài đã có thể bảo thẳng vào mặt những người Pharisiêu và các kinh sư rằng những người làm đĩ và người tội lỗi công khai sẽ vào thiên đàng trước họ, nhưng làm thế sẽ như quăng họ vào dầu sôi. Điều ngài muốn nói rõ ràng là ngài có thể thấy cái đẹp ở nơi mà họ chỉ thấy tội lỗi và yếu đuối, cũng như ngài không thấy được cái đẹp nơi họ mà chỉ thấy những đầu óc bị ám ảnh về lề luật và truyền thống của người xưa.

## Chương năm

### Giêsu sống mật thiết với Cha của ngài

Mặc dù đức Giêsu là phản ảnh sống động của Cha ngài, là Ngôi Lời của Thiên Chúa, nhưng chúng ta cũng cảm được sự dịu dàng thân mật giữa ngôi Cha và ngôi Con. Lúc đức Giêsu bắt đầu sứ mạng công khai của mình thì Cha ngài tuyên bố: “Đây là con yêu dấu của Ta, đẹp lòng Ta lắm.” Trong suốt cuộc sống, đức Giêsu thường công bố: “Tôi và Cha là một.”

Lúc nào đức Giêsu mới biết mình là ai? Cha của ngài là ai? Có người nói rằng ngài từ từ ý thức điều đó khi lớn lên. Tôi không hiểu tại sao các học giả lại gặp khó khăn trong vấn đề Giêsu biết ngài là ai, Cha ngài là ai. Tôi không bao giờ gặp vấn đề này, cả khi tôi còn bé. Nếu tôi không biết đức Giêsu là ai thì càng lại rắc rối nữa. Lúc nhỏ tôi đã biết cha tôi là ai. Lúc mười hai tuổi đức Giêsu cho thấy ngài biết Cha của ngài là ai. “Ba má không biết con đang lo công việc của Cha con sao?” Ngài ý thức rõ ràng rằng Cha của ngài dành cho ngài một sứ mạng đặc biệt phải thi hành. Nôn nóng thi hành sứ mạng của mình, ngài vào trụ sở huấn luyện của các kinh sư và luật gia mà thảo luận những vấn đề phức tạp. Ngài làm họ ngạc nhiên về sự hiểu biết kỳ lạ của ngài, về sự thông hiểu những đoạn văn bí ẩn của Thánh Kinh, cả đến những đoạn văn mà họ thấy khó hiểu.

Một số học giả Thánh kinh thắc mắc rằng đức Giêsu có biết ngài là ai và Cha của ngài là ai không. Tôi không gặp vấn đề này vì khi còn bé tôi đã cảm thấy rất gần gũi với Thiên Chúa. Đức Giêsu luôn luôn thông phần tâm trí thiên tính với Cha ngài, không phải khi có khi không. Ngài biết rõ mình là ai và biết mình đang sống thân mật với Cha ngài. Làm sao một người không thể biết mình có trí khôn và tiềm năng của mình, cũng như không biết mình là ai. Đức Giêsu có thông minh thiên tính và nhân tính. Làm sao ngài có thể ngăn chặn thiên tính của ngài hoạt động và soi sáng tâm trí nhân tính của ngài? Điều này xem ra vô nghĩa.

Đức Giêsu liên hệ với Cha của ngài thế nào? Đời sống nội tâm của ngài gắn bó một cách mật thiết với ý muốn của Cha ngài, chính đó

là động lực của sứ mệnh của ngài. “Cha của ta muốn gì?” là mối quan tâm thường xuyên của ngài. Không phải là ngài không quyết định được, hay là không biết phải làm gì. Ngài và Cha ngài đã quyết định từ trước những gì cần thiết để cứu gia đình nhân loại vì nó quý giá đối với Thiên Chúa. Đức Giêsu dạy cho chúng ta phải quan tâm đến ý muốn của Cha ngài thế nào và giải quyết những vấn đề trong cuộc sống ra sao. Thiên Chúa và ý muốn của ngài phải là động lực cho mọi quyết định của chúng ta.

Ngay từ lúc đầu, đức Giêsu đã muốn chia sẻ Cha của ngài với bạn bè. “Hãy để ánh sáng của các bạn chiếu rọi trước mặt kẻ khác, để họ thấy công việc tốt lành của các bạn mà ca ngợi Cha các bạn trên trời.” “Hãy toàn thiện như Cha các bạn và hãy tha thứ như ngài. Ngài cho mặt trời chiếu rọi trên người tốt cũng như người xấu, và cho mưa rơi trên người công chính cũng như kẻ không công chính.” Khi các bạn lo âu áy náy, “Đừng sợ, Cha của các bạn trên trời biết bạn cần gì. Xem kìa, ngài lo cho chim chóc trên trời; các bạn còn quý hơn chim chóc trên trời.” “Nếu các bạn cần gì, hãy xin Cha các bạn trên trời, Ngài sẽ ban cho các bạn, nhưng hãy kiên trì; nếu các bạn lấy danh tôi mà xin, chắc chắn ngài sẽ ban cho cho các bạn.” “Ai nhận tôi trước mặt người khác, tôi sẽ nhận họ trước mặt Cha của tôi.”

“Con chúc tụng Cha là Chúa của trời đất, vì Cha đã tiết lộ cho những người bé nhỏ những gì Cha đã giấu đối với những người trí thức và thông thái. Đó là lẽ lối của Cha.” Thật là lạ lùng khi thấy đức Giêsu cho những kẻ theo ngài thông phần vào mối tình giữa ngài và Cha ngài. Điều này khác với cách thức Người Do thái liên lạc với Thiên Chúa. Qua lời các ngôn sứ, Thiên Chúa gọi mình là hiền phu và quốc gia Israel là hiền thê, nhưng mối tình giữa cá nhân và Thiên Chúa là điều không bao giờ nghe nói đến. Gọi Thiên Chúa là Cha là điều không thể tưởng tượng được. Điều đó cũng không thể tưởng tượng được ngay cả ngày nay đối với dân tộc Thái. Một kinh sư nói cho tôi biết điều đó khi tôi gọi Thiên Chúa là Cha trong một buổi cầu nguyện chung. Ông cho tôi biết rằng không nên phạm đến oai nghiêm của Thiên Chúa khi xem mình có liên hệ mật thiết với ngài.

Đức Giêsu biết dân chúng sợ Cha của ngài. Họ đã được dạy dỗ như thế, xem Cha của ngài là đáng kính sợ, là đáng kiểm soát đời sống của họ và canh chừng họ có lỗi phạm lề luật chẳng. Vì biết rằng họ hành động như trẻ con, nên đức Giêsu nói với họ những câu chuyện

về Cha ngài, để họ thấy rằng Thiên Chúa mà họ có trong đầu không phải là Cha của ngài. Ngày kia ngài kể một câu chuyện về hai thằng con như sau.

“Một người có hai thằng con. Thằng nhỏ nói với cha nó: ỏCha ơi, chia gia tài cho conõ. Người cha bèn chia tài sản cho hai đứa. Vài ngày sau đó, thằng nhỏ gom góp hết tài sản của mình đi xuất ngoại và sống bê tha tiêu xài hết. Khi xài sạch bách tiền của thì quốc gia đó bị nạn đói và nó bắt đầu thấy thiếu thốn. Nó đến một trại heo xin chăn heo cho người chủ. Nó thèm ăn những hạt đậu heo ăn, nhưng không ai cho.

Cuối cùng nó hồi tỉnh và bảo dạ: "Những người làm công cho cha của ta có thừa bánh mà ăn, còn ta đây đang chết đói. Ta phải trở về mà nói với cha ta rằng ta đã phạm tội với trời và với cha. Ta không còn đáng gọi là con. Xin coi ta như người làm công." Thế rồi nó về lại nhà cha của nó.

“Khi nó còn ở đằng xa, cha nó thấy và xúc động, ông bèn chạy ra gặp nó. Ông ôm chầm lấy nó mà hôn. Thằng con nói với ông: ỏCha ơi, con đã phạm tội với trời và với cha. Con không còn xứng đáng làm con của cha.õ Nhưng người cha bảo các đầy tớ: ỏĐi lấy cái áo tốt nhất mà mặc cho nó, lấy nhẫn đeo cho nó và lấy giày cho nó mang; hãy bắt con bò con béo nhất mà giết ăn mừng, bởi vì con của ta đã chết nay sống lại. Nó đã mất, này tìm lại được. Và mọi người ăn mừng.”

Câu chuyện này thường có tên là chuyện thằng con trai hoang đường, nhưng thực ra nó nói nhiều về người cha hơn. Khi diễn tả về người cha thế đó, đức Giêsu muốn nói về Cha của ngài thực sự như thế nào. Tình yêu của người cha thật vô bờ bến, một tình yêu mà chúng ta không hiểu nổi. Theo câu chuyện đức Giêsu kể, thì người cha xem ra lối bịch. “Tuy nhiên nếu các bạn muốn biết Thiên Chúa ra sao, thì ngài cũng giống như người cha mà tôi vừa nói đến. Các bạn không thể nào tưởng tượng được tình yêu bao la của ngài. Do đó đừng sợ hãi.”

Đọc câu chuyện trên cẩn thận hơn, các bạn sẽ thấy đó là người cha hoang đường, ông phung phí tài sản của ông. Có người cha nào mà làm như thế, nhất là khi biết rõ con cái của mình ra sao? Nhưng người cha này thì làm thế đó. Khi thằng con trở về sau khi đã sống phóng đảng, thì người cha, ngày đêm mong ngóng con, thấy nó đằng xa bèn chạy ra gặp nó, nồng nàn thương mến. Theo như chúng ta nghĩ thì câu chuyện này vô nghĩa. Không một người cha nào làm như vậy (có lẽ mẹ thì có, chứ cha thì không!), ít ra ông cũng phải nói, “Này, mày học khôn



chưa?” Nhưng người cha này thì không. Ông nôn nóng quá. Ông vui sướng vì con mình trở về.

Chúng ta nên suy nghĩ lại về câu chuyện này. Thằng trai hoang đường không phải là một người tội lỗi hiếm có. Thằng trai hoang đường đó chính là mỗi người chúng ta. Thiên Chúa ban phát ân huệ của ngài cho chúng ta một cách rất hậu hĩ. Chúng ta có rất nhiều tài năng và tài nguyên, nhưng không mấy khi thấy ai dùng chúng để làm vinh danh Thiên Chúa. Chúng ta dùng chúng cho chúng ta và tích trữ chúng cho con cái, trong khi nhiều người sống thiếu thốn trước mặt chúng ta nhưng chúng ta làm ngơ đi. Có thể chúng ta dâng những của vụn cho Thiên Chúa, nhưng cũng không là bao. Chúng ta cảm thấy không có thừa để cho. Chúng ta phải tích trữ phòng khi gặp thời xấu. Nhưng rồi một ngày nào đó tai nạn xảy đến và chúng ta trở về với Thiên Chúa mà kêu nài xin ngài cứu giúp và hàn gắn những nỗi thương đau của chúng ta. Thiên Chúa sẽ làm. Không một thắc mắc, không một điều kiện, nhưng với ưu ái và tha thứ, Thiên Chúa sẽ rất vui mừng vì chúng ta trở về với ngài. Nhưng chúng ta thay lòng đổi dạ được bao lâu?

Câu chuyện xem ra buồn cười và không thực tế chút nào. Nhưng chính đức Giêsu đã kể lại. Đó là câu chuyện về tình yêu không thể tưởng tượng được của Cha ngài đối với con cái. Có lẽ chúng ta chưa hiểu được tình yêu vô bờ bến của Thiên Chúa. Có lẽ tình yêu của ngài bao la quá nên chúng ta không hiểu được. Những kẻ khát khe thì quen thói nghĩ về một Thiên Chúa khát khe và bất di dịch. Họ sẽ cười khinh khi nghe câu chuyện này. Nhưng chính đây là câu chuyện đức Giêsu nói về Cha của ngài. Mặc chúng ta nghĩ Thiên Chúa có phải vậy hay không, nhưng đức Giêsu nói Thiên Chúa là như vậy. Thằng con trai lớn là người Pharisêu nghiêm nhặt tuân thủ luật pháp. Nó hãnh diện vì trung thành tuân giữ luật lệ của cha nó mà không bao giờ làm sai. Nó giận dữ và uất ức vì thấy người cha sẵn lòng tha cho thằng con kia mà không đòi nó phải xin lỗi nhưng còn ăn mừng nó trở về. Chúng ta ép Thiên Chúa phải hoạt động trong ranh giới của tình yêu ti tiện của chúng ta và đòi ngài phải chấp thuận cách thức chúng ta xử sự. Chúng ta muốn Thiên Chúa cũng hận thù và trừng phạt để thoả mãn tính nóng giận và ưa báo thù của chúng ta. Chúng ta muốn Thiên Chúa thi hành ý muốn của chúng ta để làm sáng tỏ công lý.

Đức Giêsu đã mạc khải cho chúng ta một Thiên Chúa không giống thế, một Thiên Chúa khác với những vị chúa mà người ta tôn thờ.

Đó là Thiên Chúa mà đức Giêsu biết một cách mật thiết. Chúng ta thấy sự ưu ái của Giêsu đối với Cha ngài. Thật là cảm động. Chúng ta thường thấy đức Giêsu lên các ngọn đồi khi chiều về để suốt đêm cầu nguyện và liên lạc với Cha ngài. Chúng ta ước muốn thấy đức Giêsu cầu nguyện, xem ngài cầu nguyện thế nào, xem ngài say mê trong tình yêu giữa ngài với Cha ngài, một khối tình rất cao đẹp và khác với những gì tâm trí nhân loại có thể tưởng tượng được. Ngài cầu nguyện thế nào? Phải khác với chúng ta lắm. Chúng ta cầu nguyện mà không nghe thấy gì, chỉ cầu bằng đức tin. Còn Giêsu thì mắt thấy Thiên Chúa. Chúng ta nghe ngài nói chuyện với Thiên Chúa. Nồng nàn và mật thiết. Ngày kia các môn đệ hỏi ngài, “Thưa thầy, tại sao thầy không dạy chúng tôi cầu nguyện như thể Gioan dạy cho các môn đệ của ông ấy?” Câu trả lời của đức Giêsu nghe thật là lạ. “Khi cầu nguyện, anh em hãy vào phòng đóng cửa lại mà cầu nguyện với Cha của anh em trong thầm lặng. Ngài là đấng biết mọi điều bí ẩn, sẽ nghe lời cầu của anh em.” Lạ lùng vì hai lý do. Thứ nhất, rõ ràng rằng đức Giêsu không cầu nguyện chung với các môn đệ. Chúng ta nghĩ rằng khi họ cùng trên đường truyền giáo xa xôi, đêm xuống ngồi lại với nhau bên lửa hồng, trò chuyện bâng quơ và nói đùa về các linh mục và người Pharisêu, thì đức Giêsu phải bảo các môn đệ khi lửa bắt đầu tàn: “Thôi, đừng nói chuyện bâng quơ nữa, chúng ta cùng nhau cầu nguyện đi”. Thực ra đức Giêsu không bao giờ làm thế, do đó các môn đệ mới xin ngài, “Tại sao vậy?” Thứ đến, đức Giêsu là con người cầu nguyện và không bao giờ nghĩ cần phải cầu lớn tiếng với Cha ngài, vì ngài luôn ở bên cạnh Cha ngài.

“Lạy Cha, con rất vui mừng được ở với Cha đêm nay. Con có rất nhiều chuyện để thưa. Khi con khỉ sợ sự sứt mẻ của con, dân chúng tuồn đến với con. Họ rất cảm phục thấy con chữa bệnh và an ủi họ. Họ rất cảm xúc nghe lời con nói. Con nhìn họ và thấy nước mắt trên mắt họ, nhất là khi con nói về Cha. Họ rất ngạc nhiên khi con bảo họ Cha rất hiền lành và nhân hậu và thông cảm sự yếu đuối của họ và gánh nặng mà họ phải gánh. Dân chúng đến mỗi ngày mỗi đông. Nhưng gần đây, hình như có thay đổi. Khi con nói, con thấy mặt họ ngơ ngác như không muốn tin. Khi con nói về Nước Trời, họ nghĩ đó là vương quốc của Đavít và các trận chiến với các đoàn binh Lamã. Con biết họ muốn con làm vị Cứu Tinh và một ngày kia con sẽ đứng lên dẫn họ đi chiến đấu. Giờ đây họ thấy con không thích những ước vọng trần thế của họ và

những phồn vinh vật chất của họ trong ngàn năm qua. Khi con nói phải tích trữ kho tàng trên trời, họ nghĩ đó là vàng bạc và tiền của trong các ngân hàng. Họ nhìn con với cặp mắt buồn bã. Lạy Cha, ngày kia con chuẩn bị họ chia xẻ đời sống của chúng ta. Con hoá bánh và cá ra nhiều để họ ăn. Họ thán phục lắm, thưa Cha. Thực ra, họ muốn bắt con làm vua. Giuđa đã làm sẵn mũ vua. Nhưng con trốn đi mà chạy lên núi. Con bảo các môn đệ qua bên kia hồ, đi xa dân chúng. Con biết rằng Cha biết hết rồi, nhưng con cũng phải nói lên để Cha thông cảm và để nói với Cha những điều con đang trải qua. Con phải nói lên vì con là con người và con cần phải chia xẻ với người con yêu.

“Ngày hôm sau khi gặp đám dân ấy trên bờ bên kia, con thách thức họ hãy nhìn thẳng vào bản thân mình. Con hứa sẽ hiến thân con cho họ để làm thức ăn cho tâm hồn họ. Khi con nói sẽ hiến thân con làm thức ăn, họ nhìn con rất ngạc nhiên và không tin điều con nói. Khi họ hỏi lại, con quả quyết điều con nói là đúng. “Nếu anh chị không ăn thịt tôi và uống máu tôi, anh chị không có sự sống.” Họ lẩm bẩm với nhau, “Khó tin quá, ai mà tin được?” Rồi họ bỏ đi. Giuđa cũng không tin. Con thấy ma quỷ nhập vào nó. Nó vỡ mộng.

“Lạy Cha, gần đây con cũng để ý thấy những người Saduxê và người Hêrốt nhập bọn với nhóm Pharisêu. Họ là những kẻ thù không đợi trời chung với nhau. Bây giờ họ lại thân nhau. Con biết họ đang âm mưu giết con. Con thấy như vậy. Con sợ lắm, thưa Cha. Con biết không nên sợ, nhưng con đã bỏ đi thiên tính của con và giờ đây con rất yếu đuối. Con thật sự sợ hãi. Con biết rồi sẽ kết cục ra sao. Dân chúng cũng đến thưa dân, vì họ thấy bề trên không hài lòng với con hay với những gì con nói. Dân chúng sợ các linh mục và các người lãnh đạo của họ. Họ tránh né con, trừ khi họ mang những người bệnh, những người tàn tật và sắp chết đến để con chữa. Lạy Cha, con chữa cho họ mặc dù con biết nhiều người trong bọn không dám dấn thân với con vì sợ các linh mục trừng phạt.

“Lạy Cha, khi con khỉ sự sứ mạng, con có rất nhiều ước mơ, có rất nhiều việc con muốn làm cho Cha. Con nghĩ là con hiểu được bản tính nhân loại và có thể chinh phục dân chúng trở về với Cha. Nhưng con không làm thế được. Không phải dễ dàng tí nào. Họ không hết lòng nghe con. Đối với họ con là người thần thánh quá. Họ muốn có một quốc gia trần thế; nhưng con chỉ có đem đến cho họ chân lý và thiện mỹ của Cha và hứa với họ rằng một ngày kia họ sẽ mãi mãi sống

với Cha trong nhà Cha. Con nghĩ rằng con có thể đem họ trở về với Cha, và giành lại toàn thế giới khỏi tay Satan mà dâng cho Cha. Nhưng bây giờ con biết con không làm được. Con nghĩ rằng con thất bại. Con chưa bao giờ thất bại. Giờ đây con hiểu được thế nào là đau khổ khi con người thất bại, khi họ thấy thất bại trong hôn nhân, thất bại tài trợ cho gia đình và thất bại bảo vệ con cái của họ. Con thông cảm những cảm nghĩ thất bại của họ. Con biết con không hẳn thất bại về những việc con đã định thi hành khi đến đây, đó là cứu rỗi thế gian bằng đau khổ và cái chết của con, nhưng còn nhiều việc con muốn thực hiện cho Cha. Giờ đây con thấy những việc này quá sức con. Con không thể làm mất tự do của con người và ép họ phải làm theo mệnh lệnh của con. Có lẽ với thời gian họ sẽ hiểu, nhưng phải lâu sau khi con ra đi. Con ước chi có thể làm nhiều cho Cha. Con không thể dập tắt những cảm nghĩ không tốt đẹp đó. Con sợ hãi quá. Xin Cha ở với con. Con biết Cha luôn luôn ở bên con. Đôi khi con không cảm thấy điều đó. Con thấy rõ ràng những gì sẽ xảy ra ở Giêrusalem. Con thấy chúng đến lẹ quá. Con biết Cha luôn ở bên con, và nhờ đó con cảm thấy mạnh mẽ. Lạy Cha, Cha là sức mạnh của con. Xin giúp con và ở bên con vì ngày cuối cùng sắp đến. Con cần Cha hơn bao giờ hết. Xin Cha cũng giúp mẹ con. Bà sẽ đau khổ khi thấy con đau khổ. Bà thật là tốt đẹp. Cha không thể cho con một người mẹ tốt lành hơn. Đúng vậy, gương sắt sẽ đâm thủng lòng bà như lời ngôn sứ Simeon nói trước. Bà tốt lành và vô tội quá, bà lo lắng cho con nhiều quá. Bà là nguồn an ủi của con trong suốt cuộc sống. Xin Cha cũng hộ lực cho các môn đệ của con. Họ yếu đuối lắm. Đôi khi họ làm con lo lắng. Xin giúp họ qua mọi việc này. Lạy Cha, xin tha tội cho Giuđa. Con biết hắn sẽ làm gì. Con biết hắn không đến nổi tệt lắm, nhưng vì hắn say mê tiền bạc và cảm thấy mình quan trọng. Chào Cha. Con xin vâng ý Cha. Con đây, Cha muốn dùng làm gì tùy ý Cha, nhưng xin ở bên con mà gia tăng sức lực cho con.”

Tôi nghĩ đó là cách thức đức Giêsu cầu nguyện. Vì mang bản tính nhân loại, ngài cũng có những cảm xúc như chúng ta. Ngài có thể chia sẻ những đau khổ của chúng ta, những lo lắng, những thất vọng và thất bại, nhưng ngài không bao giờ mất tin tưởng ở tình yêu của Cha ngài, ở sức mạnh mà ngài biết mình có thể luôn luôn tin cậy vào. Do đó chúng ta có thể học hỏi được nhiều ở ngài, mặc cho mọi u sầu, vì Thiên Chúa vẫn luôn luôn kề cận chúng ta. Có Thiên Chúa ở gần thì còn sợ hãi gì?

Chia xẻ sự mật thiết của Cha ngài với chúng ta là một khía cạnh tốt đẹp của Tin Mừng. Chưa bao giờ tạo vật được mời gọi đến sống kề cận với Thiên Chúa như thế. Khi con người từ bỏ Giêsu để đi tìm ý nghĩa cho cuộc sống ở những nơi xa xăm, họ sẽ không bao giờ tìm được cái gì yên ủi hơn và bồi bổ hơn cho tâm thần họ như sự mật thiết với Thiên Chúa mà đức Giêsu ban cho chúng ta. Đây không phải là điều mơ hồ không đưa đến đâu, cũng không phải là mơ mộng, nhưng là kết hợp mật thiết với Thiên Chúa hằng sống. Đó là sự mật thiết huyền nhiệm với một Thiên Chúa nói không bằng lời, một Thiên Chúa đánh động tâm trí và tấm lòng chúng ta. Ngài êm ái dẫn đưa chúng ta hoàn thành số mệnh. Đó là điều quý giá cho đức tin của chúng ta.

## Chương sáu

### Sự sống và hình ảnh đức Giêsu nơi chúng ta

“Tôi là đường, là chân lý và là ánh sáng. Hãy đến theo tôi”. Từ ngày đức Giêsu tuyên bố như thế, các môn đệ của ngài tranh nhau đáp lại lời mời đó, kẻ thì mau mắn, người thì chậm rãi, mỗi người mỗi cách. Vấn đề khó khăn là ở chỗ một khi đức Giêsu đi rồi thì không ai biết lối. Ngài không để lại một bản đồ với đầy đủ chi tiết. Mỗi người phải tìm lối đi qua rừng rậm của cuộc sống, tìm xem đức Giêsu muốn gì. Thomas Merton viết trong cuốn *Thoughts in Solitude* rằng, “Lạy Chúa, Con không biết con đang đi về đâu. Con không thấy con đường trước mặt. Con không biết nó dẫn về đâu. Con cũng chẳng biết con là ai. Trong khi con nghĩ con đang theo Chúa, nhưng không chắc con làm như vậy.”

Đấy là vấn đề khó khăn trong đời sống tu đức. Đến một lúc nào đó chúng ta muốn nghĩ đến Chúa cách nghiêm chỉnh để theo ngài, thì chúng ta không biết phải khởi sự từ đâu. Vì thế nhiều người quyết định thế này, “Tôi phải thánh thiện như người này người nọ. Bà đó thánh thiện lắm. Nếu tôi muốn thánh thiện thì phải nên giống như bà. Tôi không chịu được bà, nhưng bà có tiếng là thánh thiện, vì thế tôi phải chịu vậy nếu tôi muốn sống đúng.” Chúng ta ra đi trên con đường vắng tanh trong đêm tối. Khiếp quá. Chúng ta thường có cảm tưởng ghê rợn nếu muốn sống đúng.

Khi tôi còn nhỏ, mọi việc rất đơn sơ. Tôi không lo phải sống thánh thiện hay hoàn hảo. Ngày nào tôi cũng sống hạnh phúc. Không hiểu tại sao tôi rất thân thiện với đức Giêsu. Mỗi ngày tôi dậy sớm đi lễ trước khi đi học để được kề cận với Giêsu trong Thánh lễ.

Tôi sống thân mật với Giêsu. Ngài là bạn của tôi. Khi tôi buồn, tôi nói với ngài. Khi tôi vui, thỉnh thoảng tôi cũng nghĩ đến ngài, nhưng nhất là khi tôi ở một mình. Tôi không biết điều này đã có ảnh hưởng bao nhiêu đối với đời sống của tôi.

Sự liên hệ của tôi với Thiên Chúa thật là đơn giản. Tôi cố gắng làm điều tốt, nhưng tôi không bao giờ bực bội khi thất bại. Tôi không bị ám ảnh để nên thánh.

Khi lên mười bốn tuổi, tôi vào chủng viện để học làm linh mục. Tôi quyết tâm nên thánh. Nhờ có bản tánh cương quyết, tôi không để thứ gì cản đường tôi đi. Tôi quyết chí giữ luật của chủng viện. Tôi phải giữ tinh lặng sau kinh tối cho đến sau bữa ăn sáng ngày hôm sau. Không có gì khó. Tôi đã quyết chí, nên tôi làm được trong khi một số đồng không làm được.

Tôi cố gắng làm mọi việc cách hoàn hảo - bài tập sau lớp, bài tập trong lớp, những việc thường ngày, kinh nguyện và nhất là khi chơi. Tôi không hiểu tại sao những người khác không làm được. Đối với tôi nên thánh có nghĩa là giữ trọn các điều răn, luật lệ và kỷ luật. Xem ra không khó gì. Chỉ cần làm điều đúng. Nhưng tôi không biết rằng tôi đã trở thành một cậu bé Pharisêu. Đối với những chủng sinh khác, tôi phải là một đứa rất đáng ghê tởm.

Rồi một chuỗi khủng hoảng xảy đến trong đời tôi, mọi sự đều sụp đổ. Tôi trở thành rối rắm. Tôi không còn cảm thấy có Thiên Chúa. Tôi không còn thấy Giêsu hiện diện bên tôi, ngài đã bỏ đi không bao giờ trở lại. Tôi đã làm gì sai? Có phải tôi là người tội lỗi không xứng đáng được ở bên Thiên Chúa chăng? Chắc không phải, vì tôi biết tôi cố gắng làm đúng mọi việc. Vì không tìm được câu trả lời, tôi mới lục bởi Kinh Thánh, sách của các nhà thần bí thời Trung cổ và các sách về tu đức để học nên thánh. Tôi làm theo mọi chỉ dẫn. Đó là những tài liệu đã được thời gian thử nghiệm và rất thực tế cũng như rất sâu xa về tâm lý. Nhưng đối với tôi cũng chẳng ăn thua gì. Tôi chỉ nghĩ mình có nhiều thiếu sót và tội lỗi làm ngăn trở đường nên thánh. Lúc ấy tôi nghĩ sẽ bỏ cuộc. Không phải bỏ đức tin hay bỏ ơn gọi làm linh mục, nhưng là bỏ ý định nên thánh.

Tuy nhiên một câu hỏi vẫn lẩn quẩn trong đầu tôi, “Nếu Giêsu muốn chúng ta theo ngài để nên thánh, nếu ngài kêu gọi chúng ta nên toàn thiện như Cha của ngài trên trời, tại sao ngài dựng nên chúng ta với nhiều nhược điểm?” Tôi biết chắc Thiên Chúa không dựng nên những con người tốt đẹp và thông minh này và chỉ gọi một số nhỏ nên thánh thiện. Thật là vô lý. Thiên Chúa thông minh và nhiều quyền phép, ngài không làm việc đó.

Mấy năm sau khi thụ phong linh mục, cũng như khi có dịp thấy đường lối phức tạp mà Thiên Chúa hoạt động nơi đời sống mỗi người, tôi mới bắt đầu hiểu đức Giêsu cách sâu xa hơn là đọc Kinh Thánh và các sách tu đức. Thiên Chúa rất đơn thuần, nhưng đường lối của ngài

phức tạp, nên tâm trí nhân loại khó mà hiểu được. Đức Giêsu dạy, “Hãy đơn sơ như chim câu, và khôn lanh như con chồn”. Tôi nghĩ rằng ngài cũng ám chỉ đến ngài.

Khía cạnh khác của con người Giêsu là tận tụy cho công lý. Ngài thường biểu lộ hình ảnh một con người hiền từ và nhân hậu, nhưng đôi khi lại gắt gao cảnh cáo về những tai họa sẽ xảy đến. Ngài bị các linh mục thượng phẩm lên án, nhưng ngài gay gắt cảnh cáo họ về ngày phán xét, “Tôi nói cho các ông nghe, trong ngày tận thế các ông sẽ thấy Con Người ngồi bên hữu đấng Toàn năng và xuất hiện trên các tầng mây.” Đây là một trong ít dịp rất hiếm mà đức Giêsu gay gắt lên án những kẻ chống lại Chúa Thánh Linh. Thường đối với những kẻ cứng lòng ngài mới đe dọa như thế, để họ phải kinh hoàng mà nghĩ đến đời sống linh thiêng ngay kéo muộn. Ngài thay đổi lối đối xử trong khi gay gắt cảnh cáo, nhưng chỉ đối với những ai vô tâm và bất nhân đối với đồng loại. Họ luôn luôn là những người cuồng tín bảo vệ cơ cấu đạo giáo, họ tranh đấu mãnh liệt để bảo vệ “truyền thống của cha ông” và khất khe lên án những ai không đồng ý với họ về những lý tưởng cứng nhắc của lề luật. Ngài thấy họ không quan tâm đến Thiên Chúa, nhưng chỉ quan tâm đến cơ cấu tổ chức của tôn giáo. Những người này làm đức Giêsu bức tức. Ngài nản chí vì không đánh động lòng họ được. Họ nghĩ mình luôn luôn công chính. Ngài tố cáo họ có tai mà không nghe, có mắt mà không thấy. Thường đó là những người lãnh đạo tôn giáo và nhóm tay chân, họ nghĩ rằng mình hiểu biết về tôn giáo và xem dân chúng là dốt nát và thấp kém hơn họ. Đối với đức Giêsu thì họ là những người thực sự dốt nát, vì họ không nhận ra vị Cứu Tinh. Đáng lẽ chính đó là trách nhiệm mà Thiên Chúa trao cho họ phải làm, là giới thiệu Con của ngài với dân chúng khi Con của ngài đến. Giờ đây, Con của ngài đang ở đây mà họ không nhận ra.

Thường thường đức Giêsu tỏ ra rất hiền từ và nhân hậu đối với người bình dân, đơn sơ, họ là những người không bao giờ nghĩ mình là thánh thiện. Ngài cố gắng thuyết phục họ tránh xa tội lỗi mà trở về với Thiên Chúa hay yêu thương.

Điều quan trọng đối với tôi là tìm hiểu đức Giêsu, vì ngài là hình ảnh của Thiên Chúa là đấng ngài muốn chia sẻ với chúng ta. Điều này rất quan trọng vì có biết ngài, chúng ta mới theo ngài được. Bằng không rất dễ đi lầm đường mà rước lấy những tai hại to lớn. Nhiều người trong chúng ta nghĩ rằng Thiên Chúa là một quan án canh giữ lẽ



luật. Vì thế tu đức có nghĩa là chú tâm đến lề luật, là nghiêm nhặt tuân giữ các Điều Răn và tập quán của tôn giáo, hơn là chú tâm đến Thiên Chúa và sự thiện mỹ phát xuất từ tình yêu của ngài nơi chúng ta. Cả những người tuyên xưng rằng chỉ có đức tin mới cứu chúng ta cũng thường xây dựng đời sống tu đức trên việc tuân giữ lề luật nhiệm nhặt như Thời Cựu Ước. Họ không hiểu tinh thần của đức Giêsu. Tuân giữ lề luật không phải là điều sai, nhưng nó thường trở thành một ám ảnh. Đó là vấn đề của những người theo Trào Lưu Chính thống, hầu họ là Công giáo, Tin Lành, Hồi Giáo hay Do thái. Họ bị ám ảnh về luật pháp và cứ lo đến vấn đề luân lý của mọi người. Họ hiểu lầm Thiên Chúa, và vì thế họ không nhận ra ngài khi ngài đến. Khi chúng ta lớn lên trong bầu khí lề luật, chúng ta sẽ rất thông thạo về mọi chi tiết của nó. Như thế, đời sống tu đức sẽ là việc tuân giữ lề luật trong từng chi tiết và lấy sự công chính cá nhân làm mục đích. Họ nghĩ rằng nếu yêu mến Thiên Chúa thì phải tuân giữ các Điều Răn và giữ hết một trật. Họ lục soát đời sống của mình, đi sâu vào tâm khảm để tìm xem có phạm luật không. Họ cũng chú ý đến từng tư tưởng, từng hành động của mình, chú trọng vào cái tôi. Cuối cùng họ thấy mình phải chiến đấu ở nhiều trận tuyến khác nhau. Rồi họ cảm thấy không thể sống như vậy được nữa. Đến lúc ấy, nhiều người bỏ cuộc, một số người bị suy nhược thần kinh. Nhiều hôn nhân bị hủy hoại vì cuồng tín muốn mọi việc phải hoàn toàn.

Đọc đi đọc lại Phúc âm, tôi thấy đức Giêsu sống rất hoà hợp với thiên nhiên và sự phát triển của thiên nhiên. Nhiều lần ngài dùng tỉ dụ về người làm nông và làm rượu. Ngài lưu ý đến cây cối phát triển theo mùa, mọi vật trong thiên nhiên cũng tàn nở theo mùa. Mọi việc theo thời lúc và mùa màng. Ngài nhắc nhở hãy học ở chúng.

Mỗi loại cây cối có lối phát triển riêng. Hạt cà chua đâm chồi trong bảy hay tám ngày, tùy theo điều kiện. Hạt bắp nảy mộng có lẽ trong mười ngày. Hạt xương rồng trong 180 ngày. Mỗi loại lớn lên và sinh hoa trái theo chu kỳ và mùa của nó. Người ta không thể ép chúng được. Loài vật cũng vậy.

Nếu đem nguyên lý trên áp dụng vào con người, chúng ta cũng thấy những cái hay. Chúng ta có một thể xác và một linh hồn. Chúng ta có đời sống vật chất, đời sống trí thức, đời sống tình cảm, đời sống tâm lý và đời sống tinh thần. Thân xác chúng ta phát triển theo giai đoạn. Chúng ta không làm sao gia tăng tốc độ lớn lên được. Đời sống trí thức cũng phải mất đến hai mươi hay hai mươi hai năm để phát triển.

Đời sống tình cảm và tâm lý xem ra phát triển khác nhau ở mỗi cá nhân, nhưng cũng qua từng giai đoạn.

Nếu đời sống vật chất của chúng ta trong những lĩnh vực nói trên phát triển theo từng giai đoạn và nếu các sinh vật khác cũng thế, thì tại sao đời sống tinh thần của chúng ta không như thế. Tôi không khỏi ngạc nhiên khi khám phá ra điều này. Đó là một trong những sứ điệp tiềm tàng của Tin Mừng. Nó cho biết tại sao đức Giêsu rất bức bối về lòng đạo đức của những người Pharisêu. Lối hành đạo của họ trở thành giả tạo và bóp chết cái tự phát phấn khởi mà Thiên Chúa ban cho mỗi người, vì họ bắt dân chúng phải theo cái đạo đức giả tạo áp đặt từ bên ngoài. Như thế, không còn cái bộc phát tự nhiên phát sinh từ đáy lòng dưới sự hướng dẫn của Chúa Thánh Linh. Khám ra điều này giúp tôi hiểu tại sao đức Giêsu rất nhẫn nại với các môn đệ cũng như với dân chúng nói chung. Họ thế nào thì Ngài chấp nhận họ thế đó, rồi để họ từ từ phát triển bên trong với ân sủng của Thánh Linh. Do đó dân chúng cảm thấy rất thoải mái với đức Giêsu vì Ngài không bao giờ ép buộc họ phải trở thành những gì mà họ chưa sẵn sàng vì chưa đến lúc. Phêrô cũng chưa sẵn sàng để đổi mới khi ông thề thốt không biết Giêsu là ai. Ông chối Giêsu chỉ một giờ sau khi ông rước Mình Thánh trong bữa Tiệc Ly! Đức Giêsu cũng đã không ép buộc ông phải đè nén lòng bông bột của ông trong những năm sống với Ngài. Ngài biết ông sẽ thay đổi một lúc nào đó khi đời sống nội tâm của ông phát triển đầy đủ. Thay đổi vì áp lực bên ngoài hay chỉ để phô trương thì không có ý nghĩa gì đối với đức Giêsu. Đối với Ngài, sự thiện phải phát xuất từ cõi lòng thì mới có ý nghĩa. Dập tắt mọi nét xấu trong một lúc trong khi chưa có đủ nghị lực và ân sủng của Thiên Chúa thì chỉ đưa đến khủng hoảng thần kinh. Chúng ta phải học khiêm tốn mà chấp nhận rằng mình rất yếu đuối và cần Thiên Chúa ban sức cho. Nói thế không có nghĩa là sống một cách thả lỏng, nhưng phải cố gắng kiểm chế hành động của mình đừng để làm hại đến bản thân và tha nhân.

Một điều khó khăn nữa để theo đức Giêsu là Ngài không đưa ra một chương trình với đầy đủ chi tiết như các nhà cải tổ tôn giáo khác. Ngài chủ tâm làm vậy. Đó là vì Ngài muốn để con người tự do phát triển như trong vấn đề tình yêu. Ngài chỉ chú tâm đến những gì có trong tâm hồn. “Các ông phán đoán theo những gì thấy bên ngoài đời sống con người, còn tôi phán đoán theo những gì tôi thấy nơi tâm hồn họ.” Khi bảo những kẻ theo Ngài phải yêu như Ngài yêu, Ngài cũng đòi

buộc phải liên lý sống mật thiết với ngài, để hiểu biết ngài và những gì ngài muốn. Phải lớn lên như tình yêu, phát triển cách tự nhiên tự bên trong mà không mang những hình thức giả tạo bên ngoài.

Do đó, đi theo Giêsu và muốn biết ngài đòi hỏi gì, vẫn là việc mơ hồ. Sống đức tin là như vậy. Có thể ngài đã giải thích rõ ràng hơn cho các môn đệ của ngài như các thánh Giáo phụ nói, nhưng các ông cũng đã không hiểu được mọi sự như chúng ta nghĩ.

Thánh Phaolô bảo rằng những người lãnh phép rửa là thân thể mẫu nhiệm của đức Giêsu. Như thế, chúng ta là những thành phần của thân thể ngài, mỗi người có một phận vụ riêng biệt phải làm trong Cộng đồng Kitô và trong thế giới. Đó cũng là một phần quan trọng của sứ điệp đức Giêsu: chúng ta không phải là cá nhân biệt lập trên một hành tinh trong vũ trụ. Chúng ta được kêu gọi sống cộng đồng, một cộng đồng mà mọi người biết lo lắng cho nhau. Khác với tôn giáo trong quá khứ, luật yêu thương của đức Giêsu đặt để chúng ta trong một cộng đồng tình thương, để chúng ta hoàn thành sứ mệnh của mình như là môn đệ của đức Giêsu. Chúng ta có trách nhiệm đối với nhau. Chúng ta là anh chị em của nhau. Thánh Phaolô diễn tả cộng đồng này là một thân thể mẫu nhiệm và đức Giêsu giáo huấn mọi người qua phép rửa. Cũng qua phép rửa ngài chia sẻ đời sống của ngài, liên kết mọi người lại với nhau như linh hồn đối với mọi phần của thân thể. Chính trong cộng đồng mà chúng ta có ơn gọi để đáp ứng nhu cầu và đóng phần vào sự tăng trưởng và sức sống của nó. Sống vai trò của mình là điều Thiên Chúa gọi chúng ta thi hành trong cuộc sống...

Một khía cạnh tuyệt vời nữa của ân sủng Thiên Chúa là chính nhân loại tính bất toàn và dễ sai lầm của chúng ta lại là động lực để tiến triển. Chính những nhược điểm và yếu đuối xem ra nhục nhã của chúng ta mà Thiên Chúa dùng để hoàn thành những việc lạ lùng nơi chúng ta, và dùng chúng như động lực khiến chúng ta trở thành dụng cụ đem ân sủng của Thiên Chúa đến cho tha nhân. Chúng ta trở nên thánh thiện khi hoạt động với những gì chúng ta được ban cho và trong sự hạn chế của con người chúng ta. Thiên Chúa không màng việc đó vì ngài biết chúng ta phải hoạt động với những gì. Ngài không phiền hà khi chúng ta thiếu năng lực, thiếu rất trầm trọng, miễn là chúng ta gắng sức thành người tốt và quan tâm đến nhu cầu và khổ đau của tha nhân. Đó là lý do tại sao đức Giêsu sống rất bình dân với dân chúng, ngài lại thích chung chạ với họ để tỏ ra rằng ngài chấp nhận họ dễ dàng mặc dù

họ yếu đuối. Khi chúng ta ý thức mình tội lỗi và yếu đuối thì không còn gì để lo sợ, và rồi Thiên Chúa sẽ có thể hoạt động với chúng ta và dùng chúng ta. Khi chúng ta nghĩ rằng mình mạnh mẽ và không cần ai giúp đỡ, thì cả đến Thiên Chúa cũng không làm gì được cho chúng ta vì chúng ta nghĩ rằng chúng ta sẽ đạt đến đích mà không cần đến ngài. Với tâm trạng đó của chúng ta, Thiên Chúa không thể chia sẻ ân sủng của ngài với chúng ta, bởi vì chúng ta chưa sẵn sàng để chấp nhận ân sủng cũng như không cảm thấy cần ân sủng.

Tuy nhiên một khi chúng ta ý thức mình yếu đuối và cởi mở đời sống mình cho Thiên Chúa, Ngài sẽ hoạt động bên trong chúng ta và dùng chúng ta để đạt đến kẻ khác. Chúng ta gặp những người cùng có những kinh nghiệm tương tự và cùng làm với họ trong nhiều dự án chung để đem lại lợi ích cho cộng đồng. Khi đó chúng ta bắt đầu hiểu được Thiên Chúa dùng mỗi người chúng ta để liên kết gia đình của ngài, mọi người chia sẻ với nhau, nên không một ai cảm thấy mình thánh thiện một cách đơn độc. Bạn sẽ sớm thấy công việc của các cá nhân, cho dù tự nó tốt đẹp thế nào chẳng nữa, cũng nằm trong chương trình to lớn phức tạp mà Thiên Chúa hoạch định cho cộng đồng địa phương, cho Giáo hội và cho cả nền văn minh. Trí thông minh của Thiên Chúa thật vĩ đại. Chương trình của ngài không phải nhỏ, hoặc hạn chế trong những dự án của các ranh giới xứ đạo. Hoàn thành vai trò của chúng ta trong thân thể mầu nhiệm không có nghĩa chỉ làm những dự án cho xứ đạo. Tâm trí của Thiên Chúa lớn hơn thế nữa. Chương trình của ngài sắp đặt cho chúng ta rất sống động. Đời sống của mỗi người chúng ta bện với đời sống nhiều người chung quanh, và có khi còn với những người ở xa nằm trong kế hoạch của Thiên Chúa.

Chúng ta thấy trong cộng đồng có các giáo chức, các người lãnh đạo và các lương y. Có người nói được nhiều ngôn ngữ. Có người làm thông dịch. Có người có khả năng an ủi người khác. Có người nêu gương tốt. Có người là ngôn sứ. Có người giải thích được lời tiên tri. Có người chủ tọa các buổi họp. Có người quản lý tài nguyên của cộng đồng. Mỗi người mỗi khác. Mỗi người trở nên thánh thiện trong công việc của mình. Mỗi người là một tạo vật đặc biệt và không có những tài năng của người khác. Đúng như thế. Đó là điều Thiên Chúa muốn. Vì thế mà chúng ta cần có nhau. Đó là cách thức hoạt động bình thường của một cộng đồng. Các người lãnh đạo tinh thần phải nhận thấy và sử dụng những tài năng đó ngỏ hầu đời sống của mọi người trở nên phong

phú hơn nhờ ở tài năng của những phần tử khác. Khi đóng vai trò của mình, một trật chúng ta cũng từ từ hiểu biết Thiên Chúa hơn. Càng sống thân mật với Thiên Chúa thì những nhu cầu không lành mạnh thường đè nặng trên chúng ta sẽ giảm bớt đi và khuynh hướng thoả mãn những nhu cầu ấy cũng sẽ biến đi. Chúng ta sẽ thấy tội lỗi và bất toàn của chúng ta giảm bớt và từ từ chấm dứt. Đó là cách thế lành mạnh để nên thánh. Mỗi người chúng ta như những sợi chỉ đầy màu sắc dệt vào tấm thảm của chương trình Thiên Chúa, không những chỉ cho xứ đạo, không những chỉ cho Giáo hội nói chung, nhưng để làm hoàn hảo toàn thể gia đình nhân loại.

## Chương bảy

### Người chần chiên hiền lành

Rất nhiều lần khi gặp một người tốt, chúng ta khó mà chấp nhận họ ngay. Trong đầu vẫn thường đặt một dấu hỏi, “Người ấy có hậu ý gì? Người ấy thế nào?” Điều đặc biệt mà tôi thấy nơi đức Giêsu là ngài không có hậu ý gì cả và dân chúng cũng đã sớm thấy điều đó. Ngài rất thành thật và tốt lành. Phải lâu lắm tôi mới hiểu được tại sao các người lãnh đạo tôn giáo không thành thật. Từ thuở bé tôi được dạy rằng giáo sĩ là những người tận hiến cho Thiên Chúa. Khi tôi trở thành một giáo sĩ, tôi tin rằng các vị bề trên và giám mục khác với mọi người và chỉ lo việc của Thiên Chúa và lợi ích thiêng liêng của những người các vị phụ trách. Khi tôi thấy các vị không phải luôn luôn như vậy, tôi rất chán nản. Tôi đã sống và làm việc với nhiều vị thánh thiện và tận tâm, nhưng có nhiều vị lại tìm lợi ích cá nhân và mưu đồ chính trị, trong khi những linh mục không có vây cánh thì phải tranh đấu và cảm thấy hẩm hiu vì bị bỏ rơi và không ai quan tâm đến.

Khi đức Giêsu bắt đầu sứ mệnh của mình, chắc dân chúng cũng nghi ngờ ngài có thành thật không. Nhưng khi họ thấy ngài sống đúng như mắt thấy, họ không còn nghi ngờ gì nữa. Chính sự thành thật và đơn giản của ngài là một đe dọa lớn đối với những người lãnh đạo tôn giáo. Muốn giao thiệp với ngài thì phải thẳng thắn và liêm chính. Điều này họ không làm được vì có nhiều điều họ muốn giấu, họ không ngay thẳng. Họ đã đánh mất cái đẹp đẽ của mình cũng như sự thành thật rất thiết yếu đối với một người chần chiên hiền lành chỉ lo cho các chiên của mình được no ấm. Các con chiên thì nhút nhát, chúng cần phải thấy sự đơn sơ nơi các người chần. Có một lần trong một buổi nói chuyện ở Lansing thuộc Michigan tôi gặp một giám mục. Ông ta có vẻ trẻ thơ như đức Giêsu nói. Ông không hách dịch, không xem mình quan trọng làm cho người ta xa lánh. Lúc trước ông là một cha sở bình dân, và khi làm giám mục ông vẫn giữ tư cách đó. Gặp ông, tôi rất cảm động. Tôi nghĩ rằng một người chủ chần chân thật thì không lừa đảo. Tôi cũng quen biết một số giám mục và Tổng giám mục giống như thế.

Các ông rất tử tế làm cho đời sống tinh thần của tôi mạnh mẽ hơn khi tôi cảm thấy cô độc.

Tôi kể ra những điều trên vì dân chúng so sánh với lối sống của đức Giêsu. Họ thấy ngài không tự mãn nhưng thành thật đơn sơ. Họ thấy ngài quan tâm đến họ, không như các kinh sư và người Pharisêu chỉ thích làm lớn và quan trọng, mà còn xảo trá và mưu đồ chính trị. Đức Giêsu không hách dịch. Ngài nghèo và hài lòng với số phận. Ngài có một cái áo choàng, có lẽ mẹ của ngài may cho, loại áo không có đường khâu. Đó là chiếc áo mà binh sĩ bắt thăm dưới chân thập tự. Có lần ngài nói, “Chim có tổ, chồn có hang, nhưng Con Người không có nơi để tựa đầu.” Ngài nói không phải để người ta thương hại, cũng không phải ngỏ ý xin tiền. Ngài chỉ nói cách thành thật rằng ngài không có gì cả và bằng lòng như vậy. Điều này làm cho dân chúng cảm thấy thoải mái.

Tôi nghĩ đây cũng là điều làm cho phụ nữ không sợ ngài, nhưng theo ngài đi cùng khắp. Đó là điều bất thường khi thấy các phụ nữ trưởng thành đi theo một nhà lãnh đạo ngoài đường từ thành này đến thành kia. Ở thời ấy đàn ông chỉ được nói chuyện với vợ mình, nhất là ở nơi công cộng. Các bà không phải là những người tầm thường hết, chẳng hạn bà vợ của viên quản lý vua Hêrốt là một trong những bà thân cận với đức Giêsu. Các bà cảm thấy tự nhiên với ngài và cũng không cảm thấy tai tiếng gì khi theo phục vụ ngài.

Dân chúng thấy rõ đức Giêsu không ham làm những việc vĩ đại, hoặc có mưu đồ chính trị hay muốn nổi danh. Họ biết ngài không có tâm mưu gì và cũng không dùng họ cho tham vọng của mình. Họ cảm thấy thoải mái và tin cậy ngài. Cách ngài đối xử với người thanh niên giàu có đến gặp ngài cũng chứng tỏ ngài không lợi dụng dân chúng, nhưng tôn trọng sự tự do của họ khi họ tìm kiếm và lựa chọn mục tiêu của mình. “Tôi phải làm gì để được cứu rỗi?”, người thanh niên hỏi. Đức Giêsu thẳng thắn trả lời, “Hãy giữ các Điều Răn”. “Tôi đã giữ từ thuở bé”, người thanh niên đáp với vẻ thất vọng. Đức Giêsu bèn chỉ lối cho anh, nhưng chỉ là một lời đề nghị vì anh ta muốn làm một cái gì cho đời anh. “Nếu anh muốn nên hoàn hảo, thì hãy về mà bán hết tài sản và cho người nghèo.” Đức Giêsu không đòi hỏi ở người thanh niên gì cả, ngài chỉ trả lời anh một cách vô tư như không mấy quan tâm. Không phải là ngài không quan tâm đến anh, nhưng ngài kính trọng sự tự do của anh. Trong giai thoại này, điều ngạc nhiên là đức Giêsu biết

anh ta giàu khi anh đến gặp ngài. Anh ta giàu có cũng không phải là một vấn đề đối với ngài. Ngài biết anh là người tốt. Còn có nhiều người giàu khác đức Giêsu cũng đón tiếp như anh, chẳng hạn ông Giuse Aratêma, người đã dâng huyết của mình để chôn đức Giêsu. Maria, Máttã và Lazarô cũng không phải là những người nghèo. Họ có của cải. Dường như đức Giêsu xem giàu có cũng như mọi ân huệ khác mà Thiên Chúa ban. Tiền bạc chỉ là một ân huệ cần phải dùng cách khôn ngoan và quảng đại. Tài năng là ân huệ. Cũng giống như tiền bạc, tài năng có thể bị lạm dụng. Nếu tài năng có thể dùng làm đẹp lòng Thiên Chúa bằng cách giúp đỡ người khác, thì tiền bạc cũng vậy. Nếu bạn được ban nhiều tài năng và tài sản, hãy cảm tạ Thiên Chúa và dùng chúng cách khôn ngoan. Hãy chia sẻ chúng cách quảng đại với những ai không có. Đức Giêsu không mong bạn làm gì hơn, cũng không đòi hỏi gì hơn.

Trong cách thức đối xử bình dân của đức Giêsu, dân chúng thấy ở ngài một cái gì trần tục, một lối hoà mình với nhân loại và thích thú làm người. Tôi thường có cảm nghĩ rằng ngài rất thích làm người hơn ai hết. Ngài thích ngài là ai. Ngài thích ngắm chim trời tự do và đẹp đẽ, ngắm những con chồn tinh khôn chui từ hang ra lúc chạng vạng và lẫn lút đi trong đồng cỏ với cặp mắt lơ lầu theo từng bước đi, ngắm những con chim câu đơn sơ dễ bị chim cú và điều hâu bắt làm mồi. Ngài thích ngắm màu sắc rực rỡ trên trời lúc mặt trời lặn. Bạn cũng có thể nghĩ rằng ngài thích tắm nước mát dưới sông Giordan trong những ngày hè nóng nực, thích cảm giác mát mẻ, hoặc thích nằm trên cỏ nhìn lên trời, hay thả mình trôi dưới nước mặn của Biển Chết, cùng bạn bè hưởng những cái đẹp thiên nhiên.

Không cần phải đọc Phúc âm nhiều mới thấy rằng đức Giêsu luôn luôn đi bộ, ngài không bao giờ cưỡi ngựa hay lừa hay đi xe. Tôi cố gắng tính xem ngài đi bộ bao nhiêu dặm trong ba năm đi rao giảng. Khó mà tính cách chính xác, nhưng cứ nghĩ rằng ngài đi đi lại lại giữa hai vùng Galilêa và Giuđa, lúc thì dừng lại ở các làng mạc trên đường đi, cũng phải hơn sáu ngàn dặm, đó là chưa kể lúc ngài đi lại trong phố trong ngày.

Dáng điệu của ngài cũng là thành phần của Tin Mừng. Ngài là ai và là người như thế nào, điều đó cũng nói lên nhiều lắm. Ngài không có nhà. Ngài thường ngủ trên các cánh đồng hay trên sườn đồi sau khi kinh nguyện lâu giờ. Thỉnh thoảng ngài cũng ở nhà bạn, như nhà của



Maria, Máтта và Lazarô. Nhưng cả lúc đến gần nhà của họ mà ngài cũng ngủ trong rừng ô-liu dưới chân núi Ôliu. Cũng vì thế mà Giuđa biết đường để dẫn cận vệ của linh mục thượng phẩm đến bắt ngài. Đó là một nơi kín đáo và yên tĩnh mà đức Giêsu và các môn đệ nghỉ qua nhiều đêm.

Sáng hôm sau đêm nghỉ trên sườn đồi Ngài xuất hiện trong làng. Ngài là người như thế nào? Ngài có dáng tươi tắn và áo quần sạch sẽ không? Ngài tìm đâu ra nơi để tắm rửa, cạo râu hay đánh răng, hoặc chải tóc? Chắc là ngài không chải chuốt lắm. Tay ngài phải sần sù vì nghề mộc. Vì phải đi đường xa để rao giảng và cũng không có nhà hàng dọc đường, chắc người ngài phải thon và gân cốt. Da ngài phải ngăm đen vì đi nhiều ngoài nắng và có khi đi từ ngày này qua ngày nọ. Tóc râu của ngài cũng không chải tử tế vì chắc ngài không mang lược trong túi và cũng không có phương tiện để cạo râu thường xuyên. Mắt ngài phải làm cho dân chúng chú ý, vì mắt là kính rọi của linh hồn và phản ảnh con người. Khi dân chúng nhìn vào mắt ngài, họ thấy gì? Tôi nghĩ họ có cảm giác sợ, “Ông này biết tôi. Nhìn cặp mắt ông là biết ngay. Khi ông nhìn tôi, thì như nhìn thẳng vào tâm hồn tôi. Dường như ông biết những bí ẩn của tôi và muốn nói với tôi, “Tôi biết mọi sự về bạn. Tôi biết những gì xảy ra ngày hôm qua. Tôi biết bạn không vui lắm. Tôi biết bạn cố gắng làm điều tốt và đến với mọi người để giúp đỡ họ. Tôi muốn bạn biết rằng chúng ta là bạn hữu. Tôi yêu bạn. Đừng sợ hãi, bạn thế nào thì tôi yêu bạn thế ấy. Đừng thất vọng. Sống không phải là dễ. Nên nhớ rằng bạn là người và bạn chỉ có thể làm những gì Thiên Chúa ban sức cho mà làm. Rồi Cha của tôi sẽ cho bạn ân sủng để trở thành người như bạn muốn, nhưng chỉ khi nào ngài muốn. Vì thế hãy nhẫn nại và khiêm tốn. Giờ đây nên nhớ rằng tôi yêu bạn và luôn luôn ở bên bạn.”

Tôi nghĩ rằng đó là điều dân chúng đọc được trong cái nhìn của đức Giêsu, một cái nhìn lành mạnh, không giả tạo không che đậy, nhưng nói lên sự hiểu biết sâu xa tận tâm khảm mỗi người. Người dân tầm thường lặn lội trong cuộc sống, lòng đầy thiện mỹ nhưng cũng với nhiều yếu đuối, họ cảm thấy đức Giêsu hiểu biết và thông cảm với họ. Những người nhỏ nhen và tự mãn thì tức giận và lên án ngài. Những kinh sư và người Pharisêu phải nếm mùi cay đắng do miệng lưỡi sắc bén của ngài, “Khốn cho các ông, hỡi những kinh sư và Pharisêu, các

ông là những mô sơn vôi trắng, bên ngoài nhìn đẹp lắm, nhưng bên trong thì hôi thối và đầy xương người chết.”

Thiên Chúa sống giữa nhân loại như là người phàm, không có gì riêng rẽ, không có gì khác biệt, vì thế cả Gioan Tẩy Giả cũng không nhận ra ngài. “Dẫu là Thiên Chúa, ngài cũng không nghĩ phải bám lấy địa vị đó, nhưng bỏ hết để mang lấy thân phận tôi tớ, chịu sinh ra như người phàm, và mang lấy thân phận con người, ngài tự hạ mình...” (Phil 2:6).

## Chương tám

### Đức Giêsu là hình ảnh của Thiên Chúa

Vì là người, chúng ta không thể bỏ đi lối suy tư của con người. Do đó, khi chúng ta suy tư về Thiên Chúa, rất khó mà nghĩ ra ngài là ai, để rồi cuối cùng chúng ta thu giảm ngài lại, gán cho ngài phái tính, đóng ngài vào một khuôn khổ để chúng ta hiểu được. Vì thế, chúng ta tạo nên ngài là một người như chúng ta, có một cái nhìn thiếu cận về đời sống, có những cái nhìn, những giá trị và cảm xúc ảnh hưởng đến phản ứng về mọi hoàn cảnh như chúng ta thường có.

Khi đề cập đến những vấn đề của Giáo hội và thần học, dĩ nhiên chúng ta cũng nghĩ Thiên Chúa xét đoán mọi sự như chúng ta nghĩ, như thế là đặt tư tưởng của Thiên Chúa trên cùng bình diện với suy tư của con người. Đó là lý do những người theo trào lưu chính thống trong mọi tôn giáo nghĩ rằng lối suy tư của họ về Thiên Chúa và về tôn giáo là bất khả ngộ, và những tư tưởng khác không hợp với họ đều là khả nghi hay rối đạo. Để thoả mãn nhu cầu an ninh, họ trình bày tư tưởng của mình trong những bộ luật được gọt đẽo tinh vi và tuyên bố đó là tôn giáo. Họ đặt nhiều điều tuyệt đối mà không ai được bất đồng ý kiến với, nếu không sẽ bị tuyệt thông. Chúng ta phải công nhận rằng có nhiều điều tuyệt đối như về vấn đề siêu hình. Nhưng đôi khi chúng ta lại xem là tuyệt đối những điều thật ra chỉ là tương đối vì chúng không thuộc yếu tính của Thiên Chúa hay những luật bất di dịch của thiên nhiên. Đức Giêsu dạy chúng ta phải yêu thương. Đó là một điều tuyệt đối không có luật trừ. Chúng ta phải luôn luôn yêu thương và hành động vì yêu thương và quan tâm đến tha nhân. Lấy tí dụ một người đàn ông và một người đàn bà không cưới nhau theo luật của Giáo hội nhưng họ cưới nhau theo dân luật. Họ có năm đứa con, chúng cần có một gia đình nguyên vẹn để đời sống được ổn định cũng như lớn lên cách lành mạnh cả về tâm lý và tình cảm. Đây đây một giáo sĩ bảo rằng họ sống trong tội lỗi và phải bỏ nhau hoặc phải sống với nhau như anh em. (Tôi có cố vấn cho nhiều đôi vợ chồng có thiện chí đã làm theo lời dạy của một giáo sĩ để khỏi phạm tội.)

Nếu tình yêu là một điều tuyệt đối đối với Thiên Chúa thì chúng ta phải đặt câu hỏi như thế này: Họ phải hành động thế nào nếu muốn sống thật sự theo tình yêu? Rồi hãy xét mọi vấn đề khác. Nếu công nhận rằng tình yêu là một tuyệt đối, thì hãy tự hỏi, “Sống với nhau theo luật đời mặc dầu không được Giáo hội công nhận là một tương đối hay tuyệt đối?” Đó là một câu hỏi rất chính đáng. Hôn nhân thứ hai không nhất thiết chống lại luật của Thiên Chúa nếu đôi vợ chồng biết rằng hôn nhân trước là sai và trở thành vô hiệu quả. Phá hôn nhân thứ hai sẽ gây nhiều thiệt hại về tâm lý và tình cảm nhất là cho con cái, bởi vì tình yêu của cha mẹ đối với nhau sẽ ảnh hưởng đến chúng. Tôi nghĩ rằng một ngày nào đó cặp vợ chồng gặp ngăn trở trên sẽ cùng quyết định, “Không, chúng tôi không thể bỏ nhau. Chúng tôi đã cam kết sống cho nhau và cho con cái và sự cam kết này rất linh thiêng. Chúng tôi có bổn phận đối với nhau và với con cái. Chúng tôi cần có nhau và cần yêu nhau vì nhiều lý do. Chúng tôi thuộc về nhau. Lương tâm không cho phép chúng tôi quên đi lời cam kết này và làm hại cho con cái mà nghĩ rằng đó là làm đẹp lòng Thiên Chúa”

Đàng khác, tôi cũng đã chứng kiến nhiều cặp vợ chồng bỏ nhau trong những trường hợp tương tự và gia đình tan nát. Đời sống của mỗi người, nhất là con cái, bị bất ổn và tạo nên nhiều khó khăn, nhưng họ lại nghĩ rằng mình đã làm một hành vi rất anh dũng cho Thiên Chúa. Chính lối thi hành đạo của những người Pharisêu đã làm đức Giêsu bực bội, bởi vì họ coi lẽ luật trọng hơn con người và không đếm xỉa đến luật tình yêu của Thiên Chúa mà chỉ chú trọng đến lẽ luật của con người.

Đối với nhóm kinh sư và Pharisêu thì lẽ luật là tuyệt đối. Họ không thể chấp nhận luật trừ mặc dù thái độ cứng nhắc của họ có gây khổ đau cho dân chúng. Những truyền thống và tục lệ của họ là bất di dịch. Chính vì đó mà họ tố cáo đức Giêsu chữa bệnh trong ngày Sabát. Nhưng lối sống của đức Giêsu thì lại rất thông dong đối với lẽ luật. Điều này làm họ phát điên. Do đó, những người lãnh đạo tôn giáo không nhận ra ngài là ai. “Làm sao hắn có thể là vị Cứu tinh? Hắn không tuân giữ những gì đạo dạy là thánh. Chúng ta được dạy rằng ngày Sabát là ngày thánh, nhưng hắn lại không đếm xỉa gì đến những gì cấm làm trong ngày ấy và trắng trợn phạm luật cách công khai, làm chướng tai gai mắt cho dân chúng, phỉ báng đạo giáo của chúng ta. Luật chay tịnh đã có hàng ngàn năm, nhưng hắn bảo là phi lý và nói rằng, ỏKhông phải thứ gì ăn vào mồm làm cho người ta hôi thối, nhưng

là thứ gì từ đó ra.õ Hắnh nghĩ rằng vua Đavít làm đúng khi cho binh sĩ ăn của thánh, bởi vì lề luật được đặt cho con người, chứ không phải con người cho lề luật, và ngày Sabát được lập cho con người, chứ không phải con người cho ngày Sabát. Từ bao thế kỷ, đạo dạy rằng người Samaritanô là tà giáo và ly khai nên cấm dân chúng tiếp xúc với họ. Nhưng hắnh cứ đi vào đất của họ mà thăm họ và tuyên bố rằng hắnh là vị Cứu Tinh, cũng như nói rằng họ được Thiên Chúa yêu thương như chúng ta. Hắnh cũng nói rằng đã đến lúc không cần phải lên Giêrusalem hay núi Gadim mà cầu nguyện, nhưng cầu Thiên Chúa trong lòng và bằng đời sống. Hắnh làm giảm uy tín của đạo, làm thiệt thòi cho đức tin của dân chúng và lòng sùng tín của họ. Làm sao hắnh có thể là vị Cứu tinh? Không một vị Cứu tinh nào hành động và ăn nói như thế! Vị Cứu Tinh phải là người yêu nước, phải trung thành với tổ quốc và tôn giáo, và phải tuân phục quyền bính của chúng ta. Dẫu sao chúng ta cũng có quyền giáo huấn được Thiên Chúa ban cho.”

Chúng ta cũng thắc mắc không biết thái độ của đức Giêsu đối với thần học Kitô giáo thế nào? Ngài có một nền thần học như chúng ta không? Những người Baptít Chính thống thì nghĩ rằng đức Giêsu chỉ có thể nhận các nhà thờ của họ thôi. Người công giáo cũng vậy: Họ cũng nghĩ rằng ngài không chấp nhận những kẻ rời đạo hoặc ly khai khỏi Giáo hội của ngài, rằng ngài không thể làm phép lạ do tay những người Tin Lành, bởi vì làm như vậy là thừa nhận tôn giáo của họ, chắc chắn rằng ngài không bao giờ làm thế. Những người Chính Thống thuộc các tôn giáo khác cũng nghĩ thế. Họ nghĩ rằng những ai không cùng tin như họ thì không làm đẹp lòng Thiên Chúa, bởi vì họ trở thành nguy hiểm cho đức tin của những người khác, và vì thế cần phải khai trừ họ hay uy tín của họ. Đó là tâm trạng gây nên những toà án dị giáo lùng bắt ma thuật. Điều này cũng có thể xảy ra ngày nay nếu những người này được hành động tự do. Tôi biết một giáo sĩ Chính thống bị khai trừ khỏi cộng đồng của ông vì ông nói rằng người công giáo cũng có thể được cứu rỗi.

Một buổi chiều nọ sau khi tôi diễn thuyết về đức Giêsu thì có một bà đến gặp tôi. Bà ta mắt long lanh muốn khóc. Bà là người công giáo mới đi hành hương ở Mêdugori do vị chủ chăn của bà và mục sư Nam Baptít tổ chức. Khi đến đài đức Mẹ, vị chủ chăn của bà dâng thánh lễ, nhưng từ chối trao Mình Thánh cho vị mục sư khi ông lên rước lễ. Bà ta nói, “Chúng tôi rất kinh hãi”. Đức Giêsu có làm thế không? Đó có phải là nền thần học của Giêsu không? Đó có phải là thần học của Vị Chủ

Chăn hiền lành? Bà ta cũng nói rằng khi các trẻ em ở Mêdugori hỏi đức Maria rằng Con của Mẹ nghĩ thế nào về những người Tin Lành, thì đức Maria đáp, “Con của Mẹ xem mọi người như một gia đình. Chính các con xây tường chia rẽ nhau”

Vâng, thật là lý tưởng nếu những người rước Mình Thánh cùng tin như nhau! Trong bữa Tiệc Ly các môn đệ cũng chưa biết rằng đức Giêsu là Con của Thiên Chúa. Họ không biết ngài là ai. Dầu vậy, đức Giêsu cũng trao Mình Thánh cho các ông. Tôi biết chắc các ông cũng không hiểu Mình Thánh là gì. Phải một thời gian lâu lắm các ông mới hiểu chu đáo mầu nhiệm Giêsu. Các ông chỉ hiểu được sau biến cố Phục Sinh khi các ông suy niệm lại những gì đức Giêsu đã dạy và đã làm.

Ngày nay khi chúng ta khăng khăng đòi phải tin đúng như đạo dạy thì mới được rước Mình Thánh, thử hỏi có mấy người Công giáo tin đúng? Tôi luôn luôn nghe theo những điều thần học dạy, và khi làm việc ở xứ đạo tôi luôn luôn chuẩn bị các phụ huynh và trẻ em Chịu Lễ lần đầu hay Thêm sức để chúng hiểu rõ việc mình làm. Tôi nghĩ rằng đó là điều quan trọng. Tôi cũng nghĩ rằng những người tin vào đức Giêsu phải hiểu những gì ngài đã dạy. Tôi cũng hiểu một cách thực tế rằng hầu hết những người Công giáo không biết rõ ràng phải tin gì, hoặc phải tin những điều chính mà Giáo hội dạy. Tôi biết có nhiều người Lutêran và Êphicôpa biết về thần học nhiều hơn là người Công giáo. Như vậy thử hỏi đức Giêsu có khăng khăng đòi chúng ta phải hiểu đúng thần học không. Tôi không có câu trả lời, nhưng điều chắc là đức Giêsu không đòi hỏi những người theo ngài phải tin nhiều điều lắm.

So sánh với nhóm kinh sư và Pharisêu, dường như đức Giêsu không theo một khuôn phép thần học mà họ đòi phải có. Không biết ngài nghĩ thế nào về việc chúng ta khăng khăng đòi phải theo đúng luật, trong khi đó lại không quan tâm đến điều ngài dạy mà chỉ chú trọng vào lối giải thích của mình. Ngài có nhận ra chúng ta là một gia đình đang chia rẽ không? Hay là ngài rất đau lòng vì chúng ta xé tan tàn gia đình của ngài để đi mỗi người một phương? Ngài đòi phải làm gì nếu mọi người chúng ta muốn đáp lại lời kêu gọi hiệp nhất của ngài để trở thành một gia đình?

Đức Giêsu rất thực tế trong cách hiểu biết và chấp nhận con người. Họ thế nào thì ngài chấp nhận họ thế đó, như thế ngài nói: “Được rồi, tôi biết bạn bây giờ ở trong tình trạng nào và từ đâu đến. Bạn không

làm gì được về điều đó, chậm rãi. Thôi cứ khỉ sự từ đây”. Tôi nghĩ ngài cũng nói, “Chúng ta cùng hợp tác, và với thời gian chúng ta sẽ biết chúng ta đang ở đâu.”

Tôi cũng thắc mắc không biết đức Giêsu nghĩ gì về việc đòi linh mục phải độc thân. Linh mục là chức thánh và phải được Thiên Chúa gọi. Độc thân là một điều tốt đẹp khi được tự do lựa chọn. Tôi làm linh mục đã được bốn mươi lăm năm. Tôi yêu chức linh mục và tôi cũng quý trọng sự độc thân và hy vọng rằng sẽ luôn luôn có những linh mục độc thân trong Giáo hội. Nhưng tôi cũng đã thấy quá nhiều, thấy những đau khổ và tuyệt vọng của những linh mục khi họ khám phá ra rằng mình không thể sống cô độc. Họ được gọi làm linh mục, và lời gọi ấy mạnh mẽ quá làm họ phải cố dập tắt mọi nhu cầu khác để đạt đến chức vụ ấy. Một khi đã đạt được rồi, những nhu cầu khác lại chỗi dậy, và hỏi ôi, “Lạy Chúa, sao con thế này. Con không thể sống như vậy được nữa. Con sẽ điên vì cô đơn.” Linh mục đâm ra chán nản, không suy nghĩ, không cầu nguyện được và cuối cùng không hoạt động được nữa. Đấy không phải chỉ là than thân trách phận nhưng là một thực tế rất đau khổ. Để cứu vãn tình trạng suy thoái này, linh mục tìm những lối thoát không xứng đáng với chức vụ của mình. Đối với người có tinh thần mạnh mẽ thì dễ mà gắt gao lên án những linh mục ấy, nhưng tôi đã có dịp linh hướng cho họ và thấy họ là những linh mục tốt, là những người thánh thiện, sống đàng hoàng và chuyên cần cầu nguyện dẫu gặp phải khó khăn. Có lúc tôi muốn khuyên họ bỏ chức linh mục, nhưng tôi biết họ có ơn gọi làm linh mục. Họ là những linh mục tốt và giáo dân cũng biết họ là những người tốt. Ai cũng nhận thấy họ có ơn gọi làm linh mục nhưng không có ơn gọi sống độc thân. Một vị chủ chăn tế nhị sẽ thấy rằng có cái gì sai. Tôi rất buồn khi thấy các giám mục không dám đứng lên bênh vực cho các linh mục tốt này và để họ phải bị đối xử cách bất công. Đó là một trong những bất công lớn của Giáo hội ngày nay, cái lẽ lối đối xử với những linh mục chỉ mang một tội là lập gia đình. Khi nghĩ đến hơn một trăm ngàn linh mục ở trong tình trạng này, thì thấy rõ ràng có hai ơn gọi: Chúa Thánh Linh ban ơn gọi làm linh mục và ơn gọi sống độc thân cho những ai ngài chọn. Đấy là một điều thật tốt đẹp. Nhưng nếu Chúa Thánh Linh không ban ơn gọi sống độc thân, thì điều quan trọng là chúng ta phải tôn trọng ý muốn của ngài, bằng không chúng ta có thể làm hại cho chức linh mục. Khi chúng ta thấy có nhiều vị chủ chăn không tốt với con chiên bốn đạo và còn làm cho họ đau khổ

nữa, cũng như sống một đời sống không lành mạnh, chắc hẳn Vị Chủ Chiên Lành phải đau lòng. Có thể chúng ta chọn lầm người linh chức linh mục, vì chúng ta không lắng nghe Chúa Thánh Linh cũng như không xem ngài hoạt động thế nào nơi tâm hồn của mỗi người. Đức Giêsu có tuyên bố về việc độc thân. Ngài nói một cách rất đơn giản, “Ai giữ được thì hãy giữ.” Nếu chúng ta nghĩ đến đức Giêsu, chúng ta thấy ngài kêu gọi và bổ nhiệm những người có gia đình làm môn đệ và cả đến làm giáo hoàng. Tôi cũng hiểu rằng có nhiều vấn đề rất trầm trọng và nhiều gương mù do những giáo sĩ có gia đình thuộc các tôn giáo khác, nhưng đó là một vấn đề khác. Nếu lời của đức Giêsu, “Ai giữ được thì hãy giữ,” có một giá trị thần học nào, cũng như lời khuyến cáo của thánh Phaolô, “Người có đức tính tốt chỉ lập gia đình một lần”, có lẽ chúng ta phải định giá lại đường lối của chúng ta, bằng không chúng ta sẽ chống lại Chúa Thánh Linh.

Điều cần thiết đối với suy tư thần học là phải tìm xem đức Giêsu muốn gì. Đấy chẳng những là để làm cho tôn giáo được lành mạnh, nhưng cũng để ngăn chặn những kẻ quá sùng đạo đã tạo nên bao cuộc bách hại tôn giáo trong suốt lịch sử. Quả vậy, tôn giáo đã gây ra bao nhiêu chiến tranh, bao nhiêu cuộc hành quyết, bao nhiêu mạt ly cá nhân, cũng như bao nhiêu người đã bị lên án một cách nhỏ nhen, tất cả đều được làm dưới danh nghĩa trung thành với Thiên Chúa và để bảo vệ tôn giáo và đức tin của người ngay lành!

Tôi tự hỏi không biết Thiên Chúa có câu nệ đến các khái niệm của chúng ta đặt ra không, những khái niệm không bao giờ hoàn hảo cả! Làm sáng tỏ đức tin là điều quan trọng, nhưng tôi yêu mến Thánh Lễ hơn là việc tìm hiểu mâu thuẫn này. Mỗi người chúng ta phải cố gắng tìm hiểu Thiên Chúa muốn gì nơi đức Giêsu, để giúp chúng ta lớn lên mạnh mẽ trong tình yêu của ngài và mở rộng cái nhìn hẹp hòi của những người được gọi là đạo đức. Nếu hiểu được đức Giêsu muốn gì, chúng ta sẽ thấy ngài muốn chúng ta kính sợ và tạ ơn mâu thuẫn Thánh Lễ hơn là tìm cách giải thích mâu thuẫn này. Cả đối với Đức Trinh Nữ Maria, tôi nghĩ rằng có lẽ tốt hơn nên nhìn nhận địa vị cao cả của bà là Mẹ đức Giêsu và Mẹ Thiên Chúa để rồi thêm lòng kính yêu Mẹ, hơn là đặt cho Mẹ nhiều tước hiệu chỉ làm rối lòng nhiều người, những tước hiệu mà chỉ những ai được học hỏi mới hiểu. Tôi chuyên cần yêu mến Mẹ hơn là định nghĩa những tước hiệu gán cho Mẹ, nhất là khi những tước hiệu này làm cho nhiều kẻ thành tâm phải xa lánh.



Đức Giêsu luôn luôn lo lắng cho các môn đệ và những người kế vị các ông phải thi hành quyền giáo huấn thế nào. Ngài chọn các ông và sai đi rao giảng và chữa bệnh. Các ông rất lấy làm hãnh diện, và đó là điều tự nhiên vì được đại diện cho một nhân vật quan trọng, làm sứ giả của ngài. Nhưng không lâu sau đó mỗi người lại cảm thấy mình quan trọng hơn người khác. Khi đức Giêsu nghe các ông cãi nhau về vấn đề này, ngài bèn tế nhị lái các ông về chuyện khác.

Tuy nhiên có một lần khi trở về sau một ngày truyền giáo, các ông phàn nàn với đức Giêsu rằng có một người lấy danh ngài mà trừ quỷ và các ông cũng đã cấm hẳn không được làm vì hẳn không thuộc nhóm các ông. Điều này cũng dễ hiểu vì các ông nghĩ rằng, “Đức Giêsu chọn chúng ta làm việc này. Chúng ta có thẩm quyền. Người này là ai? Hẳn không có quyền làm việc này. Tại sao hẳn cả gan làm công việc mà chỉ có chúng ta mới được phép làm?” Do đó các ông cấm người ấy làm.

Đức Giêsu bèn bảo các ông, “Đừng cấm hẳn, vì ai không nghịch với anh em là bạn của anh em.” Mặc dù đức Giêsu ban quyền rao truyền sứ điệp của ngài và chữa bệnh, nhưng không có nghĩa là ngài chỉ giới hạn quyền hành cho một nhóm người được chọn cách đặc biệt. Đây là điều rất khó mà chấp nhận đối với một số người, vì họ nghĩ rằng chỉ có công việc của họ mới cứu rỗi dân chúng, bởi lẽ họ được chọn để mang lại sứ điệp chân thực của Thiên Chúa. Đức Giêsu muốn nói với các môn đệ rằng, “Dĩ nhiên là tôi chọn anh em để truyền đạt quyền bính, nhưng điều đó không có nghĩa là tôi không được hoạt động qua những người khác. Nếu tôi có làm thì cũng chẳng ăn nhập gì đến anh em. Tôi muốn dùng ai thì dùng. Anh em cứ khiêm tốn làm công việc của mình và đừng đoán xét người khác”

Đức Giêsu rất lo âu về thái độ của các môn đệ nghĩ họ là giới ưu tú. Những người Pharisêu cũng khăng khăng nghĩ như vậy. Họ biết họ được Thiên Chúa chọn để dạy dỗ dân chúng. Đức Giêsu cũng thừa nhận thẩm quyền của họ. “Anh em hãy làm những gì các kinh sư và những người Pharisêu dạy vì họ ngồi trên ngai của Maisen (quyền hành của họ là do Thiên Chúa ban). Nhưng đừng bắt chước họ, vì họ là những kẻ giả hình.” Đó là lời buộc tội rất nặng nề đối với những người mà Cha của ngài đã chọn và ban sứ vụ dạy dỗ dân ngài! Họ đã lạm dụng và làm đánh mất cái vui tươi và tự do mà Thiên Chúa ban cho dân ngài. Họ đã khiến tôn giáo trở thành “một gánh nặng không ai vác

nổi”. Họ kiểm soát chặt chẽ tư tưởng của dân chúng và dọa Chúa phạt nếu bất tuân và bất tín.

Một thí dụ nữa để nói rõ ai thuộc về gia đình của đức Giêsu khi ngài nổi vòng tay tiếp đón những người Samaritanô. Họ bị người Do thái tuyệt thông. Mấy thế kỷ trước họ đã bị khai trừ khi đoàn quân ngoại đạo đi ngang qua đất của họ. Nhiều phụ nữ Samaritanô lấy lính ngoại đạo. Để trừng phạt họ, giới lãnh đạo tôn giáo ở Giêrusalem phạt và tuyệt thông toàn thể quốc gia Samaritanô và cấm họ lên Đền thờ Giêrusalem cầu nguyện. Người Do thái bị cấm liên lạc với người Samaritanô dưới bất cứ hình thức nào. Vào năm 490 trước kỷ nguyên khi giới lưu vong quý phái Giuđa trở về và xây dựng lại Đền thờ ở Giêrusalem, người Samaritanô có gửi phái đoàn lên Giêrusalem xin đóng góp, nhưng họ bị nguyên rủa và đuổi về. Từ đấy sinh ra mối hận thù giữa người Do thái và người Galilê đối với người Samaritanô.

Đức Giêsu xử sự thế nào trước hoàn cảnh này? Mặc dù giới lãnh đạo tôn giáo cấm không ai được tiếp xúc với người Samaritanô, nhưng đức Giêsu cứ đi vào vùng đất của họ khi có dịp và còn làm bạn với họ nữa.

Câu chuyện người Samaritanô tốt lành rất có ý nghĩa ở đây. Khi đức Giêsu kể câu chuyện người Samaritanô làm phúc cho một lũ hành xấu số, rõ ràng là ngài muốn cho thấy rằng mặc dù người Samaritanô thuộc thành phần bị người Do thái khai trừ, nhưng Thiên Chúa không khai trừ anh mà anh còn được nêu lên làm gương mẫu.

Nếu chúng ta muốn hiểu đức Giêsu thì hãy tìm hiểu các câu chuyện Phúc âm. Trước nhất, đạo Do thái là do Thiên Chúa ban. Thực vậy, chỉ có Thiên Chúa mới có thể ban cho con người một tôn giáo và dạy họ phải tôn thờ ngài thế nào. Thời đức Giêsu, Do thái giáo là tôn giáo chân thật. Các kinh sư và Pharisêu là những người có thẩm quyền được Thiên Chúa ban cho. Trong những trường hợp thông thường thì đức Giêsu tuân phục quyền bính của họ. Tuy nhiên, ngài nhận thấy họ không thi hành những điều Thiên Chúa muốn mà còn ngăn trở con người hiệp thông với Cha của ngài. Ngài nhận thấy họ cắt đứt dân chúng với Thiên Chúa, và nổi khất khe của họ làm cho dân chúng xa lánh, trong khi họ lại nghĩ rằng chỉ có tư tưởng khất khe của họ cũng như chính bản thân của họ mới làm đẹp lòng Thiên Chúa. Đối với họ gia đình của Thiên Chúa chỉ gồm những ai thuộc về Do thái giáo. Họ dành riêng ra một chỗ trong Đền thờ cho những người ngoại bang.

Các ngôn sứ, đặc biệt là Isaia, đã cố gắng mở rộng cái nhìn về gia đình của Thiên Chúa bị giới hạn trong sắc tộc và tôn giáo Do thái, nhưng các vị đã bị chống đối.

Những hành động và ngôn từ của đức Giêsu cho thấy rõ rằng Thiên Chúa không chấp nhận lối suy tư thần học đó. Viễn tượng về gia đình của Thiên Chúa phải quảng đại hơn. Trong câu chuyện người phụ nữ bên giếng nước và người Samaritanô tốt lành, đức Giêsu nhấn mạnh tư tưởng của ngài để cho thấy ai là người được Thiên Chúa chấp nhận và được xem là phần tử của gia đình ngài. Các viên chức tôn giáo khai trừ những ai không sống đúng lý tưởng của họ. “Tôi là Chủ Chiên lành. Tôi đi tìm chiên lạc, chiên bị tai nạn, bị thương tích và khổ đau. Khi tìm được chúng, tôi sẽ vác chúng lên vai mà mang về nhà.” “Về nhà là nơi chúng phải ở”, đức Giêsu nói.

Mặc dù những người lãnh đạo tôn giáo khai trừ người Samaritanô, nhưng đức Giêsu cho thấy ngài chấp nhận người Samaritanô như là các phần tử của gia đình. Ngài đi qua đất họ và rao giảng trong các phố phường của họ, cho thấy rằng ngài xem họ như mọi người Do thái khác mặc dù ngài chỉ nhằm rao giảng cho người Do thái. Chỉ về sau ngài mới ra lệnh cho các môn đệ rao giảng cho người ngoại bang.

Điều này rất thích hợp cho ngày nay khi những người Kitô chia rẽ nhau vì tư tưởng thần học khác nhau. Họ giống như các kinh sư và người Pharisiêu mà nghĩ rằng chỉ có tôn giáo của mình mới làm đẹp lòng Thiên Chúa.

Tôi biết đây là một cám dỗ lớn cho những người sùng đạo nghĩ rằng chân lý chỉ có một.

Ngày nọ tôi chứng kiến một tai nạn. Sau đó tôi đọc được năm bài tường thuật về biến cố đó. Mỗi bài mô tả đúng các chi tiết, nhưng chỉ thuật lại những khía cạnh của tai nạn đập vào mắt ký giả. Năm bài tường thuật cộng lại với nhau sẽ cho chúng ta một hình ảnh khá đầy đủ. Nhưng nếu người nào cũng nói bài của mình là đúng còn các bài kia là sai, thì xem ra quá lố bịch.

Con người rất khác nhau. Làm linh mục, tôi có dịp gặp nhiều người có đời sống khác nhau và rất phức tạp, thành thử tôi không dám phán đoán những gì mắt tôi xem thấy. Tôi gặp một ông già theo đạo Do thái chính thống. Ông mới đọc xong quyển Giôsê và mời tôi cùng ăn trưa với ông. Chúng tôi chuyện trò vui vẻ. Ông ta thích đạo của ông và bảo tôi rằng ông thích Giêsu và ôm ấp hình ảnh Giêsu trong lòng.

“Tôi luôn luôn nghĩ đến Giêsu và muốn giống như ngài. Tuy nhiên đạo của chúng ta, đạo của tôi cũng như đạo của cha, đã làm gì cho con người tốt đẹp ấy?” Ông này già lắm và cũng đau ốm nữa. Vài tuần sau đó ông chết. Tôi thắc mắc đức Giêsu có đón nhận ông như là một phần tử của gia đình không, dù ông không biết những thủ tục để trở thành một người đăng ký theo ngài.

Vào một dịp khác, khi chị Dorothy và tôi diễn thuyết ở Thụy Sĩ, chúng tôi gặp một người đàn bà trẻ tuổi, thông minh và nhiều nghị lực đi với chồng chị. Trong buổi nói chuyện đầu tiên, chúng tôi diễn thuyết về đức Giêsu. Chị chăm chú quan sát và lắng nghe. Chị ở lại trọn ngày với chúng tôi, và khi có ai hỏi chúng tôi nghĩ về Giêsu thế nào, chúng tôi dài dòng trả lời, nhưng chị cũng dừng lại chăm chỉ nghe. Chị chăm chú nghe, xem như lòng chị được nung đốt. Tôi chưa bao giờ thấy Chúa Thánh Linh hoạt động nơi ai như ở chị. Cả con người chị như một bóng đèn vừa được vặn lên. Chồng của chị cũng là người Do thái như chị. Vài ngày sau đó anh ta bình phẩm, “Tôi không biết cái gì đã xảy đến với Jennifer, nhưng chưa bao giờ tôi thấy vợ tôi hạnh phúc, sống động và bình an như vậy. Thật là tuyệt vời. Tôi học hỏi nơi vợ tôi nhiều lắm.”

Một buổi chiều khi chúng tôi chuẩn bị dâng Thánh Lễ, Jennifer hỏi, “Tôi đến với Giêsu được không?” Chị dự lễ với chúng tôi. Tôi dám nói là chị được đầy ơn Chúa Thánh Linh. Mặt chị sáng rỡ và cả khi chị nhắm mắt con người chị cũng sáng rỡ. Tôi rất ngạc nhiên khi nghe nói chị có rước Mình Thánh, và những ai thấy chị lúc ấy cũng đều nói chị như xuất thần. Tôi tự hỏi đức Giêsu có xem chị là một phần tử của gia đình đâu chị chưa lãnh những nghi thức nhập giáo.

Một người Hoa mà chúng tôi gặp ở Trung Hoa lúc trước có viết thư cho chúng tôi và nói rằng ông vừa đọc xong quyển Giô-sê. “Tôi yêu mến Giô-sê (Giêsu) và nghĩ đến ngài luôn. Ngài luôn ở với tôi và tôi học cách ngài làm việc và đối xử với mọi người. Tôi cũng cầu Thượng đế mỗi ngày. Tôi dạy Giô-sê cho học trò của tôi. Chúng nó cũng thích Giô-sê và muốn giống như Giô-sê.” Có thể phải nhiều năm nữa ông này mới gặp được ai giới thiệu ông với một cộng đồng Kitô, nhưng đức Giêsu có nghĩ rằng ông là phần tử của gia đình ngài không?

Chúng ta không khỏi thắc mắc Đức Giêsu phản ứng thế nào khi ngài đến các nhà thờ của chúng ta ngày nay và khi những người Kitô thuộc nhiều giáo phái đến với ngài? Ngài có tiếp đón một nhóm như là

của riêng ngài và bỏ rơi các nhóm kia không? Giáo Hội là hiện thân của đức Giêsu trong suốt lịch sử, do đó dân chúng phải có cùng một kinh nghiệm khi tiếp xúc chúng ta như khi họ tiếp xúc ngài. Đức Giêsu luôn luôn là Chủ Chăn tốt lành, ngài niềm nở tiếp đón tất cả những ai đến với ngài. Giáo hội không nên làm khác hơn.

## Chương 9

### Tái sinh trong tự do

Chắc hẳn đức Giêsu không đến trần gian chỉ để làm một người dễ mến, để tiếp đón, chữa bệnh và an ủi dân chúng. Nhưng ngài đến với một mục đích: đó là mang lại một sứ điệp và để cứu chuộc nhân loại bằng những đau khổ và cái chết của mình.

Việc làm đầu tiên của ngài là công bố sứ mệnh của mình như người ta thường làm ngày nay. Tuyên ngôn sứ mệnh đó rút từ sách Isaia: “Thần Linh của Thiên Chúa ngự xuống trên tôi, vì ngài tấn phong tôi để tôi đem tin mừng cho người nghèo khổ. Ngài sai tôi đến để công bố tự do cho người bị tù đày, để cho người mù được sáng mắt, để giải phóng người bị áp bức và công bố năm thánh của Thiên Chúa”(Lc 4:16-19)

Đức Giêsu đến để cải huấn con cái của Cha ngài, để đem tin mừng cho họ, để nói cho họ biết Thiên Chúa rất yêu quý họ và họ được tự do. Tự do là yếu tố chính của tin vui của ngài. Hiểu như vậy sẽ giúp chúng ta hiểu được đời sống của đức Giêsu và biết ngài mong muốn gì nơi chúng ta, đó là ngài muốn chúng ta phải đón mừng tự do và sống tự do như ngài ban cho.

Tự do đức Giêsu ban là gì? Phải hiểu nó trong hoàn cảnh ngài sống. Dân Do thái đã được giải phóng trong nhiều thế kỷ trước, không những họ được giải phóng khỏi nước Ai cập, nhưng cũng được giải phóng khỏi những mê tín dị đoan. Điều kỳ lạ là họ đã mất tự do do chính tay những người lãnh đạo tôn giáo của họ. Đời sống của họ bị bóp nghẹt và họ không còn được tự do tiếp xúc với Thiên Chúa. Những người lãnh đạo tôn giáo đã làm cho dân chúng sợ hãi Thiên Chúa. Họ dùng Thiên Chúa làm khí cụ để trừng phạt đối với những ai bất tuân lệnh của họ và kềm hãm họ bởi không biết bao luật lệ. Dân chúng không còn được tự do nữa. Khi Isaia và đức Giêsu nói về tự do, không phải các ngài muốn nói đến tự do vật chất, nhưng là tự do tinh thần, tự do hưởng thụ đời sống với bao thụ tạo khác của Thiên Chúa, tự do làm con cái Thiên Chúa và tiếp xúc với ngài như là Cha mà không bị ai cản trở, cũng giống như mọi đứa con được tự do tiếp xúc với cha mẹ mình vậy. Hiểu như vậy thì ý niệm tự do của đức Giêsu mới có ý nghĩa.

Ngài “đến để giải phóng chúng ta khỏi gánh nặng của lề luật mà không một ai gánh nổi”, thánh Phaolô nói thế.

Không phải đức Giêsu nói rằng không cần có giáo quyền để hướng dẫn dân chúng, nhưng ngài rất đau lòng khi thấy các người lãnh đạo tôn giáo gây khó khăn cho đời sống của dân chúng, khi các vị can thiệp vào đời sống của họ với biết bao luật lệ. Người ta nghĩ rằng các người lãnh đạo tôn giáo ngày nay cũng phải ý thức cái tinh thần quá câu nệ luật pháp này, bởi vì đức Giêsu đã xem đó là một vấn đề trọng yếu.

Tuy nhiên tôi có một kinh nghiệm đau đớn khi thấy trường hợp một phụ nữ không rước Mình Thánh được vì chị dị ứng với rượu và bột mì. Khi thấy nhiều người cũng mang bệnh dị ứng, chị bèn xin linh mục dùng bột khác và rượu nho không có cồn để dâng Thánh Lễ. Một nhóm linh mục và luật gia viết thư thỉnh ý Tòa thánh Roma. Luật không cho phép. Đó là câu trả lời từ Roma. Do đó chị ta không rước được Mình Thánh, trong khi đức Giêsu lại bảo nếu chúng ta không rước ngài thì không có sự sống. Chúng ta cũng có thể tưởng tượng được chị phải đau khổ như thế nào vì chẳng bao giờ được rước Mình Thánh. Đức Giêsu nghĩ thế nào trong trường hợp này? “Lề luật được đặt ra cho con người chứ không phải con người cho lề luật”. Lề luật phải nhượng bộ trước nhu cầu của con người. Thánh Lễ là lề luật của Thiên Chúa, còn các vật liệu để dâng lễ chỉ là lề luật của Giáo hội. Lề luật của Thiên Chúa phải được ưu tiên, bằng không chúng ta sẽ vô hiệu hóa lề luật của Thiên Chúa mà chỉ giữ truyền thống của loài người.

Tự do tinh thần rất cần thiết để đời sống thiêng liêng phát triển và lớn mạnh. Còn tinh thần lề luật thì làm cản trở Thiên Chúa hoạt động nơi chúng ta. Thiên Chúa phải được tự do để hướng dẫn chúng ta theo đường lối ngài chọn. Nếu Thánh Linh Thiên Chúa soi sáng và hướng dẫn, chúng ta phải được tự do đáp lại. Tuy nhiên cha mẹ và thầy giáo lý thường làm cản trở con cái, bảo chúng cái gì được làm và cái gì không được làm, thay vì giúp chúng nhận thức điều Thiên Chúa muốn nói với chúng và ngài muốn dẫn đưa chúng đi về đâu...

Xung đột giữa tự do tinh thần và giáo quyền xảy ra từ lâu trước khi đức Giêsu đến. Vấn đề mà các ngôn sứ gặp phải là ai có quyền dạy dỗ dân chúng. Thiên Chúa ủy nhiệm cho các linh mục thượng phẩm và kinh sư quyền giáo huấn trong Do Thái giáo. Những quyết định của họ trở thành lề luật và ai lỗi phạm sẽ bị trừng phạt. Tuy nhiên khi giáo quyền không thi hành phận sự của mình, thỉnh thoảng Thiên Chúa cũng

gọi các ngôn sứ và sai các ông đi dạy dỗ dân chúng. Thường thường các ông được lệnh giáo huấn dân chúng nơi Đền Thờ. Điều này làm cho giáo quyền phát điên lên. “Chúng tôi là thầy của Israel. Thiên Chúa đã bổ nhiệm chúng tôi. Các người không là gì cả. Sao lại dám dạy dỗ dân chúng?” Đó là vấn đề! Các giáo sĩ bị chạm vì có người dám làm công việc mà Thiên Chúa ủy nhiệm cho các ông. “Nhưng Thiên Chúa bảo tôi mang sứ điệp đến. Nhưng câu trả lời này cũng không lay chuyển được các ông. Các ông vẫn bắt giam, hành hạ các ngôn sứ và giết hầu hết các ngôn sứ. Ngôn sứ Zakaria bị giết ngay bên cạnh bàn thờ. Đức Giêsu tố cáo các kinh sư và những người Pharisêu vì tay họ dẫm máu các ngôn sứ, bởi vì họ có cùng một tâm trạng và hành sự như cha ông của họ đã làm đối với các ngôn sứ trong dĩ vãng.

Theo lý thuyết thì không bao giờ nên có xung đột giữa tự do tinh thần và quyền bính của Giáo hội bởi vì Thiên Chúa là chúa của cả hai. Cả hai phải hợp tác tốt đẹp để Chúa Thánh Linh có thể thực hiện những gì ngài muốn trong Giáo hội và trong mỗi Kitô hữu, cũng như trong mỗi cá nhân dầu họ có nhận biết Giêsu hay không.

Khi đến một thời điểm mà chúng ta sẵn sàng hưởng đời sống về Thiên Chúa, thì ngài sẽ hoạt động bên cạnh chúng ta, chia sẻ nhận thức của ngài về chúng ta, cũng như giúp chúng ta hiểu biết cách sâu xa về ngài và những điều linh thiêng. Cuộc sống mới sẽ làm cho chúng ta phấn khởi. Với lòng đầy nhiệt huyết và quảng đại chúng ta sẽ hoạt động hăng say cho tha nhân, cho những phần tử trong gia đình, mà cách đó không lâu chúng ta không bao giờ nghĩ đến.

Cuối cùng chúng ta tự bảo, “Có lẽ tôi có thể giúp cho xứ đạo. Sau đó tôi đến gặp vị chủ chăn, “Thưa cha, tôi rất hăng say muốn làm gì giúp cho xứ đạo. Cha có gì để làm không?”

Câu trả lời thường như thế này, “Xứ đạo có mọi thứ cho giáo dân. Tôi thấy không cần gì nữa. Cám ơn. Nếu cần, tôi sẽ liên lạc với bạn”. Có khi câu trả lời sẽ cộc lốc hơn. Những câu trả lời như thế làm choáng váng nhiều người muốn hợp tác với cộng đồng. Có thể vì chúng ta thường xem cộng đồng chỉ là xứ đạo mà không nghĩ rằng cộng đồng là nơi chúng ta sinh sống, làm việc và giải trí. Vì nhu cầu trong xã hội luôn luôn thay đổi, nên Thiên Chúa ban tài năng cho con người không phải chỉ để phục vụ xứ đạo là một đơn vị hạn hẹp. Thánh Linh Thiên Chúa không chỉ giới hạn trong địa danh xứ đạo, nhưng có tầm mức quảng đại và sâu xa hơn. Khi gọi ai, ngài gọi họ để phục vụ cộng



đồng. Vì thế những người lãnh đạo trong giáo xứ luôn luôn có thể tìm ra nhu cầu cần đến khả năng của họ, nếu các vị mở rộng nhãn giới mà nhìn xem cộng đồng một cách quảng đại hơn. Làm thế đó, chúng ta sẽ luôn luôn có thể tìm ra việc hợp với khả năng của mọi người. Rất tiếc rằng các chủng viện không đào tạo các giáo sĩ tương lai với cái nhìn quảng đại hơn.

Chúng ta được dạy rằng mình là thành phần của thân thể huyền nhiệm của đức Kitô, mỗi người được gọi đóng góp một cái gì đặc biệt cho cộng đồng, được gọi chia sẻ khả năng của mình với những thành phần khác. Nếu đúng thế thì cộng đồng cần khả năng của mỗi người. Nhưng mỗi người trong chúng ta cũng được tự do hoạt động theo Chúa Thánh Linh hướng dẫn. Tuy nhiên thường thì tinh thần này bị tắc nghẽn khi người ta được bảo là không cần đến họ. Đây là một trong những điều bất mãn trầm trọng trong các xứ đạo làm cho nhiều người bỏ đi. Họ biết họ có khả năng đóng góp và rất mong muốn đóng góp nhưng bị từ chối, có khi còn bị xem là quấy rầy. Tại sao phải ngồi lại trong khi có nơi khác cần đến khả năng của bạn.

Thánh nữ Bênadét Soubirous có được một vị chủ chăn rất khôn ngoan và can đảm để tìm xem Thiên Chúa muốn dùng chị làm gì. Khi biết chắc đức Maria hoạt động nơi chị, ông đã sẵn sàng bênh vực chị dẫu phải thiệt thòi cho ông. Ngược lại, giám mục của chị Gioan thành Arc vì lý do chính trị mà không tìm hiểu chị và còn đồng ý thiêu sống chị vì bảo chị là một phù thủy. Sau đó ông biết mình đã nhầm lẫn lớn và chị chính là một khí cụ Thiên Chúa dùng. Ông hối hận mà phong thánh cho chị và xây một nhà thờ lớn để kính nhớ chị.

Để tiếp tục thi hành sứ mệnh của mình, đức Giêsu đi từ nơi này qua nơi nọ hoàn thành những gì ngài được sai đến để làm như lời ngài nói ở Nadarét, đó là giải phóng con người khỏi quyền lực Satan và gông cùm của các kinh sư và nhóm người Pharisêu. Ngài giải tỏa tâm trí con người để họ lắng nghe Chúa Thánh Linh mà không còn sợ hãi Thiên Chúa và hình phạt nếu không tuân giữ lề luật của đạo. Tâm hồn con người không thể lắng nghe Chúa Thánh Linh nếu từ bé đã bị dọa chỉ phải nghe các giáo sĩ mà thôi. Lớn mạnh trong Chúa Thánh Linh có nghĩa là luôn luôn tìm hiểu Thiên Chúa và cách thức ngài hoạt động trong đời sống chúng ta và trong thế giới. Những người chính thống vì quá cứng nhắc nên khó mà hiểu biết Thiên Chúa và sứ điệp của đức Giêsu, bởi vì họ câu nệ từng dòng chữ mà không dám thay đổi. Chính

Chúa Thánh Linh ban sự sống và ý nghĩa cho những dòng chữ viết xuống (Sách Thánh). Chính Chúa Thánh Linh mới soi sáng cho chúng ta hiểu ý nghĩa Kinh Thánh cách rõ ràng và sâu xa hơn.

Khi người ta bị ngạt thở vì sợ hãi thì không thể nghe được lời của Chúa Thánh Linh. Chúng ta sợ hãi lời của ngài mà không muốn lắng nghe. Chúng ta không bao giờ nghĩ rằng những gì đã được giáo huấn có thể giúp chúng ta học hỏi thêm. Chính đấy cũng là nỗi sợ hãi của các ngôn sứ khi Thiên Chúa kêu gọi các ông. Các ông sợ hãi không dám đáp lại ngài, bởi vì nó mới lạ quá, kinh hãi quá, khác với những gì các ông đã được đào tạo.

Đức Giêsu đi từ làng mạc này qua làng mạc khác, giải phóng dân chúng khỏi những bệnh tật thể xác và tâm thần, khỏi gông cùm của tội lỗi và quyền lực của ma quỷ và khỏi u tối của tâm hồn. Đức Giêsu thật sự thi hành sứ mệnh của mình như lời ngài tuyên bố, đó là sứ mệnh giải phóng con người, đó là tuyên bố năm hồng ân của Thiên Chúa, năm thánh, không phải một năm với 365 ngày, nhưng là thời gian ngắn ngủi mà đức Giêsu sống với con người và ban phúc cho đời sống của họ, vì ngài sống giữa họ và yêu thương họ.

## Chương mười

### Tự do và quyền bính

Đức Giêsu giải phóng con người, điều đó không có nghĩa là ngài chống lại giáo quyền. Ngài biết rằng cần có giáo quyền để nhắc nhở dân chúng đến sự thiện và sứ điệp của Thiên Chúa. Ngài cũng hiểu rằng không thể rao giảng một sứ điệp và bảo rằng nó rất cần thiết, rồi để cho dân chúng chuyển miệng nhau mà không lo bảo vệ nó, bởi lẽ nó có thể bị bóp méo và chấp vá. Đó là lý do ngài chọn mười hai môn đệ. Nếu ngài không có ý định xây dựng một cơ cấu thì ngài đã không chọn mười hai môn đồ và bảy mươi đệ tử. Họ phải tiếp tục công việc của ngài khi ngài ra đi. Ngài còn xác định vai trò của họ là phải rao giảng sứ điệp của ngài cho người Do thái trước nhất, sau đó mới đến người ngoại giáo. “Anh em hãy rao giảng Tin Mừng cho muôn dân, hãy làm phép rửa cho họ nhân danh Cha và Con và Thánh Thần”, “Tôi sẽ ban cho anh em Thánh Linh để ngài nhắc nhở những gì tôi đã dạy anh em”. Ngài còn nói: “Tôi sẽ ở với anh em cho đến tận thế.” Dĩ nhiên là các môn đồ không thể sống đến ngày tận thế, ở đây đức Giêsu muốn nói đến những người kế vị họ trong tương lai, đó là các môn đồ và quyền giáo huấn của các ông vẫn tồn tại nơi chúng ta.

Chỉ cần đọc thoáng qua các sách Phúc âm chúng ta cũng có thể thấy đức Giêsu đã xây dựng một cơ cấu để sứ điệp của ngài được lưu truyền cách trung thực. Điều này đúng vì ngài thấy sứ điệp của ngài cần để cứu rỗi, do đó ngài phải lo sao cho nó được lưu truyền cách trung thực qua mọi thế hệ. Ngày kia trong câu chuyện thân mật với các môn đồ, ngài hỏi các ông: “Người ta nói thầy là ai?” Mỗi người trả lời một cách khác theo như họ nghe bạn bè hoặc khách lạ nói. “Người thì nói thầy là Gioan Tẩy Giả, người thì nói thầy là ngôn sứ Êlia tái sinh. Kẻ thì nói thầy là một trong các ngôn sứ.” . “Còn anh em nghĩ tôi là ai ?” Ximông bèn mạnh dạn trả lời: “Thầy là đức Kitô, Con của Thiên Chúa hằng sống.” Đức Giêsu bèn trả lời: “Phúc cho anh, Ximông, con ông Gioan, bởi vì không phải xương thịt này tiết lộ cho anh, nhưng chính Cha tôi ở trên trời.”

Đó là một đoạn văn rất quan trọng. Đức Giêsu muốn bảo rằng Thiên Chúa đã mạc khải cho Ximông về nguồn gốc của ngài. Rồi ngài

tiếp tục nói, “Này Ximông, anh là đá, và trên viên đá này tôi sẽ xây dựng giáo hội của tôi là cộng đoàn các môn đệ. Cửa hoả ngục không thể lay chuyển nó được. Và tôi sẽ cho anh chìa khoá nước Trời. Những gì anh cầm buộc dưới đất, thì tôi cũng sẽ cầm buộc trên trời; những gì anh cởi trói dưới đất, thì cũng sẽ cởi trói trên trời.”

Đó là những lời tuyên bố rất mạnh mẽ và rõ ràng. Đức Giêsu trao cho các môn đệ, và đặc biệt là Phêrô, trọng trách trao sứ điệp của ngài cho đến tận thế. Đó là quyền bính. Trong lời tuyên bố cuối cùng với Phêrô mà ngài đổi tên là Ximông, có nghĩa là đá, khi ông được Thiên Chúa mạc khải về nguồn gốc của ngài. Ngài không bảo với ai hết đứng gần đó nhưng chỉ với Phêrô, rằng Cha của ngài sẽ hướng dẫn và bảo vệ những lời giáo huấn của ngài một cách đặc biệt.

Khi đọc các bản văn trên, người ta không thể không đi đến kết luận rằng đức Giêsu đã hứa sẽ mãi mãi ở với cộng đoàn những người tin theo ngài, và một cách đặc biệt, với những ai kế vị các môn đệ để dạy dỗ và hướng dẫn cộng đoàn đó.

Các sách Phúc âm ghi lại những khó khăn mà đức Giêsu gặp phải khi đương đầu với quyền bính của các kinh sư và người Pharisêu. Như thế thì ngài sẽ ban cho các môn đệ và những người kế vị các ông loại quyền bính nào? Ngày kia đức Giêsu và các môn đệ đi trên đường, có lẽ qua một cánh đồng trống. Hình như ngài đi xa xa đằng trước, vì lẽ nếu ngài đi gần thì các ông đã không đề cập đến vấn đề sau đây. Các ông cãi nhau xem ai trong các ông là người có quyền nhất. Giacôbê và Gioan nói, ỏĩDĩ nhiên là chúng tôi có quyền nhất, vì chúng tôi là người họ hàng, mẹ của ngài và mẹ chúng tôi là chị em. Mẹ của chúng tôi sẽ xin cho chúng tôi chỗ nhất nhì trong vương quốc”.

Các ông khác cũng hùng hồn tranh luận về chỗ danh dự. Phêrô lớn tiếng cãi: “Này các anh ơi, các anh cứ nghĩ bà con họ hàng là nhất, các anh không nghe ngài tuyên bố với tôi bữa trước sao, “Phúc cho anh, Ximông, con ông Gioan. Anh là Đá, và trên viên đá này tôi sẽ xây dựng giáo hội của tôi mà cửa hoả ngục không lay chuyển nổi. Tôi ban cho anh chìa khoá nước Trời. Những gì anh cầm buộc dưới đất thì trên trời cũng sẽ cầm buộc; những gì anh cởi trói dưới đất thì trên trời cũng sẽ cởi trói.”

Dường như đức Giêsu đi chậm lại để các ông theo kịp, rồi ngài hỏi các ông, “Anh em nói gì với nhau?”. Câu hỏi rất tế nhị nhưng đầy uy quyền. Nó có vẻ mỉa mai nhưng lại nghiêm túc. Ngài bèn nói:

“Người thế gian thì thích làm chủ tôi tớ và xem mình quan trọng. Còn anh em thì không nên làm thế. Ai trong anh em muốn làm kẻ nhất thì hãy phục vụ cho mọi người”. Đó là loại quyền bính gì? Chắc hẳn không phải loại quyền bính mà các môn đệ đang nghĩ đến. Các ông muốn có quyền hành. Các ông thích nắm quyền, nhưng đức Giêsu làm cho các ông rối rắm. “Tại sao ngài phải làm khác với mọi người? Ai còn xem ngài ra gì? Chúng ta không thể hiểu được ngài. Ngài sống khác qua”.

Đọc lại các sách Phúc âm, các bạn sẽ thấy đức Giêsu có thi hành quyền bính, nhưng là một loại quyền bính độc đáo, đó là quyền bính trên tà ma và bệnh tật. Ngài chữa bệnh, dỗ dành, ủi an, phục sinh người chết, cho người mù thấy được. Đó là sức lực, là uy quyền. Nhưng đặc biệt nhất là ngài dạy dỗ với uy quyền, không phải bằng đe dọa hay bắt nạt tâm trí, nhưng làm cho chân lý sáng tỏ hơn mà cho đến bây giờ không ai làm được. Nhất là ngài dạy dỗ bằng chính đời sống và gương mẫu của ngài. Tất cả con người và thái độ của ngài nói lên uy quyền và dân chúng tin theo, điều đó đe dọa quyền bính của linh mục thượng phẩm, nên các viên chức đòi phải có thái độ đối với ngài. Đó là loại quyền bính mà đức Giêsu muốn các môn đệ của ngài có, một loại quyền bính dịu hiền dễ khắc phục bằng chính sức lực nội tại của sứ điệp. Đức Giêsu rất quyền phép, nhưng không bao giờ ngài dùng thủ đoạn đàn áp để thuyết phục dân chúng. Kitô giáo sẽ tốt đẹp biết bao, nếu những người lãnh đạo biết noi gương khiêm nhường, hiền hậu và nhã nhặn của đức Giêsu khi thi hành quyền bính. Nếu ai trong nhóm không hiểu được ngài, bạn có nghĩ rằng đức Giêsu bảo họ, ỏĐi cho rảnh mắt, đồ rối đạo, không được theo ta nữa.Ồ Tôi chắc chắn ngài sẽ tìm cách giúp người đó để lôi kéo họ về với ngài.

Mặc dù đức Giêsu dành nhiều thời giờ để dạy các môn đệ về quyền bính, nhưng bạn không khỏi có cảm tưởng rằng ngài vẫn nghĩ các ông chưa hiểu phải thi hành vai trò của các ông như thế nào. Vì thế, sau bữa tiệc ly, ngài đứng dậy khỏi bàn tiệc, cởi áo choàng ra, lấy một bình nước và khăn lau rồi quì xuống mà rửa chân cho các ông, làm cho các ông kinh hãi và hổ người. Chưa bao giờ các ông lấy làm hổ người như thế. Khi đến trước mặt Phêrô, ngài không thấy chân của ông ở đâu vì ông rút chân lại. “Không được, không được. Thầy không nên rửa chân tôi!”. “Được, được, Phêrô ạ. Nhưng nếu tôi không rửa chân cho

anh thì anh không thuộc về tôi". "Nếu thầy nhất định làm, thì xin rửa luôn cả tay lẫn chân tôi." "Phêrô, đừng ngớ ngẩn. Đưa chân đây."

Rồi ngài ngồi trên hai gót chân, vắt khăn lau trên cánh tay và đặt hai tay lên đùi mà nhìn thẳng các môn đệ. "Các anh gọi tôi là Chúa là Thầy. Đúng vậy. Nếu tôi là Chúa là Thầy mà quì xuống rửa chân cho anh em, thì anh em cũng nên làm cho nhau như thế". Ngài còn cố làm cho các ông hiểu thế nào là quyền bính và biết ngài muốn họ xử dụng nó thế nào khi thời lúc đến, mà thời lúc đó cũng không còn xa lắm.

Dĩ nhiên là ngài không muốn bảo họ phải thực sự rửa chân cho nhau, nhưng là làm những việc nhỏ nhặt để phục vụ đoàn chiên, chứ không phải cai trị như các quan tước thế gian ban hành sắc luật và hình phạt nặng nề, nếu ai không tuân giữ. Đức Giêsu thi hành quyền bính một cách khiêm tốn nhưng lại rất hữu hiệu. Thực vậy, khi kẻ có quyền mà lại khiêm tốn và nhân hậu thì dân chúng nghe theo. Khi đức Gioan XXIII làm giáo hoàng, có một số bạn bè Do Thái và Tin lành nói với tôi: "Ngài không chỉ làm giáo hoàng cho cha, nhưng cho chúng tôi nữa". Họ yêu mến ngài. Thật là kỳ lạ khi những người không cùng tôn giáo với chúng ta lại muốn công nhận đức giáo hoàng. Khi giáo hoàng khắc nghiệt, hung dữ và hiếu thắng thì họ cảm thấy bị chàm. Các vị giáo sĩ này thường đọc và bàn thảo văn tự của đức Gioan XXIII trong nhà thờ và nguyện đường của họ. Họ cảm thấy gần gũi với ngài. Khi quyền bính được áp dụng cách khắc nghiệt thì dân chúng xa lánh. Tôi thấy có nhiều người bỏ Giáo hội, nhiều người có thiện chí lại xa lánh Giáo hội, vì lý do lạm dụng quyền hành trong Giáo hội hơn là vì nghe theo lý thuyết của một thần học gia vô danh mà đa số dân chúng không bao giờ nghe nói cho đến khi đọc thấy trên sách vở hay báo chí.

Dẫu vậy, đức Giêsu cũng đã ban quyền cho các môn đệ và những người kế vị các ông. Phêrô vẫn còn được chúng ta tôn trọng. Ông là thành phần trong gia sản mà đức Giêsu để lại cho chúng ta. Nếu muốn trung thành với đức Giêsu và Thánh Kinh, chúng ta phải tôn trọng Phêrô và xét lại thái độ của chúng ta đối với ông trong thời đại này.

Đức Giêsu thành lập giáo quyền để duy trì sứ điệp của ngài. Nhưng Ngài cũng ban cho những ai theo ngài được tự do theo Thánh Linh hướng dẫn. Như thế thì không thể có mâu thuẫn giữa quyền bính và tự do vì Giêsu ban cho cả hai, nhưng phải tôn trọng lẫn nhau.

Làm thế nào để hưởng cái tự do mà đức Giêsu ban cho? Trước tiên chúng ta phải tìm hiểu chính bản thân mình, phải tin tưởng thật sự

và hiểu biết tường tận lòng tin. Có lúc gặp những tình trạng khó xử mà chúng ta phải quyết định lựa chọn, như trường hợp của chủ nhân một cơ xưởng lớn sau đây. Công việc làm ăn tốt nhưng gặp phải giai đoạn khó khăn. Sa thải bớt nhân viên là giải pháp tốt để qua cơn sóng gió mà sống còn. Sau nhiều đêm mất ngủ, cầu nguyện và tự vấn lương tâm, ông quyết định cắt bớt nhân viên để cho công ty đứng vững. Khi vị giáo sĩ của ông nghe biết câu chuyện bèn đến gặp ông và bảo ông rằng làm như thế là vô luân, vì sẽ gây đau khổ cho biết bao gia đình và cá nhân. Ông chủ miễn cưỡng nghe lời vị giáo sĩ. Một năm rưỡi sau đó, công ty tuyên bố phá sản và tất cả nhân viên mất việc.

Như vậy ông có nên để cho vị giáo sĩ quyết định giùm cho không? Có nhiều trường hợp tương tự mà chúng ta phải lựa chọn giữa ý kiến của các người lãnh đạo tôn giáo và quyết định cá nhân mình? Khi đến trước tòa Chúa, chúng ta phải trả lẽ về những quyết định của mình. Ngài ban cho chúng ta trí thông minh và sự tự do để quyết định. Chúng ta không nên giao trách nhiệm ấy cho ai dù họ ở địa vị nào. Chúng ta sẽ chịu đoán xét về những việc mình phải làm, chứ không phải do ai bảo phải làm.

Tuy nhiên Thiên Chúa ban quyền bính cho Giáo hội. Giáo hội có vai trò gì trong những quyết định của chúng ta? Khi gặp khó khăn, chúng ta nên khảo vấn lương tâm và cầu nguyện. Nếu gặp những vấn đề phức tạp thì tốt nhất là tra cứu cẩn kẽ và tham khảo ý kiến những kẻ hiểu biết và đáng tin cậy có cái nhìn khách quan. Nếu Giáo hội có dạy về vấn đề đó, thì nên học hỏi và tín cẩn nghe theo. Nếu chúng ta chấp nhận một cách lương thiện những gì Giáo hội dạy, thì nên theo đấy mà hành động. Tuy nhiên nếu gặp phải vấn đề quá phức tạp hơn là những gì Giáo hội dạy bảo, thì chúng ta phải tự quyết định lấy. Thiên Chúa thường hướng dẫn chúng ta trong những trường hợp như thế khi chúng ta thành khẩn cầu xin với tấm lòng cởi mở. Sau khi cầu nguyện và tự vấn lương tâm, chúng ta phải lựa chọn những quyết định mà chúng ta thấy mình phải làm và xin Thiên Chúa phù trợ.

Nếu những quyết định đưa đến kết quả tốt lành, thì tạ ơn Chúa. Nhưng nếu có sai lầm thì phải hiểu rằng sự tự do và trách nhiệm của chúng ta cũng cho chúng ta quyền làm lầm lỗi một cách lương thiện và sau đó sửa chữa lầm lỗi. Tôi nghĩ rằng đó là cách thức tốt đẹp nhất để kính trọng sự tự do cá nhân do Thiên Chúa ban cho và quyền bính mà Ngài ban cho Giáo hội.

Khi trở thành giáo sĩ, tôi thường tự vấn lương tâm. Sau đó vài tuần, tôi quyết định phải hoạt động thế nào. Vào một cuối tuần, tôi bảo giáo dân rằng tôi sẽ để họ tự quản trị cộng đồng. Tôi nghĩ rằng họ đã tham gia vào nhiều dự án và ủy ban trong phố, và một số người lại điều hành công việc thương mại tư. Như thế họ cũng có thể thành lập một ủy ban giáo xứ và hoạt động mà không cần đến tôi. Tôi bèn giao giáo xứ lại cho họ và nói rằng tôi không phải là ông chủ bảo họ phải làm gì.

Chúng tôi xây dựng một xứ đạo đáp lại nhu cầu của cộng đoàn. Chúng tôi thành lập nhiều ủy ban, trong đó có ủy ban tài chánh, ủy ban giáo lý, ủy ban tương trợ người nghèo, ủy ban hoạt động với người giàu, ủy ban xây cất, ủy ban trợ giúp người già, ủy ban thăm viếng bệnh viện, ủy ban giúp đỡ những người mãn tù và cần công ăn việc làm, ủy ban hoạt động với anh chị em Tin Lành, ủy ban hoạt động với các bạn Do thái, và nhiều ủy ban khác tùy theo nhu cầu của dân chúng.

Tôi bổ nhiệm chủ tịch các ủy ban, vì kinh nghiệm cho tôi biết có rất nhiều khó khăn trong việc bầu cử các viên chức trong giáo xứ, vì họ phải làm vừa lòng những ai bầu họ. Tôi bảo các ủy ban rằng cộng đồng không nằm trong khu đất nhà thờ, vì thế tôi không muốn họ hội họp trong những dãy nhà của nhà thờ. Họ phải hội họp trong nhà của họ. Tôi cũng không đi họp. Họ phải quyết định lấy những gì cần. Còn tôi chỉ đồng ý với những quyết định của họ. Trong sáu năm làm việc ở đó, tôi không chống lại một quyết định nào của họ cả, nhưng chỉ đưa ý kiến nếu thấy cần.

Tôi rất ngạc nhiên khi thấy dân chúng trưởng thành và tận tụy. Họ thực hiện những công việc tốt đẹp như việc sau. Chính phủ làm công lộ qua đất nguyện đường Do thái địa phương, nhưng tiền bồi thường không đủ để xây một nguyện đường khác. Hội đồng giáo xứ bèn biểu quyết lạc quyền để xây lại nguyện đường. Người Do thái rất vui lòng, mặc dù họ không cần đến sự giúp đỡ trên, vì một số người trong cộng đoàn Do thái ứng tiền ra xây cất. Khi nguyện đường được xây cất, giáo sĩ Do thái mời tôi diễn thuyết lễ khánh thành. Đó là một nguyện đường Do thái Chính thống. Trong bài diễn thuyết tôi có nhắc đến sự hợp tác giữa hai cộng đoàn trong những năm qua, và tôi ước mong một ngày nào đó tôi sẽ là thành viên của nguyện đường vừa làm giáo sĩ phụ trách họ đạo của tôi, cũng như ai trong cộng đoàn Do thái cũng có thể làm thành viên của xứ đạo chúng tôi vừa chính thức là thành viên của nguyện đường. Nghe thế, mọi người nhiệt liệt tán thưởng. Sau buổi lễ



có hai giáo sĩ Do thái đến gặp tôi mà bảo: "Ý kiến thật tốt đẹp. Tại sao không thực hiện được." Nói là làm. Tôi bèn đến trình bày ý kiến đó với giám mục, rồi viết đơn gửi đến khâm sứ tòa thánh tại Hoa Thịnh đốn. Ngài chuyển đơn của tôi lại cho giám mục trong hội đồng giám mục Mỹ phụ trách liên lạc với cộng đồng Do thái. Vị giám mục này không thấy có rắc rối gì và nói rằng đề nghị của tôi không có gì mâu thuẫn và chúng tôi có thể tiến hành công việc.

Giáo dân của tôi cũng liên lạc mật thiết với cộng đoàn Lutêran trong phố. Chúng tôi hợp tác với nhau trong nhiều công việc, cử hành lễ nghi phụng vụ với nhau, và xin giám mục đôi bên ban phép thêm sức cho con em trong nhà thờ của đôi bên.

Ngày áp lễ Giáng Sinh ông già Noel đi xe trượt tuyết qua giáo xứ chúng tôi, xe ông chất đầy quà do một cặp vợ chồng Do thái dâng cúng. Thật là náo nhiệt. Đường xá trong khu phố hẻo lánh của chúng tôi đầy trẻ em, phụ huynh và bà lão sốt ruột chờ ông già Noel đi xe đến. Khi thấy xe ông đến, trẻ em nhảy nhót hát bài ỏJingle Bellsỏ, còn một số người khác thì la lên "Ông già Noel, ông già Noel" khi xe ông trượt xuống con đường phủ tuyết. Các bà lão hình như còn phấn khởi hơn trẻ em! Hình như ông già Noel có một chỗ đứng trong lòng mọi người bất cứ ở lứa tuổi nào...

Mặc dù tôi đã giao xứ đạo lại cho giáo dân, nhưng tôi thấy rằng tôi có nhiều quyền hành hơn là những vị giáo sĩ quản trị cách nhiệm nhặt. Dân chúng rất nể tôi mà không làm cho tôi lo lắng hay buồn phiền. Ngoài ra, tôi được hoàn toàn tự do linh hướng dân chúng, đem Giêsu đến cho những thành phần khác trong cộng đồng, và thực hiện được nhiều điều hơn là tự tay quản trị giáo xứ. Đó là một tấm gương tốt cho tôi thấy rằng tôn trọng tự do của dân chúng cũng như tôn trọng quyền bính của Giáo hội vẫn có thể cùng phát triển cách tốt đẹp và một cách hữu ích, bởi vì Thánh Linh được để cho tự do hoạt động.

Đôi khi quá trình ra quyết định gồm có những vấn đề mà Giáo hội phải trực tiếp nhúng tay vào, như văn tự về phụng vụ hay thần học. Trong những vấn đề này Giáo hội có quyền và có bổn phận phải dạy dỗ và cung ứng chỉ đạo cho dân chúng.

Những vấn đề này, cho dù rất tế nhị, cũng có thể giải quyết theo tinh thần của Giêsu. Đôi khi có những nhà thần học dùng địa vị của mình ở những đại học công giáo mà đưa ra những ý kiến đi ngược lại với Giáo hội. Đó là điều đáng tiếc, bởi vì họ ký kết dạy thần học công

giáo nhưng lại gây nên khủng hoảng vì lạm dụng địa vị của mình. Giáo quyền bấy giờ buộc lòng phải hành động.

Tuy nhiên cũng có những nhà thần học đáng tin cậy đưa ra nhiều ý kiến hay, mặc dù họ đề nghị những đường lối khác để hiểu giáo lý. Có khi họ đề nghị giáo quyền nên xét lại môn giáo lý nào đó. Họ là những người không những thánh thiện, chân thành và trung tín, nhưng còn được Thánh Linh soi sáng. Đôi khi họ bị các viên chức của Giáo hội đối xử một cách tàn tệ. Hành động này gây nên gương xấu và làm hại đến thanh danh của Giáo hội. Tôi không bao giờ quên lúc tôi còn là sinh viên thần học ở Hoa Thịnh Đốn. Giáo sư là cha Gioan Courtney Murray. Cha đưa ý kiến rằng Giáo hội có thể hoạt động cách dân chủ. Tuần lễ sau đó một nhà thần học khác lên tiếng nhạo báng cha Murray. Sau đó không lâu Hồng Y Ottaviani, trưởng Thánh Bộ Đức Tin, cấm cha Murray không được phát biểu nữa. Vài năm sau đó khi công đồng Vatican II họp, cha Murray được mời làm nhà chuyên môn về thần học, và ý kiến của cha về Giáo hội hoạt động cách dân chủ được chấp nhận như là giáo huấn chính thức của Giáo Hội Công giáo. Tại sao người ta lại không chấp nhận ý kiến của cha ngay từ lúc đầu?!

Hy vọng rằng các nhà thần học nên tế nhị một tí về đức tin của dân chúng khi các vị đưa ra những ý kiến khác với những gì giáo dân đã được dạy về đức tin, bằng không các vị sẽ làm hại đến đức tin đơn sơ của dân chúng. Nhưng người ta cũng hy vọng rằng các viên chức Vatican có trọng trách bảo vệ đức tin cũng nên tôn trọng trí thông minh và tự do của những người chân thành. Tại sao không ngồi lại với nhau để bàn thảo về những vấn đề khó khăn và giải thích chúng thế nào để cho dân chúng dễ dàng chấp nhận? Toàn thể Giáo hội và những người có thiện tâm không khỏi lo âu khi quyền bính được áp dụng một cách thô thiển và không giống tí nào thái độ tế nhị của đức Giêsu.

Bởi vì Thánh Linh ban tự do cho con người và ban quyền bính cho Giáo hội, thế thì tốt đẹp biết bao khi giáo phẩm, các giảng sư và tác giả tôn trọng lẫn nhau và cố gắng cùng hoạt động một cách nhã nhặn trong tinh thần Kitô để đi đến một giải pháp lành mạnh cho những vấn đề khó khăn. Không nên có thái độ hách dịch và nhỏ nhen nơi những người đại diện cho Giêsu. Đó là điều làm cho đức Giêsu rất đau lòng trước khi ngài chết, và khiến ngài rửa chân cho các môn đệ để dạy các ông phải khiêm tốn và kính trọng những phần tử bé nhỏ trong cộng đồng.



## Chương mười một

### Vị cứu tinh nhân hậu đem hồng ân đến

Sách Phúc Âm ngụy kinh Tôma cũng như sách Phúc âm về thời thơ ấu của đức Giêsu ghi lại nhiều giai thoại về trẻ Giêsu, về ngài làm việc với Giuse ở xưởng thợ mộc, về Maria dạy ngài học Thánh Kinh, và về nhiều chi tiết khác ít đúng với sự thật. Đức Giêsu đến trần gian để “nên giống như chúng ta về mọi phương diện trừ tội lỗi”, vì thế chúng ta cũng nghĩ rằng ngài cũng phải học hỏi như chúng ta. Dĩ nhiên là khả năng tri thức của ngài rất cao vởi nên ngài hiểu được mọi việc cách mau lẹ và khó quên. Lúc lên mười hai tuổi ngài làm cho các người lãnh đạo tôn giáo ở đền thờ phải thán phục về sự thông biết Thánh Kinh và sự khôn ngoan của ngài. Cả đến ngày nay, khi nhìn lại đời sống của ngài, người ta không khỏi thán phục sự hiểu biết về Kinh thánh của ngài. Ngài trích dẫn Kinh Thánh cách dễ dàng, ngài cũng giải thích Kinh thánh với tầm hiểu biết sâu xa khi ngài đương đầu với các kinh sư và người Pharisêu.

Kinh Thánh làm dồi dào không những đời sống thiêng liêng của đức Giêsu nhưng cả đời sống thường nhật của ngài. Không phải ngài trích dẫn Kinh Thánh suốt ngày, nhưng đời sống thường nhật của người Do thái thấm nhuần lề luật tôn giáo, vì thế người Do thái phải biết Kinh Thánh cũng như chúng ta biết luật đi đường vậy.

Mặc dù thấm nhuần Kinh Thánh, nhưng đức Giêsu không bao giờ dạy các môn đệ phải thêm thắt Kinh Thánh hay viết Kinh Thánh mới, hoặc viết ra những lề luật hay thông lệ mới. Ngài không bao giờ dạy họ như Cha của ngài dạy Maisen trên núi Sinai những điều để lưu truyền lại cho các thế hệ tương lai, hoặc như cách thế Cha của ngài nói với các ngôn sứ khi ngài muốn các ông chuyển lại sứ điệp của ngài cho dân chúng. Khi tụ họp các môn đệ, đức Giêsu dạy họ bằng dụ ngôn hoặc bằng ngôn ngữ bình dân những gì bổ ích cho dân chúng. Cả đến khi gặp gỡ ít bạn bè, ngài cũng bảo họ những gì ngài quen thuộc. Ngài chia xẻ đời sống của ngài một cách rất thân mật và riêng tư với những người theo ngài. Ngài bảo dân chúng rằng Cha của ngài muốn họ làm con cái và bạn hữu. Khi Kitô giáo trù lên cơ cấu tổ chức của mình cái xa hoa

của triều đình vua chúa, thì nó trở thành xa lạ với tâm trí và tinh thần của đức Giêsu. Đức Giêsu biết mình là vua, nhưng ngài không muốn dân chúng xem ngài là vua. “Hãy đến với tôi, hãy nhả những ai mệt mỏi vì gánh nặng, tôi sẽ bổ sức lại cho, bởi vì tôi hiền lành và khiêm nhượng”. Đức Giêsu muốn tình bằng hữu của dân chúng, và ước mong họ liên kết mật thiết với Cha của ngài, “Hãy gọi ngài là Abba, là Cha”. (Abba có nghĩa là “Bố”). Xem đây, đức Giêsu muốn tôn giáo của chúng ta được tự nhiên. Những tổ chức giả tạo của tôn giáo hình như không có ý nghĩa gì lắm đối với đức Giêsu. Ngài chỉ muốn dân chúng chia sẻ đời sống của ngài, của Cha ngài và Thánh Linh. Chúng ta không thiết lập một tổ chức khi muốn làm bạn với ai. Đó là lầm lỗi của các tôn giáo. Các viên chức sáng chế ra những tổ chức rườm rà đè trên đời sống bình thường của dân chúng. Đó là lý do tại sao dân chúng gặp khó khăn đối với tôn giáo. Họ cảm thấy họ không còn là họ, nhưng phải trở thành những gì không phải là họ, phải mặc y phục đặc biệt, hoặc để tóc dài, không nên ăn một số món ăn nào đó, phải tuyên thệ những điều không thích hợp với bản thân, phải tin những gì xem ra trái nghịch với trí thông minh, hoặc phải tuân giữ vô số những phong tục tập quán hay kinh nguyện. Chính vì thế mà ỏLỗi lối mới của đức Giêsu thật là đẹp đẽ, vì nó chấp nhận lối sống bình thường của dân chúng, một lối sống với con tim mới, tinh thần mới và viễn tượng mới. Đó chính là tất cả những gì Thiên Chúa muốn. Chỉ khi nào các người lãnh đạo tôn giáo hiểu như thế, thì tôn giáo sẽ trở thành lành mạnh và thu hút mọi người.

Vì thế chúng ta thấy đức Giêsu dùng những dụ ngôn bình dân và những câu chuyện trong đời sống. Ngài nói cho biết những giá trị và viễn tượng của ngài về cuộc sống phải như thế nào. Chúng ta còn nhớ khi ngài đến Bêtani lúc Ladarô chết. Khi ngài xuất hiện, cô Mátta trách ngài không đến sớm hơn. Đức Giêsu an ủi cô và bảo cô rằng Ladarô sẽ sống lại. Mátta trả lời, ỏTôi biết nó sẽ sống lại trong ngày tận thế.Ồ Điều đó chứng tỏ Giêsu đã có lần nói với họ về những gì sẽ xảy ra trong ngày cuối cùng, về người chết sống lại mà họ chưa từng nghe nói.

Điều đáng ngờ ngàng là cách thức thuần túy đơn sơ của Lối Sống Mới. Không vênh vang, không rùm beng, không họp kín với những người được tuyển chọn để đưa ra những điều cực kỳ nghiêm trọng cho đám dân đang run rẩy chờ đợi. Lễ luật, ngôn sứ và tổ chức chỉ để chuẩn bị ngày Giêsu đến. Giờ đây ngài đã đến, những biểu hiện trước chỉ còn cần để nhắc nhớ hay đem hy vọng cho những ai còn mong đợi. Những

lễ tế súc vật phải nhường chỗ cho Con Chiên đích thật của Thiên Chúa hiện diện nơi Đền Thờ. Chính Con Chiên này mang lại ý nghĩa cho tất cả mọi lễ vật. Vì rằng làm sao tế một con vật mà có thể đền tội cho nhân loại? Chính Con Chiên đích thật, Con của Thiên Chúa, mới mang lại ý nghĩa cho những gì đã xảy ra trong dĩ vãng.

"Đây Chiên Thiên Chúa, đáng gánh tội trần gian," Gioan tuyên bố như thế khi được Thánh Linh soi sáng.

Đức Giêsu rao giảng sứ điệp hy vọng, tự do và cứu rỗi. Ánh Sáng thế gian là đức Kitô đã chan hoà rọi chiếu tình yêu của Thiên Chúa cho một thế giới đang mất niềm tin. Ngài đã thu kết dân ngài thành một cộng đồng mới, một cộng đồng không còn mang dấu vết cơ cấu những luật lệ phức tạp, những cấm kỵ, những lễ nghi đè nặng trên đời sống của dân chúng. Họ chuẩn bị ngày ngài đến, họ là một tổ chức, là phương thế truyền đạt điều ngài dạy bảo. Khi ngài đến, ngài đã phải tu bổ lại toàn diện, quân bình lại toàn thể thế giới mà tinh thần đã bị lũng loạn do Adong và Eva khi hai ngài quyết định đưa gia đình nhân loại theo một quá trình độc lập với Đấng Sáng Tạo. Các ngài đã làm cho con cháu mất đi sự thân thiện với Thiên Chúa trong vườn địa đàng. Các ngài đã xúc phạm Thiên Chúa. Các ngài cũng như con cháu không bao giờ có thể chuộc lỗi cho sự xúc phạm tày trời này. Chỉ có một đáng vừa là thần linh vừa là nhân loại mới có thể làm được, và ngài đã chuộc tội bằng chính cái chết của mình mà ngài đã tự nguyện hiến dâng để cứu công cuộc sáng tạo yêu quý của Cha ngài khỏi quyền lực ác tà.

Giải phóng dân chúng là mục đích chính của đức Giêsu. Dem họ về lại gia đình của Cha ngài là một phần của ân sủng đó. Cách thức đức Giêsu làm chứng tỏ một tài năng phi thường. Đó là một nghi thức đơn sơ, không đau đớn không đổ máu, chỉ rửa trong nước, như đọc thấy trong một tài liệu cổ Đidakê gọi là *Giáo Lý Của Các Tông Đồ*. Qua nghi thức đơn sơ này đức Giêsu, như là đáng Cứu rỗi, ban đời sống của Thiên Chúa cho người chịu rửa, dem họ là con cái Adong-Eva về lại với gia đình của Thiên Chúa, để mãi mãi thông phần đời sống của ngài trong vương quốc của ngài. Thánh Phêrô nhắc đến phép rửa như là một cuộc tái sinh, vì người chịu rửa được chia xẻ đời sống của Thiên Chúa, từ tình trạng một thụ tạo trở thành con cái của Thiên Chúa, với quyền thừa kế người Cha là Vua và là Chúa của toàn thể vũ trụ.

Đức Giêsu nhận thức rằng cuộc sống mà ngài đang chia xẻ thật là mỏng dòn và dễ đổ vỡ, vì thế ngài ban cho các môn đệ quyền hòa giải

những ai lạc đường và hủy hoại sự liên kết với Thiên Chúa, quyền xúc dầu và chữa lành những người bệnh tật cả thân xác lẫn tâm hồn. Ngài cũng ban cho các môn đệ một bữa ăn để nuôi dưỡng đời sống thần linh và sống mật thiết với ngài. Bữa ăn huyền nhiệm nhưng thật sự này chính là “thịt và máu của ngài để nuôi dưỡng thế gian”. Ngài cũng hứa với những ai theo ngài rằng khi họ chấp nhận tình bằng hữu với ngài, thì ngài và Cha của ngài sẽ đến sống trong họ. Như thế ngài và Cha của ngài sẽ cảm thông với người yếu đuối, què quặt. Làm thế nào Thiên Chúa có thể thiết lập tình bằng hữu mật thiết với con người? Đó là mầu nhiệm tình yêu của ngài. Đức Giêsu đến để mạc khải cho chúng ta mầu nhiệm này, nhưng nó cao vời quá mà tâm trí chúng ta không hiểu được. Thật là kinh hãi khi nghĩ đến việc Thiên Chúa nâng chúng ta từ tình trạng vô vọng chán nản đến tình trạng kỳ diệu và kinh hãi khi chúng ta suy đến sự tốt lành của ngài. Hãy nghĩ đến tình trạng tồi tàn, nghèo hèn của chúng ta mà thốt lên mắt ngấn lệ trước sự kỳ diệu này, “Thiên Chúa yêu thương tôi. Tôi không biết tại sao. Tôi không làm gì để được xứng đáng, nhưng ngài lại yêu tôi. Thiên Chúa thật là kỳ diệu!”.

Việc Thiên Chúa sống trong con người là nền tảng của nền thần bí mà chúng ta thấy nơi nhiều thánh nhân, và ai cũng có thể được ân huệ này nếu thành tâm đến với Thiên Chúa. Đó là sự phát triển tự nhiên của đời sống thần linh được ban cho lúc lãnh nhận phép rửa, nếu đời sống đó được nuôi dưỡng. Rất tiếc rằng ít khi các giáo sĩ dạy về đời sống thần bí này mà ai cũng có thể có được và cũng không dạy cách thức để chúng ta chuẩn bị chính mình. Chúng ta cũng có thể biết về đời sống thân mật với Thiên Chúa khi đọc hạnh các thánh. Nếu không đọc hạnh các thánh, chúng ta mất đi nhiều nguồn cảm hứng và hướng dẫn thực tế. Các thánh nhân được Thiên Chúa ban nhiều ân sủng, vì thế chúng ta có thể học hỏi nơi các vị. Các vị thường được xem là mẫu mực cho giới trẻ. Rất tiếc là ngày nay trẻ em không còn có được dạy nguồn cảm hứng nơi các thánh mà chỉ say mê các thần đồng thể thao.

Sống thân mật với Thiên Chúa là nguồn sức mạnh của con người Giêsu. Nó phát sinh từ đời sống cầu nguyện mà ngài luôn nuôi dưỡng. Đó là bí quyết sống mật thiết với Thiên Chúa: cầu nguyện liên lỉ và chia sẻ tư tưởng và cảm xúc giữa linh hồn và Thiên Chúa. Sau một thời gian, đời sống của con người sẽ thay đổi. Đó là lối cầu nguyện liên kết linh hồn với Thiên Chúa và mở rộng tâm hồn đón nhận sự khôn ngoan

và hiểu biết của Thiên Chúa. Đó là điều chúng ta học hỏi được nơi đức Giêsu, và hiểu biết đời sống nội tại của các ngài.

Rất nhiều lần trong Phúc âm chúng ta thấy đức Giêsu ở một mình. Chính những lúc đó ngài sống gần gũi với Cha ngài và tìm được sức mạnh. Nhưng những trường hợp này lại xảy ra thường xuyên làm cho chúng ta thắc mắc có những lý do nào khác mà ngài cần ở một mình. Ngài có cô đơn không? Hay là ngài chỉ thích an bình và yên lặng? Ngài có cần tránh xa dân chúng không?

Nhưng đức Giêsu thì khác. Mặc dù ngài yêu thương các môn đệ, nhưng chắc hẳn các ông không thoả mãn được cái nhu cầu có bạn bè của ngài. Ngài rất thông minh, tâm trí ngài rất bén nhạy như tia sáng, ngài có một đời sống tình cảm nồng nàn và nhân hậu. Những điều ngài suy tưởng và quan tâm thì ngài không thể chia sẻ với ai. Ai hiểu ngài được? Ngài nhìn đến trời cao và thấy tận cùng thế giới bên kia. Ngài có thể chia sẻ với ai? Ai có thể hiểu ngài được? Vì thế khi lo âu, ngài cần ở một mình để liên lạc với Cha ngài và có lúc với các thiên thần.

Các môn đệ, dẫu ngài có yêu thương họ cách mấy, cũng không giải được phiền muộn mấy khi ngài cần đến. Trong lúc ngài gặp cơn khủng hoảng thì các ông lăn ra ngủ. Khi ngài sống với các ông, thì tâm trí các ông để ở những việc nhỏ mọn như ăn trưa thứ gì, hoặc là nếu theo ngài thì các ông lấy gì mà sống? Còn vợ con thì sao? Con cái thì sao? Tại sao ngài chọn người đó hợp tác với các ông? Tôi không chịu được ngài; bây giờ chúng ta lệ thuộc vào ngài suốt đời. Vì thế để tìm được an bình và yên lặng, đức Giêsu cần đi xa mọi người để ở một mình. Điều đó không có nghĩa là ngài cô đơn, trừ khi hiểu cô đơn là không có ai để chia sẻ tình yêu, để trút cả tấm lòng cho người có thể thông cảm được.

Tuy nhiên đức Giêsu có bạn bè. Mặc dù ngài là Thiên Chúa, ngài cũng có tình bạn thâm thiết. Chẳng hạn ngài cảm thấy thoải mái với Maria Mađalêna. Nghe hơi chướng tai, nhưng thực tình cô ta rất đầm ấm và có một tình yêu tha thiết. Rất ít có người có thể đáp lại tình yêu của đức Giêsu. Maria là một trong những người ấy. Cô có rất nhiều để cho. Một tình bạn rất tự nhiên khai triển giữa cô và đức Giêsu. Ladarô và các chị của anh là Maria và Mátta thuộc vào đám bạn hữu này. Họ không tha thiết bằng Maria Mađalêna, nhưng họ có nhiều thiện cảm, là nguồn an ủi và rất bình tĩnh. Họ luôn luôn có mặt khi ngài cần có bạn. Trong những dịp như thế, đức Giêsu có thể đàm



luận về sứ điệp của ngài trong bầu khí tự nhiên và thoải mái, trong khi những người Pharisêu có thiện chí cũng có thể tham dự mà không sợ các đồng bạn dò xét.

## Chương mười hai

### Thiên đàng

Khi đức Giêsu lên sườn đồi để ở một mình với Thiên Chúa, thì như là về lại nhà mà ngài đã ra đi khi đến trần gian. Thiên đàng rất có thực đối với ngài, như có lần ngài tiết lộ cho các môn đệ. Xem ra ngài nhớ nhà: "Phải chi họ biết nhà của tôi ra sao. Mắt chưa hề thấy, tai chưa hề nghe, trí khôn của loài người không thể tưởng tượng nổi những điều kỳ diệu mà Cha của tôi chuẩn bị cho những ai yêu mến ngài." Và trong một dịp khác ngài cũng nói: "Trong nhà Cha của tôi có nhiều chỗ, tôi đi dọn chỗ sẵn cho anh em."

Rõ ràng là lời hứa ban thiên đàng của đức Giêsu không phải là chỉ là giấc mơ, nhưng là một động lực lớn cho đời sống chúng ta. Cuộc sống thời đức Giêsu thật là u ám, vô vọng và vô nghĩa. Dân chúng không có tư tưởng gì về thiên đàng. Có người cũng đưa ra lý thuyết về thiên đàng, nhưng không chắc nó có thực. Các triết gia Hylạp và Lamã suy luận ra thiên đàng, nhưng đấy cũng chỉ là một giả thuyết. Người Dothái thì nói đến một nơi gọi là lâm bô, nhưng không chắc nó có thực hay là do trí tưởng tượng.

Đức Giêsu tuyên bố rằng ngài từ trời đến, từ nhà Cha của ngài. Đó là một lời mạc khải vĩ đại. Chỉ một lời tuyên bố đó cũng đủ để thay đổi cả vận mệnh của chúng ta. Chỉ có Thiên Chúa mới hứa nổi thiên đàng, và Giêsu đã làm thế. Nó không phải là điều chúng ta xem như là đương nhiên. Đó là nhà của Thiên Chúa. Đức Giêsu mạc khải thiên đàng, như thế nó rất xác thực. Ngài không phải là một người mơ mộng, cũng phải phải là người ưa vẽ vời những chuyện không có thực. Khi một con người có tầm mức quan trọng như ngài tuyên bố điều gì, thì người thông minh phải lắng nghe và xác nhận là đúng.

Có người nói nếu ai từ cõi chết sống lại và nói có thiên đàng thì họ mới tin. Nhưng có chắc họ sẽ tin không? Đôi khi người ta cũng nghe nói như thế ngay ở đám tang. Tôi không hiểu họ muốn bằng chứng gì nữa.

Tôi suy nghĩ mãi và đi đến kết luận rằng dẫu người chết có sống lại thì họ vẫn không tin. Họ sẽ trả lời, "Có thể người ấy chưa chết thật."

Có thể chỉ là một trạng thái tâm thần, một tình trạng tâm lý mà chúng ta chưa hiểu hết được. Có thể chỉ là một giấc mơ lúc ngừng sinh hoạt". Không cần phải lý luận dài dòng để thấy rằng câu trả lời trên là không xác đáng. Đức Giêsu rất trung thực, rất quân bình và thông minh. Ngài sẵn sàng chết vì sứ điệp của mình, chết vì Tin mừng ngài đem đến cho chúng ta. Tất cả những điều đó chứng tỏ rằng đức Giêsu có thể tin được. Vì thế khi gặp một người có tầm mức như đức Giêsu nói rằng: "Nếu bạn sẵn lòng vác thánh giá theo tôi, thì một ngày nào đó bạn sẽ sống với tôi trên thiên đàng" hoặc là: "Tôi sẽ đi dọn chỗ sẵn cho bạn, và tôi sẽ trở lại đem bạn đi cùng", thì bạn không làm sao mà không tin ngài.

Thiên đàng mà đức Giêsu nói đến và hứa cho những ai nghe theo ngài là gì? Ở đâu? Một phi hành gia từ không gian đánh điện về nói một cách mỉa mai rằng: "Chúng tôi đang ở xa ngoài không gian nhưng không thấy dấu vết thiên đàng nào cả". Mỉa mai làm sao! Thật là trẻ con khi có người nghĩ rằng có thể đi lên thiên đàng bằng phi thuyền!

Thiên đàng là gì? Có phải là một địa điểm không? Có xa lắm không? Làm sao đi đến đó? Đó là những câu hỏi chúng ta muốn đặt ra. Chúng ta chỉ nghe nói về Thiên đàng trong sách Tân Ước. Đức Giêsu nói về thiên đàng. Thánh Phaolô cũng đề cập đến, nhưng vẫn thôi. Thánh Phaolô nói rằng có lần ông được đem lên thiên đàng, với cả giác quan hay không, ông không biết. Lần đó ông được đem đến tầng trời thứ bảy. Lần khác ông được đem đến tầng trời thứ ba. Các tầng trời này có giống như nhà mà đức Giêsu nói đến không?

Trong sách Khải huyền, thánh Gioan Phúc âm nói đến một thiên đàng ông được mục kích. Đó là một chỗ thật sự, không giống với cái gì dưới trần thế, rất mực đẹp đẽ. Có đồi núi, có đồng cỏ, nhưng không giống với cái gì dưới trần thế, trông tuyệt mỹ. Có sông, có lạch, nhưng hình như không có nước mà chỉ có pha lê chảy. Có sinh vật ở đó, nhưng không giống cái gì dưới trần thế. Không lời lẽ nào diễn tả được, nhưng rất mực đẹp đẽ. Cũng có lâu đài, không phải làm bằng vật liệu trần gian, nhưng bằng vật liệu xem như ngà ngọc tỏa ánh sáng, không phải ánh sáng mặt trời, nhưng là ánh sáng phát xuất từ Thiên Chúa và chan hoà khắp vương quốc bao la. Tất cả đều trầm mình trong tình yêu nồng ấm của Thiên Chúa, phát ra từ ánh sáng đó. Thánh Gioan chỉ diễn tả được bấy nhiêu. Nhưng bạn cũng có thể hình dung và hiểu biết điều thánh nhân muốn diễn tả. Hãy nhìn vạn vật chung quanh chúng ta và

nhớ rằng đó chỉ là hình bóng thiên đàng. Rồi tâm trí bạn sẽ bắt đầu suy diễn.

Trời xanh, một màu xanh êm dịu và nhẹ nhàng. Nó không đen hay đỏ mãi. Bằng không, nó sẽ nhàm chán và làm cho phát điên. Rồi các đám mây bay nhẹ nhàng trên đại dương xanh; đôi khi có mây đen, nhưng thường là màu tùng lâm. Rồi bạn hãy nhìn mặt trời. Bạn sẽ bị loá mắt. Tất cả thật là đẹp đẽ, nhưng không là gì cả khi sánh với vẻ đẹp của thiên đàng.

Hoặc bạn đi qua những cánh rừng trong một ngày đẹp trời mùa xuân. Bạn vui thích xem hàng ngàn bông hoa nẩy nở từ đất lạnh cứng. Bạn ngạc nhiên trước cái huyền bí của sự sống phát sinh từ đất đầy tuyết lạnh. Bạn nghe chim trời ca hát như một dàn hoà tấu với những giọng ca vui vẻ. Bạn biết rằng Thiên Chúa muốn nói lên gì, ngài muốn đem đến một sứ điệp hạnh phúc cho những tâm hồn cần an bình. Và bạn nghe gió hiu hiu thổi qua cây lá. Nó nhắc nhở bạn đến Thánh Linh Thiên Chúa lắng vẳng trên đất và nước, mơn trớn mọi tạo vật, làm ấm lòng những ai lạnh lẽo và ủi an những ai tâm trạng bị căng thẳng. Và những con vật hài hước làm bạn nghĩ đến Thiên Chúa cũng hài hước.

Hoặc một ngày nào đó bạn đứng trên sườn đồi hay trong đồng cỏ khi mặt trời lặn. Nếu bạn có chút tâm hồn thi sĩ, bạn có thể xuất thần chìm đắm trong vẻ đẹp của vầng thái dương khi một biển màu sắc giải ra trước mắt bạn, cứ vài phút lại đổi màu tựa như nhìn không gian vô cùng tận trong ống kính vạn hoa. Và bạn nghĩ rằng đó cũng còn kém cái vẻ đẹp của nhà Thiên Chúa. Hoặc bạn đứng ở bờ đại dương nhìn sóng vỗ trên đá mà cảm nghiệm cái hùng vĩ và huy hoàng của đại dương. Hoặc bạn đứng bên thác nước Niagara mà ngắm phong cảnh hãi hùng khi nhìn hàng vạn tấn nước nổ tung trên các phiến đá bên dưới. . .

Có những kỳ công thật là ngoạn mục, nhưng bạn ý thức rằng không gì có thể sánh ví với vẻ đẹp huy hoàng của thiên đàng: những âm thanh trong thiên nhiên, những tiếng nước chảy, tiếng chim ca, tiếng kêu của đàn thú, âm thanh huyền bí trong đêm tối, tiếng lá xào xạc và tiếng nói của loài người. Rồi trong tâm trí bạn gọi lên những bản hoà tấu và âm thanh làm tâm hồn bạn mê mẩn. Nhưng bạn lại nghĩ rằng đó chỉ là hình ảnh những gì đang tồn trữ trên thiên đàng.

Rồi bạn cũng ý thức rằng nếu có phải thu nhặt tất cả những cảnh đẹp, những âm thanh huy hoàng trong vũ trụ mà gia tăng hàng triệu lần

đi nữa, thì cũng chỉ có được hình ảnh lu mờ của vẻ đẹp huy hoàng nơi Thiên Chúa ngự.

Có một linh mục tôi ở trọ với. Ông là một người tốt lành, rất bình dân. Ông tham gia thế chiến thứ hai trong ngành hải quân. Sáng hôm ấy ông kể lại giấc chiêm bao đêm hôm trước. “Tôi được đưa đến một nơi chưa từng thấy, một chỗ rất đẹp, lòng tôi rất vui sướng. Tôi nghe những âm thanh kỳ diệu, những sinh vật lạ lùng. Tôi muốn sống mãi ở đó”. Khi được hỏi nơi đó thế nào, ông chỉ đáp: “Tôi không diễn tả được vì suốt đời tôi không thấy gì giống như tôi thấy trong giấc chiêm bao. Không có lời lẽ nào diễn tả được. Tôi chỉ có thể nói rằng so với những gì tôi thấy trong giấc chiêm bao, thì tất cả cái đẹp nơi trần thế chỉ là rác rưởi. Tôi chỉ muốn được sống ở đó. Điều lạ lùng là tôi được bảo rằng tôi sẽ đến đó một ngày gần đây. Tôi sốt ruột quá”.

Vài tuần sau đó, ông chết, trong khi còn khoẻ mạnh và thọ năm mươi bốn tuổi. Đó có phải là chiêm bao không? Hay là một viễn tượng Thiên Chúa ban để chuẩn bị ông trong những ngày cuối cùng của cuộc đời? Chúng ta không thể biết được, nhưng chúng ta nhớ lại lời của đức Giêsu: “Mắt chưa hề thấy, tai chưa hề nghe, tâm trí loài người chưa hề tưởng tượng được những điều lạ lùng mà Cha của tôi đã chuẩn bị sẵn cho những ai yêu mến ngài”.

Tuy nhiên, niềm vui vĩ đại nhất không phải là được những điều đó. Niềm vui vĩ đại nhất là được thấy Thiên Chúa. Niềm vui vĩ đại nhất của vật có tâm trí là vui được yêu thương. Nếu hai người, mặc cho những bất toàn và yếu đuối của mình, mà có thể yêu nhau tha thiết để chung sống với nhau suốt đời, thì chúng ta cũng có thể tưởng tượng khi gặp thấy Thiên Chúa sẽ như thế nào. Tất cả các vẻ đẹp của thiên thần hay mọi loài thụ tạo chỉ là hình bóng lu mờ của vẻ đẹp huy hoàng của Thiên Chúa. Khi bạn nhắm mắt lần cuối cùng và đối diện trực tiếp với Thiên Chúa, thì bạn sẽ vui sướng biết bao. Thiên Chúa nhìn bạn và bạn sẽ cảm thấy được yêu thương êm dịu biết bao. Ngài sẽ gọi tên bạn mà nói: “Vào đây con!” Bạn nhìn ngài và cảm thấy mình được yêu thương ngoài sự mơ ước. Không có gì có thể làm xao lãng tình yêu đó. Đó là niềm vui vĩ đại nhất trên thiên đàng, niềm vui được gặp gỡ Thiên Chúa.

Nhưng Thiên đàng ở đâu? Thiên đàng là nơi Thiên Chúa ngự, và ngài ở khắp mọi nơi. Như thế Thiên đàng cũng ở mọi nơi, chung quanh chúng ta, nhưng trong tầm hưởng ngoài cảm giác của chúng ta. Thiên đàng như ở bên kia tấm màn mỏng, rất gần gũi đến độ chúng ta có thể

sờ thấy được, chúng ta có thể gặp gỡ những người thân yêu mà Thiên Chúa đã cất đi.

Sự gắn gũi này là mối giây liên kết chúng ta với những người thân yêu đã ra đi. Khi còn sống, linh hồn của họ ở trong thể xác và chỉ hoạt động qua năm giác quan. Khi một người chết đi thì như gà con đập vỡ trứng mà ra hoặc như một đứa bé sinh ra trong một thế giới mới. Thật là kinh hãi. Khi đứa bé ra đời, ánh sáng làm loá mắt nó nhưng rồi sẽ hết đi và một thế giới kỳ lạ sẽ hiện ra.

Khi linh hồn ra khỏi xác, nó sẽ như thiên thần. Thiên thần không có xác, vì thế thiên thần không biết đến sự hiện diện vật chất. Nhưng sự hiện diện của thiên thần còn sâu xa và thiết thực hơn sự hiện diện thể chất. Các thiên thần rất mật thiết với nhau, biết cả tư tưởng và cảm nghĩ của nhau. Khi một người thân yêu chết và không còn bị ràng buộc với thể xác, thì lại gắn gũi với gia đình và bè bạn hơn lúc còn sống, gắn gũi đến độ biết cả tư tưởng và cảm nghĩ của người còn sống và có thể giúp đỡ họ hơn lúc còn sống. Các linh hồn mật thiết nhau như các thiên thần, và liên lạc mật thiết với nhau. Đêm trước ngày an táng thân phụ tôi, khi mẹ tôi ngồi ở bàn ăn bà cảm thấy một bàn tay đè nặng trên vai bà như thể nói: ỏỏ Can đảm lên, tôi đang ở gần bà, đừng sợ.ỏỏ Mẹ tôi ngoảnh lại xem có ai đứng sau lưng không, nhưng chẳng thấy ai cả. Rồi bà không cảm thấy gì nữa. Cảm giác ấy rất mạnh mẽ. Mẹ tôi biết rằng người đó là cha tôi.

Nếu thiên đàng chỉ là một chiều hướng khác và những người thân yêu không phải chỉ thay đổi để đi đến một nơi khác lạ, thì tình yêu và nỗi quan tâm của họ đối với chúng ta vẫn còn là một phần của đời sống của họ. Họ vẫn còn gắn gũi với chúng ta, và chúng ta có thể chắc chắn họ sẽ đáp ứng các nhu cầu của chúng ta cũng như trước khi họ ra đi. Thực ra thiên đàng không phải là một mâu nhiệm vĩ đại, nhưng là một sự tiếp tục đương nhiên của đời sống trần thế. Khi đến giờ, chúng ta không nên sợ hãi đi gặp Thiên Chúa.

Thiên Chúa có nghiêm khắc khi chúng ta đến đó không? Ngài không nghiêm khắc hơn đức Giêsu mà người ta gặp gỡ ở trần gian. Không ai sợ hãi đức Giêsu. Những người tội lỗi chạy đến với Giêsu vì biết ngài yêu mến và hiểu biết họ, với cả thiện chí của họ, mặc dù họ yếu đuối và vấp ngã nhiều phen. Ngài biết họ có thiện chí mặc dù họ tội lỗi, ỏỏTội của cô dù nhiều bao nhiêu cũng đã được tha thứ, vì tình yêu của cô rất lớn lao.ỏỏ Những người mà đức Giêsu cảm thấy khó tiếp

xúc với là những người làm ra vẻ đạo đức mà khinh rẻ người khác là tội lỗi.

Trong tử dụ về ngày phán xét cuối cùng, đức Giêsu không dùng các giới răn làm căn bản phán xét, nhưng là cách thức chúng ta đối xử với tha nhân. “Hỡi những kẻ Cha của ta chúc phúc, hãy vào vương quốc đã được dọn sẵn cho các người từ đầu. Khi ta đói, các người cho ta ăn. Khi ta khát, các người cho ta uống. Khi ta trần truồng, các người cho ta mặc”.

Và họ thưa: “Chúng con có thấy Chúa khi nào đâu?”

Và Thiên Chúa đáp: “Khi các người làm những điều đó cho những người thấp hèn nhất trong anh chị em của ta, là làm cho chính ta”.

Có những linh hồn bị bầm dập khi đến thế giới bên kia. Có những người rất nhạy cảm và thấy cuộc sống thật là khó khăn. Họ cố gắng hơn mọi người để đương đầu với cuộc sống, nhưng lại đau khổ khi va chạm với tha nhân và gặp những thử thách thường nhật. Họ như những người cố bám lấy sống ở đầu dây tử hình. Họ bám lấy bao lâu còn nội lực. Đến lúc mệt lã, họ buông tay và rơi xuống ... trong vòng tay êm ái của Thiên Chúa. Một người rất thánh thiện kể lại cho tôi rằng ông xuất thần thấy thiên đàng. Ông thấy đức Giêsu đi lại trên thiên đàng, an ủi vỗ về những ai gặp hoạn nạn và đau khổ. Lúc ở trần gian, đức Giêsu dạy cho chúng ta hiểu rằng Thiên Chúa biết chúng ta yếu đuối và cố gắng. Ngài hiểu chúng ta đang phấn đấu, đang đau khổ và dốc chí sống tốt đẹp hơn. Nếu chúng ta thông cảm nỗi khổ đau và cô quạnh của tha nhân và ra tay giúp đỡ, thì tội lỗi của chúng ta, dù có nhiều bao nhiêu, cũng sẽ được tha.

Khi giờ cuối cùng đến, phải là giờ mong đợi và phấn khởi được gặp Thiên Chúa là đáng hiểu biết chúng ta.

Khi đến đó, có nhàm chán không? Có được ngồi gẩy đàn không? Được chứ, nếu chúng ta thích! Tôi thích nghe tiếng đàn, nhưng tôi không thích gẩy đàn. Những điều tốt đẹp mà chúng ta cho là tự nhiên, sẽ trở nên hoàn hảo trên thiên đàng. Tâm hồn ưa thích học hỏi, ưa thích nghệ thuật, âm nhạc, tình yêu, mạo hiểm, tìm bạn, sẽ được nghìn lần đáp ứng. Sống trong yêu thương, sống ở nơi mà mọi nhu cầu sâu xa của trí khôn và tâm hồn con người được thoả mãn, thì sẽ không bao giờ phải nhàm chán.

## Chương mười ba

### Hỏa ngục

Đức Giêsu cũng nói đến hỏa ngục. Đó là một đề tài ghê sợ. Nhiều người Kitô lớn lên sợ sệt hỏa ngục hơn là cố gắng sống gần gũi với Thiên Chúa. Mặc dù dễ cảm thông, nhưng đức Giêsu cũng đã phải chấp nhận sự kiện một số người không yêu mến Thiên Chúa và sống ích kỷ. Ngài đưa ra vài dụ ngôn chua cay về những hạng người này. “Có một người phú hộ tên là Diva (có nghĩa là phú hộ) và một người phung hủ nghèo tên là Ladarô (có nghĩa là ‘phung hủ’). Diva sống trong một biệt thự và tiệc tùng mỗi ngày. Ladarô ngồi ngoài cổng nhà người phú hộ, hy vọng có ai quăng cho thức ăn thừa của người giàu, nhưng chẳng bao giờ được. Thực ra chỉ có chó đến liếm ghẻ lở của Ladarô.

Ngày kia, Ladarô chết. Anh ta lên thiên đàng thẳng rặng. Sau đó không lâu, Diva cũng chết. Ông ta rơi ngay xuống hỏa ngục. Ông nhìn lên thấy Ladarô trên thiên đàng vui sướng, ông ước mong được Ladarô thấm đầu ngón tay trong nước mà nhỏ cho vài giọt trên lưỡi đang khô cháy của ông. Nhưng chẳng bao giờ có được. Ông xin Abraham cho được về lại để cảnh cáo anh em của ông, vì họ cũng đang đi vào cùng một con đường như ông. Abraham bảo ông rằng vô ích. “Họ có Maisen và các ngôn sứ cảnh cáo họ. Nếu họ không nghe Maisen và các ngôn sứ, thì dầu người từ cõi chết về, họ cũng không nghe”.

Đức Giêsu cũng nói về số phận của những người ích kỷ trong ngày phán xét: “Khốn cho các người, đi cho rảnh mắt ta mà vào lửa đời đời dành sẵn cho quỷ dữ và đồng bọn. Khi ta đói, các người không cho ta ăn. Khi ta khát, các người không cho ta uống. Khi ta trần truồng, các người không cho ta mặc...”

“Lạy Chúa, có khi nào chúng con thấy Chúa như thế đâu?”, họ hỏi ngài.

Thiên Chúa trả lời: “Khi các người từ chối làm những điều đó cho những người thấp hèn nhất trong anh chị em của ta, là làm cho chính ta”.

Thiên Chúa xem ra độc ác cách vô lý. Thật sự thì chúng ta không biết được cuối cùng ngài sẽ đối xử với những người chọn làm điều dữ



thế nào. Công lý của Thiên Chúa không giống công lý của loài người, vì công lý loài người chỉ dựa vào những bằng chứng hời hợt và theo hoàn cảnh. Công lý của Thiên Chúa thì nhắm vào chính cõi lòng và chi tiết tạo nên khuôn mẫu và ý hướng của đời sống chúng ta, cũng như những quyết định tạo nên cách sống. Người ta thích lên án ai là xấu xa và xuống hoả ngục. Nhưng nên để sự phán xét ấy cho Thiên Chúa. Đức Giêsu đã không bao giờ nêu đích danh ai phải xuống hoả ngục. Ngài cũng không bảo Giuđa sẽ xuống hoả ngục. Ngài chỉ nói: “Phải chi nó đừng sinh ra”. Tôi thấy câu nói này có thể áp dụng cho nhiều người, nhưng điều đó không có nghĩa là họ sẽ xuống hoả ngục.

Tuy nhiên, có hoả ngục xem ra là câu kết luận rất hợp lý. Nếu một người sống với Thiên Chúa và quan tâm đến tha nhân, thì họ sẽ chết trong trạng thái đó. Sau khi chết, họ sẽ sống với Thiên Chúa và quan tâm đến tha nhân. Thật là hợp lý khi họ tiếp tục làm thế sau khi chết.

Nếu một người chỉ sống cho mình và quyết định không biết đến Thiên Chúa hoặc tha nhân đang đau khổ, thì đời sống bên kia của họ cũng sẽ tiếp tục như thế đó. Thật là hợp lý khi một người chỉ biết đến mình và vô tâm đối với kẻ khác sẽ tiếp tục sống với những ai giống mình. Thiên Chúa không ép buộc ai yêu mến ngài. Nếu họ quyết định không yêu mến ngài, thì làm sao ngài có thể ép họ sống với ngài mãi mãi? Điều đó xem ra vô lý.

Thiên Chúa có phạt ai xuống hoả ngục không? Điều đó chúng ta không biết được. Đó là công việc của ngài. Chúng ta chỉ biết rằng đức Giêsu nói đến một nơi dành cho ma quỷ và đồng bọn. Ngài cũng cảnh cáo những người keo kiệt và ích kỷ rằng họ có thể vào đấy nếu không thay đổi nếp sống.

## Chương mười bốn

### Công việc còn dở dang

Khi những ngày cuối cùng của cuộc đời đức Giêsu sắp kết thúc, chúng ta thấy ngài rất điềm tĩnh và can đảm trước cái bất hạnh sắp đến. Ngài thấy trước các biến cố và tiếp tục thi hành sứ mệnh Cha của ngài giao phó cho. Ngài biết rằng mình không thể ra đi trước khi mọi sự được hoàn thành. Không gì có thể thay đổi điều đó. Vì thế ngài chú tâm đến các diễn tiến. Chẳng hạn lễ Vượt Qua với các nhân vật và biểu tượng mà ngài nghĩ đó là hình ảnh của việc hy tế của chính mình để chuộc tội cho nhân loại. Có những công việc còn đang dở dang với các môn đệ. Các ông vẫn chưa biết ngài là ai. Phêrô tuyên xưng ngài là Vị Cứu Tinh, là đấng Kitô, là Con Thiên Chúa hằng sống. Chúng ta không biết ông có hiểu lời tuyên xưng của ông không. Các môn đệ khác thì còn kém hơn. Người Do thái khó mà chấp nhận một người đi lại ngoài đường là Thiên Chúa. Ngày kia, đức Giêsu đem Phêrô, Giacôbê và Gioan lên núi. Khi ngài cầu nguyện thì Maisen và Êlia hiện ra và bàn luận với ngài về các biến cố sắp xảy đến. Các môn đệ thấy thế, đâm ra sợ hãi. Không thể ngờ được Maisen và Êlia nói chuyện với ngài! Ngài phải là một nhân vật rất quan trọng, có thể ngài là Vị Cứu tinh. Các môn đệ nghĩ sao? Các ông rất thán phục và muốn xây một ngôi đền để kính nhớ biến cố này. Giờ đây ba ông nhìn Giêsu với cái nhìn mới, cái nhìn này sẽ ở mãi với các ông và giúp các ông hiểu được ý nghĩa của các biến cố hãi hùng sắp xảy ra. Giờ đây các ông biết những gì sắp xảy ra nằm trong kế hoạch mà Thiên Chúa đã sắp đặt sẵn cho Thầy của mình. Mặc dù các ông không thông hiểu, nhưng kế hoạch này đang diễn ra trong cuộc đời của đức Giêsu và của các ông. Các ông cảm thấy đó là một định mệnh lạ lùng.

Đức Giêsu nói nhiều điều trong những ngày cuối cùng này. Vương quốc của Thiên Chúa là mối quan tâm nhất của ngài. Ngài không những nói với các môn đệ nhưng với những người theo ngài về vương quốc và ngài hiểu vương quốc như thế nào. Nó như một cánh đồng lúa mà kẻ thù đã lén gieo cỏ lùng vào đấy để phá hoại mùa màng. Nó giống như một chủ điền sáng sớm đi thuê một số thợ làm vườn nho

với số lương ấn định. Sau đó ông lại thuê thêm những người thợ khác. Cuối ngày, ông bảo đốc công trả lương đồng đều cho thợ, làm những người vất vả suốt ngày phải sửng sốt. Đó là những điều ngài gợi cho biết sẽ xảy ra trong Vương quốc khi ngài đi rồi.

Ngài cũng ví vương quốc ở trần gian như một con buôn đi tìm ngọc. Khi tìm được một viên ngọc quý, anh về bán hết tài sản để tậu nó. Vương quốc cũng giống như một kho vàng chôn trong đồng lúa, và người tìm ra nó sẽ bán hết tài sản mà mua nó.

Trong những tỉ dụ đó, đức Giêsu cho biết vương quốc là vô giá, nó rất quý báu nên người ta sẵn sàng hy sinh tất cả để gia nhập. Nhưng ngài cũng rất thực tế và bảo những ai theo ngài rằng vương quốc ở trần gian là gia đình gồm những người yếu đuối, què quặt cần được cứu chuộc. Do đó, đừng nghĩ là sẽ có một xã hội hoàn hảo.

Ngài ví vương quốc như người đi đánh cá. Anh kéo lưới vào bờ mà lựa cá, có con tốt có con thối. Vương quốc trần gian như thế đó, Giáo hội như thế đó. Ngài cũng ví vương quốc như người đi chài lưới trong hồ nước. Anh xúc từ đáy hồ lên đủ thứ. Đồ tốt thì để dùng hay bán, còn đồ xấu và rác rưởi thì quăng đi. Đó là cách thức đức Giêsu dạy các môn đệ và chúng ta về giá trị của vương quốc ở trần gian mà ngài ban cho chúng ta. Nhưng vương quốc cũng gồm những người tội lỗi với nhiều hành vi xấu xa. Đừng nghĩ rằng vương quốc chỉ gồm những người tốt lành. Ở cấp bậc nào cũng thế, vương quốc sẽ luôn có những người tội lỗi. Khi những người tội lỗi bị loại ra, thì nó sẽ không còn là Giáo hội của đấng Chấn Chiên Lành. Vì thế hãy cố bám lấy kho tàng. Khi thấy những cái xấu trong vương quốc thì đừng thất vọng mà đi tìm những ảo tưởng vô thực chất. Nhiều người đã làm thế trong suốt lịch sử.

Đức Giêsu cũng quan tâm đến thái độ của các môn đệ. Khi ngài đi ngang qua vùng Samaria trên đường đi Giêrusalem, dân Samaritanô thấy bị đụng chạm và tức giận vì ngài đi Giêrusalem. Họ không muốn mời ngài vào làng. Giacôbê và Gioan bực tức và hỏi ngài có nên gọi lửa từ trời xuống thiêu đốt họ không. Đức Giêsu phải lo âu vì qua bao năm sống với ngài mà các môn đệ vẫn chưa thấm nhập tinh thần của ngài. Ngài bèn đặt cho hai ông cái tên ỏ Con cái sấm sét vì tính ưa trả thù của hai ông.

Ngày nọ Phêrô đến hỏi đức Giêsu, ỏThưa thầy, tôi phải tha thứ cho kẻ thù bao nhiêu lần? Bảy lần phải không? Ngài đáp, ỏKhông

phải bảy lần, mà bảy mươi bảy lần. Họ phạm đến anh bao nhiêu lần, là anh phải tha bấy nhiêu.Ồ Câu chuyện chấm dứt ở đó. Phêrô bỏ đi, tay gãi đầu. ỒBảy mươi bảy lần. Nhiều quá. Bảy lần thì cũng đã quá lắm rồi. Không thể được, bảy mươi lần bảy.Ồ

Nhiều người không hiểu lời đức Giêsu nói, nhưng rõ ràng là ngài muốn nói thế. Có phải đấy chỉ là cách nói, hay ngài thật sự muốn như vậy?

Bên ngoài xem ra đức Giêsu không cố ý đặt một gánh nặng tâm lý lên dân chúng. Ngài đến để cất nó đi khỏi tâm hồn họ. Thật là phi lý khi ngài đặt nó lên những người theo ngài. Ngài có mục đích gì?

Tôi suy nghĩ mãi về vấn đề phải tha thứ này. Nếu suy niệm về đời sống của ngài, thì thấy ngài luôn thi hành điều ngài giảng dạy. Ngài luôn luôn tha thứ, mặc dù không thấy nói rõ ràng lắm. Nếu bạn nghĩ ngài là ai và cách thế dân chúng đối xử với ngài, tất ngài phải bị sỉ nhục lắm. Ngài đi đến miền Nadarét là quê hương của ngài. Những người mà ngài đã sống với trong ba mươi năm bây giờ trở mặt và tìm cách giết ngài. Ngài lánh họ và trốn ra khỏi vùng. Suốt cuộc đời công khai, ngài hoạt động ở vùng Capharnaum, làm nhiều phép lạ, nhưng dân chúng trong vùng đó không tin nghe ngài và sứ điệp của ngài mà quay về với Thiên Chúa. Điều này cũng xảy ra ở Bêsaida. Ngài buồn lắm vì họ không mở lòng ra. Ngài thương khóc cho số phận của họ khi ngài thấy trước rằng quân đoàn Lamã sẽ đến tiêu diệt họ. Ngài yêu thương Giêrusalem, nó làm tan nát lòng ngài cũng như lòng Cha ngài qua bao thế hệ. Ngài cũng khóc khi nghĩ đến những bất hạnh sẽ xảy đến với nó.

Một ngày kia ngài giảng dạy dân chúng. Họ thích nghe ngài, nhưng điều ngài dạy lại quá mơ mộng. Ngài xem ra dễ mến, nhưng lại mơ mộng. Sứ điệp của ngài lại quá đơn sơ, quá lý tưởng. Họ thích có một chiến sĩ hơn, một tướng lãnh dũng mạnh làm vị cứu tinh. Họ thất vọng về ngài và bỏ đi. Ngày hôm sau họ lại đến, không phải để nghe ngài nói, nhưng lại đem đến người bệnh, người què, người mù để xin ngài chữa cho. Không màng đến thái độ của họ đối với sứ điệp của ngài, đức Giêsu lại ra tay cứu chữa và ban an bình cho tâm hồn khổ đau của họ mà không chút tị hiềm.

Cả những kinh sư và người Phariseu theo dõi từng bước đi của ngài, ngài vẫn cố gắng đem họ về lại với Thiên Chúa. Khi họ mời ngài đến nhà họ dùng bữa, ngài không bao giờ từ chối. Mặc dù họ không đối xử tử tế và lịch sự, ngài vẫn luôn luôn nhã nhặn.

Với tất cả những điều tốt ngài làm cho dân chúng, nhưng chỉ có một người đến cảm ơn ngài. Anh ta là người ngoại quốc. Cuối cùng kẻ thù của ngài bắt ngài và đưa ngài đem đóng đinh. Trần truồng trên thập giá, ngài nhìn xuống kẻ thù của mình và chỉ nói: “Lạy Cha, xin tha cho chúng; chúng không biết việc chúng làm”.

Đức Giêsu thi hành điều ngài dạy về sự tha thứ, nhưng điều đó không giải thích được lý do tại sao ngài lại nhấn mạnh về sự tha thứ tuyệt đối này. Hầu hết mọi người tha thứ nữa vời, “Được rồi, tôi tha thứ, nhưng tôi không nói chuyện với người ấy nữa”. Đấy không phải là tha thứ. Đó chỉ là một hình thức trả đũa rất địch đáng, nhất là trong trường hợp đối với cha mẹ, anh chị em, hay một người thân thích. Đó là từ chối yêu người ấy. Đó là loại người ấy ra khỏi đời sống của mình. Đó là nói với họ rằng mình không muốn biết việc gì xảy ra với họ, tốt hay xấu. Nếu người ấy chết, thì mình cũng đến đọc kinh để làm trọn nghĩa vụ tình yêu. Thế là chấm dứt. Thật là nhỏ nhen! Người ta vẫn tìm ra cách tự bào chữa rất chính đáng. Tôi có đọc một quyển sách nói về hai anh em không nói chuyện với nhau trong nhiều năm. Một trong hai người nuôi mẹ già đang đợi chết mà không nói cho người kia biết. Khi mẹ già chết, anh ta cũng không báo tin. Mãi lâu sau người kia mới biết mẹ mình đã chết. Anh buồn tủi. Quyển sách tên là Blood Brothers (Anh em ruột thịt) của tác giả Elia Chacour. Đó là một câu chuyện thật cảm động về tình tha thứ trong một gia đình Ả Rập-Kitô giáo ở xứ Palêtina. Tổ tiên của họ sống từ thời đức Giêsu. Họ bị đuổi đi và nhà cửa bị đặt mìn phóng hỏa.

Đức Giêsu thường xuyên chứng kiến loại căm thù và xấu bụng đó. Thực ra có một lề luật cho phép làm điều đó, “Mắt đền mắt, răng đền răng”. Nếu ai làm bạn bị thương tích, bạn được gây lại thương tích tương tự. Trả đũa như thế rất là tai hại.

Một ngày kia đức Giêsu đề cập đến vấn đề đó. “Người ta thường nói ‘mắt đền mắt, răng đền răng’, nhưng tôi nói cho các người hay nếu tận đáy lòng các người không tha thứ cho anh em, thì Cha của tôi ở trên trời cũng sẽ không tha thứ cho các người”. Đức Giêsu luôn luôn suy nghĩ về điều này và đã đề cập đến nó trong nhiều dịp khác. Nó là thành phần chính trong sứ điệp của ngài. Thực vậy, ngài đến để giao hoà thế gian với Thiên Chúa, để xin Cha ngài tha thứ tội lỗi cho gia đình nhân loại, và yêu cầu những ai theo ngài phải vượt trên những nhỏ nhen để tha thứ cho nhau.

Một vài năm trước đây tôi chợt hiểu rõ ràng hơn những gì đức Giêsu cố gắng dạy bảo chúng ta. Tôi thấy rằng ngài đã không đặt một gánh nặng lên đầu cổ những ai theo ngài, nhưng là ban cho chìa khoá hoà bình nội tâm đích thực và hoà bình trên thế gian. Ồ! Nếu bạn muốn có hoà bình trong tâm hồn và với người láng giềng, hãy học tha thứ. Ồ! Thực vậy, ngài nhằm đến những gì sâu xa hơn, những gì mà chính bản thân ngài thực hành. Đừng tức giận, nhưng hãy cố gắng tìm hiểu nỗi khổ đau tạo nên bức tức của người khác. Như thế, bạn sẽ thấy sự đau khổ và bất bình thường của họ mà cảm thông họ và đừng để sự khổ não của họ xúc phạm đến mình. Điều đó rất chí lý. Không phải dễ dàng làm được điều này và đức Giêsu cũng đã thấy như vậy, nhưng đó là cách thức độc nhất để có hoà bình. Nếu chúng ta tập sống như thế mỗi ngày, thì nó sẽ dễ dàng hơn và sẽ trở thành một bản tính thứ hai.

## Chương mười lăm

### Thương khó

Thỉnh thoảng chúng ta cũng thấy có người gặp khó khăn nhưng lại nhất quyết thi hành công việc của mình, dầu có phải chết. Nhưng chưa hề nghe có ai sinh ra mà biết mục đích của đời sống mình là để chết. Sứ mệnh của đức Giêsu là giao hoà nhân loại với Cha của ngài trên trời, và ngài hiến dâng mạng sống của mình để làm điều đó, trong khi nhắc nhở dân chúng rằng Cha của ngài rất quý mến họ. Trong những ngày cuối cùng sắp đến, ngài trở nên dăm chiêu hơn. Không phải dễ dàng để quyết định chết, dầu ngài biết rằng cuối cùng ngài sẽ trở về nhà Cha của ngài. Nhờ bản tính thần linh, ngài thấy trước mình phải chết thế nào mà không khỏi rùng mình. Dầu vậy, “ngài cũng nhất quyết đến Giêrusalem”.

Khi ngài đến đó là dịp lễ Vượt Qua. Thành phố đông nghẹt cả người. Dân chúng từ xa đến tìm ngài vì ngài là người họ cần phải gặp. Ngài sẽ tuyên bố cho thế gian biết mình là Kitô, là đáng được Thiên Chúa xức dầu chưởng? Các người lãnh đạo sẽ chấp nhận ngài không? Sẽ có một cuộc cách mạng không? Ngài có nhiều quyền lực, có những cái chúng ta chưa thấy. Ngài không sợ hãi. Ngài chấp nhận những gì sẽ xảy đến. Rõ ràng là ngài nắm định mệnh mình trong tay. Ngài biết ngài đang làm gì. Nhưng đó là cái gì? Đây là mục đích của những công việc của ngài?

Đức Giêsu và các môn đệ đến Giêrusalem từ phía tây, qua Bêpha trên đỉnh Đồi Ôliu. Ngài sai hai môn đệ đi trước về phía làng mạc mà mượn “một con lừa mẹ và và lừa con đang cột. Nếu có ai hỏi thì hãy nói là Thầy cần và sẽ trả chúng lại sau”.

Khi các con vật được mang đến, bầu khí trở thành huyền nhiệm. Các môn đệ phủ áo của họ trên lưng lừa mẹ, và đức Giêsu, giống như tổ phụ ngài là vua Đavít, cỡi lừa xuống sườn đồi, đi ngang qua thung lũng Kêrôn mà vào thành. Dân chúng đổ dồn về thành phố mừng lễ thấy ngài đến bèn đứng hai bên đường mà chào đón ngài. Họ ca hát, ỏChúc mừng Con vua Đavít! Chúc mừng Đấng nhân danh Thiên Chúa đến. Hôsana tận trời cao thămmỗ. Đúng như lời tiên tri của ngôn sứ Dêkaria rằng Vị Cứu Tinh sẽ đến “khiêm tốn trên lưng lừa”.

Khi vào thành phố, ngài đi thẳng đến Đền thờ. Dân chúng phấn khởi quá sức. Đức Giêsu cho các linh mục thượng phẩm và các người lãnh đạo chính trị thấy rằng ngài có lực lượng dân chúng sau lưng ngài và ngài có thể lật đổ chính quyền nếu ngài muốn. Nhưng đấy không phải là mục đích của ngài. Vương quốc của ngài không phải ở trần gian. Nó là Vương quốc thiêng liêng, và vì thế mà Đền Thờ là nơi ngài quan tâm đến. Đó là nhà của Cha ngài, nhưng họ lại tạo nó thành một chuồng súc vật như bần để họ có thể làm giàu khi bán súc vật trong chính thánh cung của Cha ngài. Điều này không thể dung tha được.

Ngài xuống lừa và bảo môn đệ trả chúng lại cho chủ, rồi lấy một dây buộc thành gút mà lừa súc vật ra khỏi Đền Thờ và đập đổ quày bán của những người đổi tiền. Ngài lại đến quày chim câu, nơi mua bán cho người nghèo, bảo họ: “Đem những con vật này ra ngoài”.

Các linh mục thượng phẩm và chính trị gia bực tức nhưng không làm gì được. Ngài làm chủ tình hình, và họ cũng biết ngài biết.

Sau khi tuyên bố như thế, ngài ra khỏi thành đến Bêtani. Ngài ở đó đêm ấy và trong những đêm sau cho đến ngày lễ Vượt Qua. Mỗi buổi sáng sau đó ngài vào lại thành phố rao giảng sứ điệp mà không hề sợ sệt. “Có một người chủ trồng nho và cho thuê vườn tược rồi đi ngoại quốc. Đến mùa ông sai đầy tớ đến hái nho, nhưng các tá điền bắt lấy họ, đánh đập người này, giết người nọ và ném đá người kia (ám chỉ số mạng các ngôn sứ). Người chủ vườn sai nhiều đầy tớ nữa đến, nhưng cũng bị đánh đập tàn nhẫn. Cuối cùng ông sai chính con ông đến, nghĩ rằng họ sẽ nể con trai ông. Nhưng khi thấy người con trai đến, họ bảo nhau: “Đây là người thừa tự, chúng ta hãy giết nó đi, và đương nhiên vườn nho sẽ thuộc về chúng ta”. Vì thế, họ bắt lấy người con trai, kéo nó ra khỏi vườn mà giết nó”.

Các linh mục thượng phẩm biết là ngài ám chỉ các ông. Các ông tức giận và tìm cách bắt ngài nhưng lại sợ dân chúng vì họ yêu mến ngài và xem ngài là một ngôn sứ.

Cuối cùng, ngày lễ Vượt Qua đến. Đức Giêsu ao ước mừng ngày lễ cuối cùng này với các môn đệ. Vào ngày Thứ năm họ họp nhau trong một căn phòng trang bị ở tầng trên. Họ giải khăn bàn ra và bắt đầu mừng lễ. Họ chia nhau thức ăn kỷ niệm những biến cố lịch sử của họ. Họ mừng lễ rất lâu về khuya.

Đến phần cuối cùng, đức Giêsu có vẻ trang trọng hơn và với giọng yêu thương ngài bảo các môn đệ rằng ngài yêu thương các ông và



lo lắng cho tương lai của các ông. Ngài hiểu biết các ông lắm. Ngài bảo các ông ngài sẽ ra đi, nhưng các ông không hiểu ngài muốn nói gì. Ngài cầu xin để các ông được hiệp nhất trong tình yêu của ngài và trong gia đình ngài.

Nghe ngài nói, các ông trở nên buồn bã. Nhưng ngài hứa sẽ luôn ở với các ông. Cuối cùng, ngài cầm lấy bánh không men, bẻ ra chia cho các môn đệ với những lời lẽ sau đây: “Hãy cầm lấy mà ăn. Đây là Mình tôi sẽ bị nộp vì anh em”. Rồi cầm lấy chén rượu và đưa cho các ông mà nói: “Tất cả anh em, hãy cầm lấy mà uống. Đây là Máu tôi, Máu của Giao ước mới, sẽ đổ ra cho anh em và cho nhiều người để được tha tội. Hãy làm việc này mà nhớ đến tôi”. Bằng một cách thức rất đẹp đẽ, đức Giêsu đã làm trọn lời ngài hứa trong những tháng trước rằng ngài sẽ ban Mình và Máu ngài làm của ăn cho linh hồn họ. Bằng cách đó, ngài đã thành lập một nghi thức rất thân mật để ở với bạn hữu của ngài sau khi ngài từ giả họ, đó là một sự hiện diện mới và rất an ủi đem lại vui mừng và một tình cảm thân thiện cho những ai tin tưởng lời ngài trong những thế kỷ sau.

Sau bữa tiệc họ bỏ thành phố, đi ngang qua thung lũng đến Núi Ôliu là nơi họ thường ngủ đêm. Nhưng trong đêm ấy, đức Giêsu biết rằng đó là đêm cuối cùng của ngài. Ngài muốn ở riêng với Cha của ngài. Đầu óc ngài nghĩ gì trong đêm ấy, chúng ta không biết được. Với một tâm trí thần linh, chắc hẳn ngài thấy trước tấn bi kịch giải ra rất thiết thực như trong hiện tại. Ngài cảm thấy đau đớn. Ngài lâm vào cơn khủng hoảng vì thấy trách nhiệm phải quyết định chịu thử thách và tra tấn. Với ý chí thần linh thì ngài đã quyết định rồi. Nhưng vì đại diện cho nhân loại mà hiến thân làm của lễ, ngài phải lựa chọn như là người. Đó là sự khủng hoảng. Vì thấy quyết định của mình sẽ đưa đến khổ đau và tra tấn, ngài phải rùng mình sợ hãi, đến độ máu trong người vỡ mạch tuôn ra các lỗ chân lông ngoài da. Các tác giả Phúc âm diễn tả hiện tượng này rằng đức Giêsu đổ mồ hôi máu vì các ông không hiểu.

Trong cơn khủng hoảng này, đức Giêsu cầu nguyện: “Lạy Cha, nếu có thể được, xin cất chén này khỏi con. Nhưng không phải theo ý con, nhưng là theo ý Cha”.

Trong cơn đau đớn cực độ này, các môn đệ chẳng giúp ngài được gì. Các ông lăn ra ngủ.

Suốt phiên tòa xử, đức Giêsu rất mực điềm tĩnh. Cả lúc đứng trước quan toàn quyền Lamã, ngài cũng bình tĩnh, như thể ngài làm chủ tình thế. Philatô rất ngạc nhiên về thái độ của ngài nên hỏi: “Anh không biết rằng tôi có quyền sống chết đối với anh sao?” Câu trả lời của đức Giêsu càng làm ông ngạc nhiên hơn: “Ông không có quyền gì trên tôi nếu trời không ban cho ông”.

Mặc dù Philatô không có lý do gì để kết án đức Giêsu, ông cũng gán tội cho ngài và kêu án đóng đinh thập giá. Họ đem Giêsu ra ngoài tường thành Giêrusalem, như thế là ứng nghiệm lời tiên tri của ngài về các tá điền vườn nho. Họ đóng đinh ngài vào thập giá.

Đứng dưới chân thập giá có Mẹ của ngài, Gioan và Maria Madalêna. Xa hơn tí có ít bạn hữu. Còn các môn đệ khác thì không thấy tông tích!

Ngài xin Cha ngài tha tội cho kẻ thù của ngài và hứa thiên đàng cho người trộm lành cũng bị đóng đinh bên cạnh ngài. Ngài dặn môn đệ yêu quý là Gioan hãy lo chăm sóc mẹ ngài như là mẹ ruột. Rồi ngài ngược mắt lên trời, thở hơi cuối cùng: “Thế là hết. Lạy Cha, con giao phó linh hồn con trong tay Cha”. Và ngài chết vào lúc ngài chọn.

Viên sĩ quan dùng mác đâm tim ngài phải cảm động trước cái chết của ngài mà nói rằng: “Người này đích thực là con của Thiên Chúa”. Và sau đó suốt đời anh noi theo chân ngài.

Một người giàu có trong nhóm lãnh đạo Dothái tên là Giuse Arimatê và cũng là môn đệ kín đáo của đức Giêsu, đem xác ngài xuống và đặt vào tay mẹ ngài. Sau đó ông chôn xác ngài ở ngôi mộ gần đó. Quan toàn quyền cho lính canh giữ mộ. Gia đình ngài và bạn hữu trở về nhà. Lễ Vượt Qua bắt đầu.

## Chương mười sáu

### Đời sống mới và hy vọng mới

Ba ngày sau đó mọi sự đều im lặng. Tin Giêsu chết được chuyên miệng trong khắp thủ đô. Không khí buồn tẻ đè nặng trên ngày đại lễ. Không thể tin được rằng một con người chỉ biết chữa bệnh, an ủi, suốt đời làm việc thiện, rao giảng hoà bình, tha thứ và yêu thương, yêu thương cả kẻ thù, lại có thể bị đối xử một cách hung ác và tàn nhẫn. Làm sao có thể xảy ra như thế được? Cái gì sẽ xảy ra cho chúng ta? Câu trả lời phải là điều ác không đi đôi với điều thiện.

Vào ngày thứ ba, tin bắt đầu lan. Ba phụ nữ đi đến mộ vào sáng sớm Chủ nhật để ướp xác đức Giêsu. Ngôi mộ trống trơn; lính tráng cũng không có, chỉ thấy hai người lạ mặt toàn thân rục rờ nhưng không hẳn là người đang đứng đó. Họ bảo các bà rằng ngài đã sống lại như ngài hứa.

Các bà trở về báo tin Giêsu đã sống lại cho các môn đệ đang lẫn trốn. Họ cười các bà và cho đó là mộng mị. Nhưng rồi Phêrô và Gioan đi đến mộ và không thấy xác đức Giêsu ở đó. Hai ông trở về càng buồn bã hơn nữa. Suốt ngày hôm ấy không nghe thấy tin tức gì.

Chiều hôm ấy, hai môn đệ về làng ở Êma phía tây Giêrusalem. Trên đường họ gặp một người lạ cùng đi. Họ bàn tán về Giêsu và nỗi thất vọng của họ. Người lạ mặt nhắc lại các lời tiên tri về vị Cứu Tinh để giúp họ hiểu. Khi đến Êma, người lạ nhận lời ở lại với hai ông. Trong bữa ăn tối, hai ông nhìn người lạ bẻ bánh và nhận ra đó là Giêsu, nhưng ngài biến đi tức khắc.

Tôi nghĩ rằng có rất nhiều hài hước trong những gì xảy ra sau đó. Đức Giêsu biết hai môn đệ sẽ chạy thật mau về lại Giêrusalem mà báo tin cho các môn đệ khác. Nhưng ngài cũng phải về đấy trước hai ông để gặp các môn đệ. Xem ra ngài thích thú với thân xác phục sinh có thể di chuyển mau lẹ theo như ý muốn.

Đến nơi các môn đệ đang ẩn, đức Giêsu gõ nhẹ cửa mà nói, “Thầy đây, mở cửa cho Thầy vào!”. Họ lấy làm bối ngỡ và ngạc nhiên. Ngài và các môn đệ mừng rỡ gặp lại nhau như lúc họ thấy ngài đi trên mặt hồ vào giữa đêm tối sóng gió. Giờ đây ngài xuất hiện đột ngột trong đêm tối. Căn phòng tối om với ngọn đèn dầu leo lét khói chiếu

bóng người trên vách. Đột nhiên đức Giêsu đi xuyên qua tường và hiện ra trước mặt họ. Họ kinh hãi, nháy nhót, không thốt nên lời.

“Đừng đứng chết đó, Thầy đây mà”.

Họ không biết trả lời thế nào, tưởng đó là ma.

“Thầy đây mà. Xem đây. Đưa đây một miếng cá. Ma không ăn cá được”.

Họ đưa ngài một miếng cá, ngài cầm lấy mà ăn. Họ cùng ngồi xuống, lấy lại tinh thần.

“Bình an cho anh em”, đức Giêsu bảo họ. “Hãy nhận lấy Thánh Linh, anh em tha tội cho ai, thì họ được tha. Anh em cầm tội ai, thì họ bị cầm”.

Ngài ở lại với họ một thời gian rồi biến đi. Sau đó không lâu hai môn đệ đi Êma về tới, thở hồng hộc, gõ cửa mà lòng nôn nóng báo tin. Họ rất đỗi ngạc nhiên khi các môn đệ bảo họ: “Chúng tôi biết ngài còn sống. Ngài vừa đi”. Tôi nghĩ rằng đức Giêsu muốn đùa với các môn đệ. Thiên Chúa cũng biết hài hước. Chúng ta nên đoán ra mà xem. Thiên Chúa rất tinh tế, cái hài hước của ngài cũng vậy.

Sau những ngày đẹp đẽ gia đình đoàn tụ đó, đức Giêsu và Thánh Linh ngài ở với họ trong mọi nơi họ đến, từ Palétina, vùng Tiểu Á, Ấn độ, Phi Châu, Tây Ban Nha và trong những miền xa xăm của Đế Quốc Lamã. Cho những tâm hồn đau khổ, buồn phiền và đang tìm kiếm, họ đem đến sứ điệp êm ái của Con người bình dị này, một trật cũng là Thiên Chúa.

## Mục lục

Lời mở đầu		3
Chương 1	Chân dung đức Giêsu	9
Chương 2	Vị Cứu tinh vui vẻ	15
Chương 3	Dấu hiệu mâu thuẫn	25
Chương 4	Vị Cứu tinh khiêm tốn và bình dân	30
Chương 5	Giêsu sống mật thiết với cha của ngài	45
Chương 6	Sự sống và hình ảnh Đức Giêsu nơi chúng ta	53
Chương 7	Người chữa chiên lành	61
Chương 8	Đức Giêsu là hình ảnh của Thiên Chúa	66
Chương 9	Tái sinh trong tự do	77
Chương 10	Tự do và quyền bính	82
Chương 11	Vị Cứu tinh nhân hậu đem hồng ân đến	91
Chương 12	Thiên đàng	97
Chương 13	Hỏa ngục	103
Chương 14	Công việc còn dở dang	105
Chương 15	Thương khó	110
Chương 16	Đời sống mới và hy vọng mới	114

## Tác giả

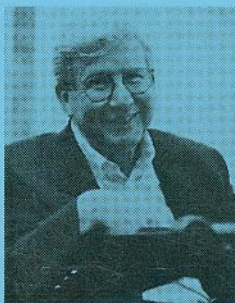
Joseph F. Girzone là một Linh mục Công Giáo Rôma. Về hưu năm 1981 vì lý do sức khỏe. Sau đó cha đã bước vào nghề viết sách, làm kinh ngạc hàng triệu độc giả với tác phẩm *Giôê (Joshua)*. Hiện cha đang sống tại Altamont, New York, USA. Những tác phẩm bán chạy nhất của cha là:

- *Giôê (Joshua)* đã được dịch sang Việt ngữ năm 1995
- *Joshua and the Children*
- *The Shepherd*
- *Never Alone*
- *Joshua in the Holy Land*
- *Joshua and the City*
- *Chân Dung Đức Giêsu (Portrait of Jesus)*

Đường tu đức có nhiều lối. Đã bao nhiêu thế kỷ, các nhà thần học vẫn chưa thay thế được mẫu gương đầu tiên chính đức Giêsu đã dựng lên cho chúng ta. Trong "Chân Dung Đức Giêsu", linh mục Joseph Girzone đã vẽ lại con người Đức Giêsu trong các sách Phúc Âm và cho chúng ta một cái nhìn rất hấp dẫn về con người Giêsu.

Cha Girzone đi tìm con người của Đức Kitô nơi tâm trí độc giả bằng cách đặt ra một số câu hỏi: dân chúng đã thấy gì trong Giêsu khi ngài đi bách bộ ngoài đường phố? Đức Giêsu đã tiếp xúc với dân chúng như thế nào và những người này học hỏi được những gì khi gặp ngài? Những hành động của đức Giêsu có ý nghĩa gì để chúng ta sống trong cuộc sống ngày hôm nay? Đó chính là sự hiểu biết tài tình và chan chứa tình yêu của linh mục Girzone về Giêsu, trọng tâm của Kitô giáo và đã làm "Chân Dung Đức Giêsu" thành một hiện tượng mới trong truyền thống của loạt sách "Giôsê" của ngài.

Joseph F. Girzone là một Linh mục Công Giáo Rôma, hiện đang hưu trí vì lý do sức khỏe. Cha dành thì giờ để viết lách và thuyết trình về đức Giêsu tại nhiều quốc gia. Cha đã làm kinh ngạc hàng triệu độc giả với tác phẩm Giôsê (Joshua). Hiện cha đang sống tại Altamont, New York, USA. Cha đã thành lập Jesus Foundation, một tổ chức dẫn thân hoạt động cho thế giới hiểu rõ Đức Giêsu hơn.



Những tác phẩm cha đã phát hành:

- Giôsê (Joshua) đã được dịch sang Việt ngữ năm 1995
- Joshua and the Children
- The Shepherd
- Never Alone
- Joshua in the Holy Land
- Joshua and the City
- Chân Dung Đức Giêsu (A Portrait of Jesus) đã dịch sang Việt ngữ năm 2004